

hiện đại

THÁNG CHÍN - 1960

TẠ QUANG KHÔI
MẶC ĐỒ
BÌNH NGUYÊN LỘC
TẠ TỴ
VĨNH LỘC
HOÀNG ANH TUẤN

TIẾNG KHÓC
BỐN NGƯỜI KHÔNG NGŨ
HO LAO MUÔN NĂM
ĐÊM DÀI
CÁNH HỒNG
PHÍA NGOÀI

VAI TRÒ TẠP CHÍ TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM

lưu trung khảo: đồng dương tạp chí * nguyên xuân hiếu :
vai trò nam phong tạp chí * nguyên duy diễn: vai trò của
phong hóa, ngày nay * nguyên thức: tri tân, thanh nghị

và những sáng tác của :

Đình Hùng: TÌNH SỬ * Hoàng Anh Tuấn: BÀI CA DAO SAU
NÀY * Diệp Dạ Từ: SOI GƯƠNG * Tường Ngy Thanh: ĐẤU
THAI * Song Linh: LỐI ĐI * Thái Thủy: BÀI THƠ CHƯA CÓ
ĐOẠN KẾT * Thanh Nam: XUỐNG ĐƯỜNG

6

Chủ trương biên tập :
NGUYỄN SA

Tòa soạn : 16, Trương Công Định - Saigon

Tạp chí
Hiện Đại
số 6

tháng chín - 1960



Paris * 10 - 2025

Phục dựng : *Ban Tuyển đọc TVTL*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

Hiện Đại số 6

**VAI TRÒ TẠP CHÍ TRONG
VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM**

HIỆN ĐẠI số 6
Saigon * tháng 9-1960

NỘI DUNG SỐ NÀY

- | | |
|---|------------|
| 1. Hiện Đại | 11 |
| Vai trò tạp chí trong văn chương Việt Nam | |
| 2. Lưu Trung Khảo | 14 |
| Đông Dương tạp chí | |
| 3. Nguyễn Xuân Hiếu | 37 |
| Vai trò của Nam Phong tạp chí | |
| 4. Nguyễn Duy Diễn | 76 |
| Vai trò của Phong Hóa và Ngày Nay | |
| 5. Nguyễn Thúc | 108 |
| Vai trò của Tri Tân, Thanh Nghị | |

6. Đinh Hùng	135
Tình sử	
7. Hoàng Anh Tuấn	144
Bài ca dao sau này	
8. Thái Thủy	147
Bài thơ chưa có đoạn kết	
9. Thanh Nam	152
Xuống đường	
10. Tạ Tỵ	177
Đêm dài	
11. Vĩnh Lộc	196
Cánh hồng	
12. Hoàng Anh Tuấn	227
Phía ngoài	
13. Tưởng Ngự Thanh:	261
Đầu thai * Điệp Dạ Từ : Soi gương	

14. Tạ Quang Khôi	266
Tiếng khóc	
15. Mặc Đỗ	292
Bốn người không ngủ	
16. Bình Nguyên Lộc	318
Ho lao muôn năm	
17. Song Linh	336
Lối đi	
18. Nhìn bảy chân trời	374
Sĩ Mộc – Lý Tú	
19. Nguyên Sa	390
Khuôn mặt thời gian	

Hiện đại

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ

XUẤT BẢN NGÀY 10 MỖI THÁNG

Ban biên tập: ĐINH HÙNG, HOÀNG ANH TUẤN, LƯU TRUNG KHẢO, MẶC ĐỒ, NGUYỄN SA, NGUYỄN DUY DIỄN, NGUYỄN THỨC, TẠ TỶ, THÁI THỦY, THANH NAM, TRỊNH VIẾT THÀNH, TẠ QUANG KHÔI, SONG LINH, HOÀNG HẢI THỦY

Bài vở: Thanh Nam

Trị sự: Phạm Thái Thủy

Tòa soạn: 16, Trương công Định – Sai-
gon

Điện thoại: 22.354

VAI TRÒ TẠP CHÍ TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM

LUU TRUNG KHẢO * NGUYỄN XUÂN
HIẾU * NGUYỄN DUY DIỄN *
NGUYỄN THỨC

Sự có mặt của những tạp chí và tuần báo văn nghệ hàm chứa nhiều ý nghĩa khác nhau. Những cơ quan văn học sinh hoạt liên tục ấy hoặc được dùng làm diễn đàn phổ biến một quan niệm nghệ thuật mới hoặc chiếm giữ vai trò tấm gương phản chiếu những khía cạnh khác nhau của cuộc đời văn nghệ sống động.

Do đó, nhận định về những người đi lớp trước, tìm hiểu vai trò của những tạp chí tuần báo văn nghệ đã có mặt trong dĩ vãng với chúng tôi, là một việc làm cần thiết để có thể hy vọng tìm được phương hướng phải tiến tới.

Những tạp chí và tuần báo đó có mặt trong cuộc phát huy văn chương nước ta những năm tháng vừa qua không phải chỉ có Đông Dương tạp chí, Nam Phong, Phong Hóa, Ngày Nay, Tri Tân, Thanh Nghị. Chúng tôi nghĩ rằng vai trò của những tờ báo An Nam tạp chí, Hữu Thanh. Tiếng Dân, Trung Bắc tân văn, Nam Kỳ tuần báo, Nông cổ mín đàm, Phụ nữ Tân văn không phải là không đáng kể. Nhưng vấn đề tài liệu thiếu sót, khuôn khổ hạn định của Hiện Đại chỉ cho phép chúng tôi trình bày trong số này vai trò của Đông

*Dưỡng tạp chí, Nam Phong, Phong Hóa
Ngày nay, Tri Tân Thanh Nghị.*

Hiện Đại

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ

Lưu Trung Khảo

 háng 7 năm 1858, 14 chiếc tàu chiến chở hơn 3000 lính Pháp và Tây-ban-nha nổ súng bắn phá hai thành An Hải và Tôn Hải ở Đà Nẵng mở màn cho cuộc chiến tranh chiếm đất ở Việt Nam. Tháng 1 năm 1859, liên quân Pháp – Tây kéo vào Gia Định bắn phá và chiếm được thành Gia Định. Các tỉnh Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long lần lượt lọt vào tay người Pháp. Ngày 9-5-1862 Pháp và Việt Nam ký một tờ hòa

ước gồm 12 khoản. Theo hòa ước Pháp được triều đình Việt Nam nhường đứt cho ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. Hòa ước 1862 vừa ráo mực, người Pháp sau khi bình trị xong ba tỉnh đó, tiến quân chiếm luôn ba tỉnh miền Tây Nam kỳ: Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên (1867). Chính quyền của vua Tự Đức một sớm một chiều tan rã. Việc học hành thi cử theo chế độ cũ bị bãi bỏ để thay thế bằng một nền học mới. Chữ quốc ngữ ban đầu chỉ dùng để in những sách truyền giáo trong nhà chung, tuy cũng có những dịch phẩm, sáng tác, nghiên cứu song không được phổ biến lắm – giờ đây đã vượt khỏi ngưỡng của nhà thờ. Gia Định báo, tờ báo đầu tiên của nước ta xuất hiện năm 1867.

Không cần phải thông minh lắm, ai cũng có thể suy đoán mà không sợ sai

lầm rằng tờ báo đó còn ấu trĩ lắm. Cách trình bày đã vụng về, nội dung lại nghèo nàn và văn từ dĩ nhiên còn lồi thòi lắm. Ta hãy xem bài của Paulus Huỳnh Tịnh Của viết trong Gia Định báo (số 4, ngày 15-4-1867) để mừng Đốc phủ Ba Tường, khi ông này khánh thành nhà mới :

«... Người ta thấy người ấy (Tôn Thọ Tường) làm việc quan đã lâu, tưởng theo như kẻ khác thì đã có nhà cửa ng-hênh ngang, mà bấy lâu chịu cực ở đạm bạc, nay chỗ này, mai chỗ kia, lượt này mới được một cái nhà riêng sạch sẽ thì người ta mừng cho người ấy, cũng lấy làm phước đức lắm.

Có kẻ hỏi người ấy sao không làm theo nhà Tây mà ở, người ấy nói phải, cách nhà An Nam xấu thì có khi cũng nên bỏ đi mà đi theo cách nhà Tây, song le người ấy cũng muốn làm gương cho

người ta biết không can gì bỏ dấu tích An Nam.

Người ấy xét lại có nhiều người giàu có, ước sức cất nổi nhiều cái nhà tốt hơn nữa, mà những người ấy ăn ở sơ sài, nhà cửa tranh lá, cũng có kẻ bán nhà tốt đi, cất lại nhà xấu mà ở, làm ra việc sáp (?) thì quá mọt (?) thì chẳng những là trái ý người lớp trước, mà lại nghịch cùng người ấy nữa.»

Sau Gia Định báo, những báo chí về sau cũng không hơn gì. Hoặc chỉ đăng thông cáo của chính quyền, hoặc tin vặt, hoặc những bài diễn thuyết của những nhân vật quan trọng trong chính giới đương thời, những tờ báo đó — Đại Nam đăng cổ tùng báo, Đại Việt tân báo, Nông Cổ Mín đàm — chỉ có giá trị về phương diện tài liệu. Ta hãy đọc một đoạn trong bài Đại Pháp văn chương:

« Bài ngụ ngôn của ông La Fontaine ở bên Tây có một quyển sách mà lớn bé già trẻ ai cũng thích, không bao giờ chán là quyển thơ nhỏ mà ông Tây thông thái đã làm ra khi ông ấy đi dạo chơi sơn thủy. Những người nói ở trong truyện là mượn những thú vật, song người ta cũng đoán được rằng những giống ấy cũng như người đời bây giờ.

Người làm sách giỏi lắm vì nói được sự hay dở người ta mà không phạm đến ai... »

(Đại Việt tân báo

số 7 ngày 18 juin 1905)

Báo chí hồi đó của nước ta hãy còn thấp kém như vậy, cho nên kể đến vai trò báo chí của nước nhà, chúng ta không thể kể đến viên gạch xây nền đắp móng:

Đông Dương tạp chí.

Đông Dương tạp chí là một tờ tạp chí xuất hàng tuần vào mỗi ngày thứ năm. Số đầu tiên ra ngày 15 Mai 1913. Người chủ trương Đông dương tạp chí là Nguyễn văn Vĩnh. [Nguyễn Văn Vĩnh sinh ngày 30-4-1882, quán làng Phượng Dực, tổng Phượng Dực, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. Năm 14 tuổi đậu tốt nghiệp trường thông ngôn (Collège des Interprètes). Ban đầu ông giữ chức Thư ký tòa sứ ở các tỉnh Lao Kay, Kiến An, Bắc Ninh và Hà Nội, rồi được cử đi dự cuộc đấu xảo ở Marseille (1906). Trở về ông xin từ chức và chuyên lo về đường doanh nghiệp: cùng Dufour, mở nhà in thứ nhất ở ngoài Bắc và cho in bản dịch Tam quốc chí cùng Kim Vân Kiều.

Năm 1907, làm chủ bút Đăng cổ tùng báo. Năm 1908 mở tờ báo chữ Pháp : No-

tre Journal. Năm 1909 làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo chữ Pháp thứ hai : Notre Revue. Năm 1910, vào Nam làm chủ bút từ Lục tỉnh tân văn. Năm 1913 ông đứng chủ trương Đông Dương tạp chí. Năm 1919 thay F.H Schneider làm chủ nhiệm tờ báo hàng ngày đầu tiên ở Bắc : Trung Bắc tân văn. Năm 1931 ông cùng mấy người bạn mở tờ Annam Nouveau.

Về chính trị, Nguyễn Văn Vĩnh đã bước chân vào trường hoạt động từ năm 25 tuổi. Ông từng làm Hội viên Hội đồng thành phố Hà nội, phòng Tư vấn Bắc kỳ và Đông dương Đại hội nghị. Theo lời Nguyễn Quyền, một yếu nhân trong Đông Kinh nghĩa thực thì Nguyễn văn Vĩnh đã giúp nghĩa thực rất nhiều trong việc diễn thuyết và giảng dạy Pháp văn. Nhiều người ngờ ông tham gia vào tổ

chức để làm mật thám cho Pháp nhưng Nguyễn Quyền cho là không đúng.

Ông mất ngày 2-5-1936 ở Tchépone Ai Lao trong khi đi tìm vàng cùng với một người Pháp. (Theo tài liệu của Nguyễn Đức Thông trong ông Quốc văn sơ học độc bản 1927)]

Đông Dương tạp chí đã quy tụ được nhiều cây bút đứng đắn, có thực học, thiện chí muốn phổ thông phát triển quốc văn để xây dựng một nền quốc học. Về phía tân học, những người xuất sắc nhất là: Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Tố, Phạm Duy Tốn. Bốn nhà văn này được coi như tứ trụ của ngôi nhà văn học và thời đó câu “Quỳnh Vĩnh, Tố, Tốn” được truyền tụng không kém gì câu “Tùng, Tuy, Siêu, Quát” đời Tự Đức. Bên phía cựu học phải kể Phan Kế Bính và Nguyễn Đỗ Mục.

Xuất hiện vào giữa lúc mới cũ chưa phân, Đông Dương tạp chí đã phản ánh được sự dao động của nền văn học Việt Nam thời đó. Lúc đó người Việt Nam vẫn còn dùng chữ Hán và chữ nôm nhiều hơn chữ quốc ngữ. Chẳng những các chiếu biểu làm bằng chữ Hán cho đến những thư từ giao dịch hàng ngày cũng đều viết bằng Hán văn cả. Kỳ thi Hương cuối cùng được bãi bỏ vào năm 1915 (Bắc kỳ) và 1918 (Trung kỳ), chữ Hán và chữ nôm đã bước sang thời kỳ tàn lụi để nhường vai trò lãnh đạo cho chữ quốc ngữ. Nhưng chữ quốc ngữ là một thứ chữ mới, nhiều nhà cựu học bảo thủ chê là “thứ chữ rỗng rần không thể dùng để viết văn được”. Gia dĩ thứ chữ này không có thành tích về quá khứ như chữ Hán chữ nôm mặc dù có những áng văn chương trác tuyệt như vậy vẫn còn bị các nhà nho chế giễu “nôm na

là cha mách quế” nên các cụ không tin tưởng vào nó. Ở những gia đình khoa giáp, người ta vẫn cho con em học chữ Hán như thường. Những nhà tân học thì lại cho con em học Pháp ngữ. Thành ra phần đông bên cựu học cũng như bên tân học đều nhìn chữ quốc ngữ bằng cặp mắt khinh thị. Riêng Nguyễn Văn Vĩnh và những nhà văn biên tập Đông Dương tạp chí không quan niệm như vậy. Nguyễn Văn Vĩnh trong bài tựa bản dịch Tam quốc chí của Phan Kế Bính đã viết một câu bất hủ: “Nước Nam ta sau này hay dở cũng là nhờ ở chữ quốc ngữ.” Ý thức được vai trò của tờ tạp chí này trong lúc giao thời, Nguyễn Văn Vĩnh đã chú trọng đặc biệt về việc giúp độc giả tìm hiểu văn học chữ Hán và văn học Pháp. Chính vì vậy mà Đông Dương tạp chí chú trọng đặc biệt tới phần dịch thuật, phần khảo luận, phần phiên âm

của tác phẩm bằng chữ nôm ra chữ quốc ngữ và phần phê bình các sách viết bằng chữ quốc ngữ mới xuất bản.

Các dịch giả bên phía Pháp văn có Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh Phạm Duy Tốn, Nguyễn Văn Tố. Họ dịch theo lối đối chiếu: một bên là nguyên tác bằng Pháp văn, một bên là bản văn dịch bằng chữ quốc ngữ. Những dịch phẩm này vừa giúp độc giả thưởng thức những tinh hoa của nền văn học Pháp lại vừa giúp độc giả trau dồi thêm kiến thức về Pháp ngữ. Họ chọn những tác phẩm có giá trị của các tác giả hữu danh trong văn học sử Pháp: La Fontaine, Anatole France, Molière, Chateaubriand. Nguyễn Văn Vĩnh còn dịch thơ nôm ra Pháp văn – Kim Vân Kiều – Hán văn ra Pháp văn – Phú Tiên xích xích của Tô Đông Pha.

Bên phía Hán học, Phan Kế Bính và Nguyễn Đỗ Mục đã dịch những áng danh văn của Trang tử, Liệt tử, Âu dương Tu, Tô Đông pha, Đào Tiềm, ra quốc văn. Tuy mới làm quen với quốc văn, nhưng những dịch phẩm đó đủ xứng đáng với lòng tin cậy và kỳ vọng ở mọi người. Ta hãy xem bài văn dịch sau này của Phan Kế Bính:

Ngồi rồi là thuốc độc (Đông lai tử)

Trong đời chết về thuốc độc, một vạn người họa là mới có một người; chứ chết vì ăn không ngồi rồi thì nhiều lắm. Cái độc ăn không ngồi rồi, rất thảm rất ác, không có sự gì nói thí dụ cho được, nhưng hãy tạm đem những sự đáng sợ hãi mà thí dụ như sau này: Xe đi trên mặt đất không chỗ nào nguy hiểm cho bằng những mặt đất phẳng phiu; thuyền

đi dưới nước, không chỗ nào yên ổn cho bằng đường khuất khúc. Sao vậy? Nghĩa là khó khăn biết giữ gìn thì hóa yên, nơi dễ dàng coi thường thì có khi nên vạ. Người trong đời thường sống vì những khi lo lắng cần khổ, mà chết về những lúc sung sướng thanh nhàn, lẽ ấy rất rõ, mà người không biết sợ là bởi không biết nghĩ đó thôi. Những lúc ngồi không, thử nghĩ mà coi: Để cho chí khí ta sinh ra suy nhược là bởi đâu? Để cho công việc ta sinh ra lười nhác là bởi đâu? Để cho ngày tháng ta bỏ qua là bởi đâu? Để cho ta mai sau này cùng nát với cỏ cây là bởi đâu? Để cho ta sình cái lòng muốn của ta, không biết quay đầu lại, rồi lại đeo thêm cái tiếng xấu là bởi đâu? Để cho ta nhác sự phòng bị, quên sự lo lường, rồi đến nỗi mắc vào tội vạ là bởi đâu?

Ấy đó là những cành lá bởi gốc mà ra, nghĩa là tự sự ăn không ngồi rồi gây nên cả.

Phan Kế Bính diễn nôm
(Đông Dương tạp chí bộ mới
số 61 trang 491 phần văn chương)

Phần khảo luận do Đoàn Tinh Canh, Phạm Duy Tồn, Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Tố đảm nhiệm. Những bài khảo luận này bàn về những vấn đề xã hội, triết học, văn học, giáo dục...

Đọc những bài khảo luận này, người đọc dù bị quan đến đâu cũng phải công nhận rằng tiếng nước ta có đủ chữ dùng để bàn về những vấn đề trừu tượng và cao xa. Những bài Gốc tích về sự tư tưởng của loài người (Phạm Duy Tồn Đ.

D. T. C. số 27 và 28); Lòng ước muốn của loài người (Phan Kế Bính Đ. D. T. C. số 150); Tự do bình đẳng là thế nào? (Nguyễn Văn Ngoạn Đ. D. T. C. số 42); Cái tư tưởng của ta (Đoàn Tinh Canh Đ. D. T. C. số 105); Lời quyền (Đoàn Tinh Canh Đ.D.T.C. số 106 và 107); Phạm tòng (Đoàn Tinh canh Đ.D.T C. số 120) là những thí dụ hùng hồn chứng tỏ khả năng của tiếng Việt. Cho đến ngày nay thiên Việt Hán văn khảo của Phan Kế Bính vẫn còn là một tập tài liệu quý bán cho những ai muốn tìm hiểu và tham khảo về văn chương Trung quốc và Việt Nam. Khi một người có một sở học vững chắc tất không sao viết nổi. Dem so sánh đoạn văn sau đây của Nguyễn Văn Vĩnh nói về La Fontaine với đoạn văn đăng trong Đại Việt tân báo, ta có thể tìm thấy sự rõ rệt :

La Fontaine. — Ông Jean de la Fontaine sinh tại Château Thierry năm 1621, chết tại Paris năm 1695. Ông thân sinh ra ngài vốn làm kiểm lâm, trước định cho ngài đi học để làm nhà thầy, song ngài không có đủ tư cách theo đạo tu hành, cho nên lại bỏ trường nhà giáo mà học hình luật. Cha thấy tính bông lông bèn lấy vợ cho và nhường chức kiểm lâm cho, nhưng ông La Fontaine không phải là một ông quan tốt mà cũng chẳng phải là một người giữ được gia đạo. Sau bỏ cả chức và quên cả vợ. Nguyên ông La Fontaine có ba tật, khiến nên người tộc trưởng rất xấu : một là tật mê gái, hai là lười biếng, ba là tật hay làm thơ.

Thích làm thơ từ thuở 22 tuổi. Về sau gặp được quan hộ bộ Fouquet là một người quyền thế to lớn của mà lại hay hậu đãi những người hay chữ và có tài,

mới cấp cho ông La Fontaine mỗi năm 1000 livres. Cứ ba tháng một kỳ lĩnh tiền bắt phải làm một bài thơ làm biên lai.

Từ lúc ông La Fontaine yên được nơi ăn chốn ở mới làm ra những thơ này, dị thường như trò đùa bỡn, mà xem ra nghĩa lý sâu sắc vô cùng, ngày nay ở bên đại Pháp lấy làm sách học, ai ai đều biết thuộc lòng.

(Đông Dương tạp chí, phần văn chương, số 1 trang 4 và 5)

Đông dương tạp chí lại sưu tầm để đăng những áng thơ nôm cổ như thơ của Nguyễn Khuyến, Hoa tiên truyện của Nguyễn Huy Tự v.v.. Phần này không được săn sóc chu đáo cho lắm nên số có số không nhiều bài lại chép sai lầm về tiểu sử tác giả cũng như văn thơ nữa. Thí dụ bài nói về Nguyễn Khuyến sau đây :

Tam nguyên Nguyễn tất Thắng, người làng Yên Đỗ, huyện Nam Sang tỉnh Thái bình hay chữ có tiếng ở Bắc kỳ, đỗ Tam nguyên, không xuất chính, chỉ ngồi nhà dạy học. Thơ nôm hay lắm, nhưng tài Nôm nước Nam ngày xưa không biết trọng mà chỉ lấy làm nghề chơi, cho nên không in thành sách. Trong các nhà hay thơ Nôm họa có cụ này, là có thể cứu dân được nguyên văn, mà in thành một tập”.

Ngay ở câu đầu, chúng ta có thể tìm thấy ba lỗi :

1- Nguyễn văn Thắng (sau đổi là Nguyễn Khuyến) chứ không phải Nguyễn tất Thắng.

2- Nguyễn Khuyến người làng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam chứ

không phải huyện Nam Sang tỉnh Thái Bình.

3- Nguyễn Khuyến có xuất chính : đã từng lĩnh chức Sơn Hưng Tuyên Tổng đốc.

Dẫu vậy ta phải nhận rằng mấy chục bài thơ nôm cổ về cung oán, truyện Hoa tiên (bản chú thích của Đặng trăn Tiến); Tự tình Khúc là những tài liệu văn nôm rất quý báu và có giá trị.

Thỉnh thoảng ở cuối mỗi số Đông Dương tạp chí lại có mục Bình phẩm sách mới (Notes bibliographiques). Đọc trong mục này, ta thấy các tác phẩm hồi đó mới nghèo nàn làm sao! Có khi hàng tháng mục này vắng bóng. Có một cuốn sách mới xuất bản thì có bốn năm bài phê bình khác nhau (mỗi kỳ một bài). Phương pháp phê bình hãy còn thô sơ

và vụng về lắm. Thí dụ như bài phê bình sau đây:

“Phép nuôi con¹... Nói về những cách người mẹ phải giữ gìn từ lúc có thai, cho đến lúc đẻ con ra, và nuôi con là thế nào.

Sách này bán tại nhà in Taupin, giá bán mỗi quyển chỉ có một hào (0\$10) mà nói đủ những cách thiết yếu và giản dị về việc nuôi con, ai cũng có thể theo được. Vậy thì các bà An-nam ta cùng các cô con gái sắp về nhà chồng nên cần xem quyển sách này lắm, dù chưa biết đọc chữ quốc ngữ cũng mượn người đọc lên mà nghe.

Đó thật là một quyển sách quý báu để khiến cho giống nòi con rồng cháu tiên của người An-nam ta tránh khỏi những sự khổ sở toét mắt, chốc đầu, xúi

1 Đó là tên một loạt bài diễn thuyết bằng chữ Pháp của bác sĩ R. Tardieu thu thập lại và dịch thành sách.

da trâu, phình bụng cóc như những đứa trẻ mà mắt ta vẫn thường trông thấy.

Ngư này thiết tưởng thời buổi ngày nay, hai chữ thể dục là cần hơn cả thì việc nuôi con này chính là một việc cải lương trước nhất của nước ta bây giờ.

Chẳng những các bà cùng các cô sắp về nhà chồng nên xem sách này mà thôi. Nếu các ông đã xem qua sách này thì có khi cũng không cần phải nghị luận đến câu: “Vợ là vật gì?” Mà ông nào cũng biết quý những người đàn bà đáng quý.

(Nguyễn đồ Mục,
Đ.D.T.C. số 86 trang 696)

Riêng về phần sáng tác — tôi muốn nói tới những tác phẩm thiên về trí tưởng tượng và tình cảm — Đông Dương tạp

chí hầu như không có lấy một bài nào đọc được. Ta có thể giải thích sự kiện này không khó khăn lắm. Đó là tờ tạp chí xuất hiện lúc ban đầu nhằm mục đích đặt viên gạch đắp móng cho tòa lâu đài quốc văn nên phần dịch thuật, khảo luận, phê bình được coi là quan trọng hơn. Nam Phong tạp chí (số đầu xuất hiện vào tháng Juillet 1917) trong những năm đầu cũng không hơn Đông Dương tạp chí nhiều lắm. Ấy là Phạm Quỳnh đã thừa hưởng biết bao kinh nghiệm của Nguyễn Văn Vĩnh ! Mãi sau này Nam Phong tạp chí mới đăng thơ sáng tác của độc giả bốn phương — dĩ nhiên là thơ luật — truyện ngắn của Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học. Những sáng tác này hãy còn mắc phải khá nhiều khuyết điểm nhưng bước đầu tiên được thể cũng là khá lắm rồi.

Trên đường xây dựng tòa lâu đài quốc văn, Đông Dương tạp chí đã góp vào một số lớn vật liệu. Mặc dù tờ tạp chí đó hãy còn mắc phải nhiều khiếm khuyết nhưng không ai có thể phủ nhận được vai trò lãnh đạo tiên phong của nó. Nếu người ta có vì những tức khí nhất thời mà chê Nguyễn Văn Vĩnh là một nhà buôn, một tay sai của Pháp, một học phiệt, thì chúng ta đứng trên bình diện văn học, vô tư và khách quan hơn có thể nói : Nguyễn Văn Vĩnh là người lính tiên phong trong đội quân báo chí ; ***Đông Dương tạp chí chính là viên gạch xây nên đắp móng cho tòa lâu đài quốc học Việt Nam.***

LƯU TRUNG KHẢO

VAI TRÒ NAM PHONG TẠP CHÍ

Nguyễn Xuân Hiếu

Nam Phong là một tờ tạp chí ra hàng tháng, xuất bản tại Hà Nội từ tháng 7 năm 1917 đến tháng 12 năm 1934, được tất cả 210 số, 18 năm. Đó là tờ tạp chí sống lâu đời nhất và xuất bản liên tiếp nhất trong các tạp chí xuất bản tại Việt Nam từ trước tới nay. Sáng lập viên là ông Marty, một quan cai trị có thể lực ở Đông Dương hồi đó. Chủ nhiệm kiêm chủ bút là ông Phạm

Quỳnh từ 1917 đến 1931. Từ 1932 trở đi, sau khi ông Phạm Quỳnh về Huế lĩnh chức Ngự tiền văn phòng Đồng lý và Học Bộ Thượng thư, thì tờ báo được giao cho các ông Nguyễn Hữu Tiến, Lê Văn Phúc và Nguyễn Tiến Lãng. Cùng viết với ông Phạm Quỳnh có một số nhà văn nhà báo khác như Nguyễn Hữu Tiến, Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Trọng Thuật, Trần Văn Ngọan, v.v... họp thành một nhóm mà người ta quen gọi là nhóm Nam Phong tạp chí. Tuy nhiên nói là một nhóm là do người sau đặt ra mà thôi, chứ đương thời, những nhà văn đó chỉ là những người viết luôn luôn nhiều nhất cho báo Nam Phong và không hề bao giờ họp thành một nhóm, một văn phái có chủ trương nhất định như nhóm Tự Lực Văn Đoàn sau này. Phần lớn các bài trong Nam Phong đều do Phạm Quỳnh viết, nhất là

các bài theo đúng chủ trương của Nam Phong.

Chỉ cần giờ bất cứ một số Nam Phong nào ra, nhất là trong những năm đầu, chúng ta có một ý niệm rõ ràng về việc này. Cho nên tuy có nhiều nhà văn cùng viết, người quan trọng nhất vẫn là ông Phạm Quỳnh. Do đó trước khi xét đến Nam Phong, chúng ta cần nghiên cứu về ông này trước.

✱

Phạm Quỳnh (1892-1945) thường gọi là Thượng Chi, còn có biệt hiệu Hồng Vân, sinh năm 1892, quán tại làng Lương ngọc, phủ Bình Giang tỉnh là Hải Dương (Bắc Việt Nam). Ông theo học trường thông ngôn rất sớm và đậu bằng

Cao đẳng tiểu học năm 1908, mới có 16 tuổi và đậu thủ khoa. Ngay năm đó, ông được vào làm tại trường Viễn đông bác cổ tại Hà Nội.

Cuộc đời của ông từ đây có thể phân làm ba giai đoạn khác nhau.

1. Thời kỳ làm việc tại trường Viễn Đông Bác cổ 1908-1917. Trường này là nơi người Pháp lập ra để khảo về cổ học Việt Nam và Viễn Đông. Thời ấy, đó là nơi tương đối có nhiều sách vở nhất, đầy đủ cho việc khảo cứu. Phạm Quỳnh đã lợi dụng tình trạng đầy đủ sách vở này để học hỏi rất chuyên cần và chẳng bao lâu trở nên một người học rộng, giỏi chữ Pháp, giỏi cả chữ Hán. Điều ta cần chú ý là ngoài ông Phạm Quỳnh, trường Viễn Đông Bác Cổ còn là nơi đào tạo ra một người học rộng nữa là ông Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố.

2. Thời kỳ làm báo Nam Phong (1917-1932). Năm 1917, ông Marty một quan cai trị có thế lực, có ý kiến ra một tờ báo bằng Việt ngữ và giao cho ông Phạm Quỳnh làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Trong thời kỳ này ông đã tỏ ra có kỳ tài về quốc văn và khảo cứu các vấn đề có liên quan đến văn hóa. Năm 1922, được cử đi Pháp, ở tại Paris 3 tháng đã diễn thuyết tại Viện Hàn lâm và trường Thuộc địa Pháp, rất được hoan nghênh.

3. Thời kỳ làm quan (1932-1945). Năm 1942, vua Bảo Đại, sau khi về nước tổ chức lại Nội các và vời Phạm Quỳnh vào Huế cho giữ chức Ngự tiền văn phòng Đồng Lý là một chức tuy không phải là to nhất, nhưng trong thực tế là một chức quan trọng hàng đầu. Sau đó, ông được làm Thượng thư Bộ Lại, rồi Thượng thư Bộ Giáo dục. Năm 1945,

Nhật đảo chính, ông bị mất chức rồi vào khoảng tháng 8-1945 bị bắn chết tại một làng gần Huế.

Tất cả tác phẩm của ông đều là những bài viết đã đăng trong Năm Phong. Sau đó, một số các bài này đã được in lại trong năm cuốn sách bằng Việt ngữ nhan đề : Thượng Chi Văn Tập. Các bài viết bằng Pháp văn cũng đã được in lại trong các cuốn : Essais Franco-annamites.

Phần lớn các tác phẩm này đều là sách dịch hay khảo cứu, phần sáng tác có rất ít, chỉ có một số nhật ký khi sang Pháp, đi Huế hay đi Nam Kỳ, như Pháp du hành trình nhật ký. Một tháng ở Nam kỳ, Mười ngày ở Huế, một số bài diễn thuyết về ca dao, về Nguyễn Du, v.v... Phần dịch, ngoài những bản dịch ở các sách Pháp về mọi vấn đề văn học, khoa học, triết học tôn giáo, chúng ta

có thể kể những cuốn quan trọng như: Phương pháp luận, dịch cuốn Discours de la méthode của Descartes, Cách ngôn của Epictète, Marc Aurele, Tuồng Lôi xích (Le Cid), Hòa lạc (Horace) của Corneille, Đời đạo lý (La vie sage) của Paul Carton, v.v... Sau khi khảo sát xong về tiểu sử và văn nghiệp của ông Phạm Quỳnh, chúng ta nhận thấy :

1) Ông là một người vô cùng thông minh. Năm 16 tuổi đã đỗ Thủ khoa kỳ thi tốt nghiệp ở trường Bảo hộ. Trong đoạn nhật ký của ông đăng trong Nam Phong số 75, ông đã viết là trong kỳ thi năm đó, bài chữ Hán của ông đáng lẽ không được điểm nào, nhưng giám khảo thương hại cho 1/2 điểm để khỏi bị loại, tuy vậy ông vẫn đỗ đầu. Điều đó chứng tỏ khi thi ông không hề biết chữ nho. Trong gần 10 năm trời, từ 1908 đến

1917 ông đã tự học để thông hiểu chữ Hán một cách thấu đáo đến độ có thể khảo cứu bằng chữ Hán được. Ông đã tự học trong 10 năm trời để từ địa vị một người học trò trung học bước lên địa vị một nhà báo, nhà văn, nhà bác học nổi tiếng. Những bài khảo cứu trong Nam Phong cho ta thấy không những ông giỏi về Tây học mà còn giỏi cả về nho học nữa. Những cuộc diễn thuyết tại Pháp và tại Việt Nam cho ta thấy ông là người có tài ăn nói, rất hùng biện. Chỉ đỗ bằng Cao Đẳng Tiểu học mà được mời giảng dạy tại các trường Cao Đẳng và Ngôn ngữ học, sau này được chấm các kỳ thi tri huyện ở Bắc Việt là những kỳ thi rất khó, ông đã chứng tỏ một biệt tài không ai là người có thể phủ nhận được. Cần ghi là khi ông bắt đầu chủ trương tờ Nam Phong ông mới có 24 tuổi.

Phạm Quỳnh không phải là một nhà văn theo đúng nghĩa người ta thường gán cho hai chữ này. Ông không hề bao giờ viết tiểu thuyết: hay tùy bút, hay làm thơ. Phần lớn văn nghiệp của Ông là những bài dịch chữ Pháp, chữ Nho, hay những bản khảo cứu. Phần sáng tác rất ít, lại không thuộc phạm vi văn nghệ. Thường những tác giả như vậy không thể có một địa vị quan trọng trong văn học sử. Vậy mà cùng với ông Nguyễn Văn Vĩnh, ông Phạm Quỳnh là người chúng ta không thể bỏ qua được khi khảo cứu đến văn học trong thời kỳ này. Lý do là vì các Ông là những người đã đi tiên phong trong thời kỳ quốc văn còn phôi thai, và là những người có công vào bậc nhất trong việc xây dựng nền quốc văn này.

✱

Muốn hiểu rõ sự quan trọng của tạp chí Nam Phong chúng ta cần xét lại tình trạng học thuật tư tưởng của nước nhà hồi đó. Có mấy điểm đáng chú ý :

a) Về phương diện hình thức – Sự xuất hiện và phát triển của chữ quốc ngữ.

Lịch sử văn học, đã cho ta thấy chữ quốc ngữ tuy xuất hiện từ lâu, nhưng đến đầu thế kỷ thứ XX mới tiến mạnh và luôn luôn phát triển không ngừng. Với Trương-vĩnh-Kỳ và Huỳnh-tịnh Của, hai nhà văn tiền phong, chữ quốc ngữ đã bắt đầu những bước đi chập chững trong công cuộc diễn tả ý tưởng để thay thế cho chữ Nôm. Sức mạnh của Tây phương đã làm cho các nhà thức giả, cựu học cũng như tân học đồng lòng quan niệm rằng sở dĩ nước nhà kiệt quệ và đi đến chỗ mất nước là do sự sùng mộ quá đáng đối

với nền cựu học, đối với chữ Hán. Ông Vũ Bội Liên trong Đảng Cổ tùng báo đã viết: “Chữ Hán quả là một cái hàng rào hiểm chắn ngang đường văn minh, làm cho kẻ đi học phải mỏi lưng, tốn cơm gạo mới dùng được chữ, khi dùng được chữ thì trán đã nhăn, lưng đã còng vì nỗi dùi mài một đời, học các điều cao xa quá. Chữ thâm, chữ hại, làm cho ai mớ đến cũng quên cả việc thường đời nay để học việc đời xưa, đời xưa thực chết rồi, thực xa rồi.” [Chép lại do Thanh Lăng (Biểu nhất lãm văn học cận đại trang 178).] Cho nên mọi người đều hào bỏ cái học cũ, chữ cũ, theo học mới Tây phương và học chữ mới là chữ quốc ngữ. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục đã có công lớn trong công cuộc này. Đến năm 1913 là năm Đông Dương Tạp Chí của Ông Nguyễn Văn Vĩnh xuất hiện, chữ quốc ngữ đã bắt đầu làm bá chủ trên văn đàn thay thế một cách vĩnh viễn cho

chữ Hán và chữ Nôm. Số người đọc chữ quốc ngữ càng ngày càng nhiều, nhất là trong giới trí thức trung lưu. Một vấn đề mới được đặt ra làm sao cung ứng cho nhu cầu học hỏi càng ngày càng lên cao này. Cho đến làm năm 1917, năm Nam Phong ra đời, một tờ Đông Dương Tạp Chí chưa đủ giải quyết được vấn đề.

b) Về phương diện nội dung. — Nền cựu học bắt đầu phá sản là một sự dĩ nhiên không còn ai chối cãi được. Mấy ngàn năm trau dồi nền văn hóa cũ không đủ ngăn cản sự mất nước. Sức mạnh của Tây phương đã làm cho mọi người tỉnh ngộ, không còn tin tưởng một cách mù quáng vào cái học Khổng Mạnh nữa. Nhưng bỏ cái học cũ đi là một chuyện, còn phải thay thế nó bằng một thứ gì ? Nền học mới từ Tây phương đem lại, cần được phổ biến là một lẽ dĩ nhiên, nhưng

cái học mới này có thể hoàn toàn thay thế cái học cũ không ? Phần lớn các nhà thức giả đó tin tưởng rằng chúng ta có thể tự tạo ra một nền tư tưởng học thuật mới bằng cách dung hòa những cái hay của hai nền văn hóa Đông phương và Tây phương. Muốn đạt được mục đích đó họ quan niệm, cần phải, một đảng phổ biến học thuật tư tưởng Tây phương sâu rộng trong xã hội, một đảng khác, tìm cách chấn hưng nền học cũ đương bị lu mờ, lung lay đến tận gốc do trào lưu mới từ Tây phương đem lại. Cho đến năm 1917, năm Nam Phong tạp chí ra đời, chưa có một cuốn sách hay một tờ báo nào làm cái công việc phổ biến và chấn hưng đó.

Nam Phong tạp chí ra đời đúng lúc để đưa ra một giải pháp cho hai vấn đề nói trên :

1) Cung ứng cho nhu cầu học hỏi của xã hội.

2) Phổ biến nền văn hóa mới và chấn hưng nền văn hóa cũ.

Tôn chỉ Nam Phong

Tôn chỉ của Nam Phong đã được trình bày rất rõ ràng trong bài “Mấy nhời nói đầu trong số đầu tiên ra ngày 7 tháng 7 năm 1917 và các bài rải rác trong những số báo về sau như nhân dịp kỷ niệm mười năm ra đời, vào lúc thay đổi chủ nhiệm vào năm 1932 cũng như trước khi đình bản tổng kết trong số cuối cùng 210 ngày 16 tháng 12 năm 1934.

Ta thử đọc :

1) Cái mục đích của bản báo là muốn gây lấy một cái học mới để thay vào cái Nho học cũ cùng đề xướng lên một cái

tư trào mới hợp với thời thế cùng trình độ dân ta. Cái tính cách của sự học vẫn mới cùng cái tư trào mới ấy là tổ thuật cái học vấn tư tưởng của Thái Tây mà không quên cái quốc túy trong nước.

2) Bốn báo không chủ sự phổ thông mà muốn làm cái cơ quan tư tưởng riêng cho bọn Cao đẳng học giới của nước ta gồm cả những bậc cựu học cùng tân học mà dung hòa làm một.

3) Cái phạm vi của bản báo và gồm những sự học thuật tư tưởng đời xưa, đời nay cũng những vấn đề quan trọng trong thế giới bây giờ nhưng trong cách diễn thuật bình phẩm những học thuật tư tưởng cùng những vấn đề ấy ấy, vụ theo lấy cái phương tiện giản dị hơn nhất thích hợp với trình độ người nước ta.

(Nam Phong số 1 tháng 7 năm 1917)

Bổn báo trước hết đem chữ quốc ngữ mà luyện tập cho thành quốc văn để làm cái lợi cái khi cho văn hóa sau này; dùng quốc văn để truyền bá cái học thuật tư tưởng mới.

(Nam Phong số 119 tháng 7 năm 1932)

Sự nghiệp Nam Phong cố gắng cho quốc dân là bắt đầu làm cho tăng tiến trình độ tiếng Nam... đem phát huy cái chủ nghĩa tôn sùng tiếng Nam mà mấy bậc đàn anh mới đề xướng cho truyền bá ra thành phong trào; hiện ra thực tế... mạnh bạo đem tiếng Nam ra ứng dụng ngay vào những lối văn Cao đẳng như những văn khảo cứu, luyện thuyết, phê bình về triết học, chính trị, kinh tế, khoa học lịch sử, xã hội, tôn giáo, và dịch những văn, những sách về những môn loại trên ấy của Đông phương và Tây phương. Vừa làm vừa tìm tiếng ghép

dùng dần dần, nghiệm thấy tiếng Nam có đủ tư cách đối phó và diễn tả được những tư tưởng cao thượng có thể bước chiếm dần lên cái ghế trong trường học văn.

(Nam Phong số 210
tháng 12 năm 1934)

Nói tóm lại, tôn chỉ của Nam Phong là :

1) Gây lấy một nền học mới bằng cách dung hòa tư tưởng học tư tưởng học thuật của Tây phương với cái học cũ cổ truyền, nhân đó đề xướng một tư trào mới hợp với thời thế cùng trình độ dân nước Việt thời đó.

2) Xây dựng một nền quốc văn mới bằng cách dùng chữ quốc ngữ diễn tả các tư tưởng cũng tình cảm về đủ các

phương diện, triết học, khoa học, văn học, tôn giáo v.v... để luyện cho quốc văn càng ngày càng tiến triển hơn lên.

Nội dung Nam Phong. Để đạt các mục tiêu nói trên, trong suốt thời kỳ 18 năm tạp chí Nam Phong:

1) Gồm có ba phần: một bằng Việt ngữ, một bằng Hán văn và một bằng Pháp văn, mỗi phần ước độ 50, 60 trang. Sự xếp đặt này không ngoài mục đích để cho bất cứ ai cũng có thể đọc được, dù là cựu học, hay tân học, người Việt, người pháp, người Trung Hoa. Tuy vậy phần quốc văn vẫn được coi là quan trọng hơn cả, cho nên bao giờ cũng nhiều trang, hơn hai phần chữ Pháp và chữ Hán. Các bài trong hai phần sau thường là bài dịch của hai phần trước.

2) Đã phổ biến thuật tư tưởng Tây

phương bằng cách dịch thuật các sách triết học, khoa học, văn học ra tiếng Việt, hoặc đem các sách này ra phân tích, bình luận, tóm tắt bằng một lối hành văn dễ hiểu để cho người đọc có thể lĩnh hội được. Các loại dịch thuật này rất linh tinh về đủ mọi phương diện của tư tưởng học thuật Tây phương. Ví dụ về triết học có triết học là gì (N.P. số 70) ; triết học Âu Châu ngày nay (N.P. số 119) ; Tâm lý học (N.H. số 88 và tiếp) Luân lý là gì? (N.P. số 91) v.v... Về khoa học có Tàu ngầm tàu lặn (N.P. số 1) ; Sao băng (N.P. số 27) Nói về vì trùng (N.P. số 72) v.v... về kinh tế có khảo về tiền tệ (N.P. số 37). Khảo về ngân hàng (N.P. số 27) v.v... về tiểu chuyện danh nhân có Thomas Edison (N.P. số 72) ; Pasteur (N.P. số 66) v.v... Phân tích các tiểu thuyết hay của Pháp như Nghĩa cái chết (le sens de la mort – Paul Bourget (N.P.

1) ; Lỡ dở đường (l'etape) ; Vua bể (E. Vogue de Melchior)v.v...

3) Đã chấn hưng cổ học Đông phương bằng cách :

– Khảo về các vấn đề triết học: khoa học như của Tây phương. Ví dụ : Phật giáo lược khảo (N.P. 40 và tiếp) Sự tích Khổng Phu Tử (N.P. số 38) Đạo giáo (N.P. số 67) Khảo về luân lý học sử nước Tàu (N.P. 37 và tiếp).

– Sưu tầm những tài liệu về các áng văn cũ nôm hay Hán văn của văn học sử, dịch thuật các sách chữ Hán, những văn thơ cũ như của Nguyễn Bỉnh Khiêm, Trần Tế Xương, Hoài Nam ca khúc (N.P. số 73). Truyện Sãi vãi cùng tiểu truyện tác giả là Nguyễn Cư Trinh (Nam Phong số 32) Phong dao lịch sử (N.P. số 76) Nam âm thơ văn khảo luận (N.P. 19 và

tiếp) Tiểu thuyết cổ Lĩnh Nam Dật Sử. Một bộ sách có giá trị cho quốc sử (N.P. 52) v.v...

3) Đã xây dựng nền quốc văn, nhất là văn xuôi mới bằng cách khảo cứu và bình luận về các văn thơ Việt Nam và của Trung Hoa ví dụ: Bàn về sự dùng chữ nôm trong chữ quốc ngữ (N.P. số 20) Lối tả chân trong văn chương (N.P. số 21) Bàn về tiếng Việt (N.P. số 22) Tâm lý người nhà quê qua câu hát (N.P. số 88) Bàn về truyện Kiều (N.P. số 30, 68, 72, 75, 79, 81, 82, 83, 85, 86, 87, 99, 106 v.v..) Lược sử Nguyễn Công Trứ (N.P. số 93) Cụ Đồ Chiểu (N.P. số 56) Việt Nam ta biết chữ Hán từ hồi nào (N.P. số 29) v.v...

4) Ngoài ra cuối mỗi số thường có một phần tự vựng, dịch tiếng Pháp ra tiếng Việt, với mục đích làm giàu dụng ngữ.

Để có một ý niệm về cách xếp đặt bài vở trong Nam Phong, chúng ta hãy giở một số ra xem bên trong có những gì ? Và đây là số đầu :

Luận thuyết. – Bàn về văn minh nước Pháp thuật cuốn *La civilisation française* của Victor Giraud.

Văn học bình luận. – Thuật cuốn *Le sens de la mort* của Paul Bourget (nghĩa cái chết).

III. Triết học bình luận: Dịch bài diễn thuyết của một giáo sư người Ý Guglielmo Ferrero về vấn đề tiến bộ (*le problème du progrès*)

IV. Khoa học bình luận: Khảo về tàu ngầm tàu lặn.

V.- Văn tuyển: Đăng thơ của Trần Tế Xương, Từ Diễn Đồng v.v...

VI. Tập trở: Khảo về hội Hàn Lâm nước Pháp.

VII.- Thời đàm : Bàn về chiến tranh thứ nhất.

VIII.- Tiểu thuyết Dịch cuốn *Grandeurs et servitudes militaires* của Alfred de Vigny (cái vinh cái nhục của nhà quân).

XI. Tự vựng: Dịch các tiếng chuyên môn Pháp Việt.

Trong 17 số đầu, Nam Phong tạp chí đã theo cách xếp đặt này một cách khá đúng. Tuy nhiên ai cũng nhận thấy không thể theo mãi được bởi lẽ cách xếp đặt đều đều này sẽ làm cho người đọc chán nản nếu kéo dài mãi, hoặc nhiều khi không đủ tài liệu để viết mãi về mọi vấn đề trong khuôn khổ này, trong khi

có những tài liệu khác không thích hợp với một mục nào trong các tiêu đề trên. Do đó từ số 18 trở đi, chúng ta thấy cách xếp đặt đã thay đổi. Người ta bỏ hẳn đầu đề: Văn học hay triết học, bình luận mà in ngay đầu đề của bài báo. Ví dụ như Danh dự luận, Gia tộc luận. Phần chữ Pháp và chữ Nho bao giờ cũng để sau phần chữ Việt. Tuy nhiên chúng ta phải công bình nhận rằng sau khi ông Phạm Quỳnh không còn chủ trương Nam Phong, Nam Phong kém hẳn về mọi phương diện và sống ngặt nghèo được thêm hai năm nữa. Vả lại ngay từ khi Phạm Quỳnh còn chủ trương, bắt đầu từ 1927, 1928 trở đi Nam Phong cũng không còn giữ được cái phong độ của buổi đầu, bài vở nghèo nàn hơn, xếp đặt lung tung hơn và không còn hấp dẫn như trước nữa. Nam Phong có lẽ chỉ có một thời và cái thời toàn thịnh là vào

khoảng 1922 đến 1927 nghĩa là sau khi Phạm Quỳnh đi Pháp về. Sau năm 1930 trở đi, văn học Việt Nam biến chuyển theo một khuynh hướng khác, dù Phạm Quỳnh có tiếp tục chủ trương tờ Nam Phong nữa chưa chắc tạp chí đó còn có thể tồn tại được nữa, nếu không thay đổi hẳn bộ mặt.

Sau khi đã biết rõ tôn chỉ và nội dung của Nam Phong, vấn đề đặt ra là xét xem Nam Phong có giá trị gì đối với nền văn học nước nhà, và có đạt được mục tiêu đề ra không.

Phê bình.

Giá trị vai trò của Nam Phong.

a) Những ưu điểm:

1) Trước hết tạp chí Nam Phong ra đời rất đúng lúc, rất hợp thời. Tình trạng

sách vở nước nhà hồi đó rất thiếu thốn. Nhu cầu học hỏi càng ngày càng tăng. Những nhà cựu học muốn thấu hiểu học thuật tư tưởng Tây phương không thể hoàn toàn trông mong vào sách Trung hoa. Các nhà tân học nhiều khi, hoặc không có thì giờ, hoặc không đủ năng lực đọc sách chữ Pháp. Cho ra đời một tạp chí như tạp chí Nam Phong tức là đáp lại sự đòi hỏi của số người nói trên. Ngoài ra quốc văn cần được trau dồi. Sự trau dồi đó, mọi người đều đặt tin tưởng vào Nam Phong khi tạp chí này ra đời. Sau cùng ta cần chú ý là ý kiến cho ra một tờ tạp chí thay vì tìm cách phổ biến học thuật tư tưởng bằng các cuốn sách, là một ý kiến rất hay, có lợi cho cả người viết lẫn người đọc. Người viết có thể viết lần lần từng vấn đề một, có thì giờ khảo cứu, suy ngẫm, rút kinh nghiệm vừa làm

vừa tập, không phải cố gắng như khi viết một cuốn sách.

Người đọc cũng có thể đọc lần lần không chán, không mất nhiều không thì giờ, không mất nhiều tiền để mua. Chính vì thế mà người ta có thể sẵn sàng để viết và để đọc hơn.

2. Giá trị của các bài khảo cứu cùng dịch thuật về học thuật tư tưởng Tây phương là một điều không ai chối cãi được. Về phương diện này Nam Phong rất dồi dào về nội dung cũng như hình thức. Trong phần xét về nội dung Nam Phong ở trên, trong lúc đưa ra các thí dụ về các bài đã viết, chúng ta đã thấy Nam Phong đề cập đến đủ mọi vấn đề triết học, khoa học, tôn giáo, chánh trị, kinh tế, giáo dục, nghệ thuật v.v... nghĩa

là không thiếu sót một vấn đề gì, một ngành nào cần thiết cho sự hiểu biết của độc giả. Những bài này ngày nay cũng còn giữ được tính cách hữu ích của nó đối với những người muốn biết về một vấn đề nào một cách đại cương. Ví dụ: Một người học sinh ban Tú tài Triết học có thể đọc một cách hữu ích các bài viết về Triết học như Triết học là gì ? Triết học Âu châu ngày nay. Tâm lý học, Luân lý là gì? Một học sinh ban sinh ngữ có thể tìm được trong đó những bài dịch Pháp văn những bài về văn chương, văn học sử Pháp. Tất nhiên là với sự biến chuyển của môn học này, những bài đó không có tính cách thời sự nữa, nhưng nó vẫn có giá trị về phương diện cho chúng ta biết về lịch trình tiến hóa của các môn học đó. Nói tóm lại, những người không thông hiểu Pháp văn một cách thấu đáo để có thể đọc ngay trong sách Pháp ví dụ

như các học sinh Tú tài ngày nay – mỗi khi cần có một ý niệm đại cương về một vấn đề nào đó, ngay bây giờ nữa, cũng không thể tìm thấy ở đâu những bài viết đầy đủ như ở Nam Phong. ngày nay những bài đó còn có ích như thế, hẳn ngày xưa sự ích lợi là một điều không ai có thể phủ nhận được.

3) Những bài về cô học Đông phương còn có giá trị hơn nữa bởi lẽ cho đến bây giờ chúng ta cũng không tiến gì hơn ông Phạm Quỳnh và các văn hữu của ông. Muốn biết về Phật giáo, nếu không đọc chữ Pháp, hỏi còn có những bài nào, có thể thay thế được các bài về Phật giáo lược khảo trong Nam Phong ! Về đạo giáo, về nho giáo cũng vậy, tuy rằng những bài đó cũng không nhiều gì. Đó là một điều đáng tiếc và cần bổ khuyết.

4) Những thi ca cổ được sưu tầm, tất nhiên là một điều hết sức hữu ích đối với người hồi đó cũng như với người đời nay. Có những bản như Lịch triều hiến chương chỉ được in trên Nam Phong là lần đầu tiên, trước đó chỉ có bản viết tay. Những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ cũng thế. Ngày nay chúng ta còn giữ lại được một số các thi văn hồi trước là nhờ công sưu tập của Nam Phong. Bạn muốn khảo cứu về Trần Tế Xương hay Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, bạn khó có thể tìm đâu được đầy đủ các bài thơ như ở trong Nam Phong. Ngay cuốn Văn đàn bảo giám của ông Trần Trung Viên cũng dựa vào các tài liệu trong Nam Phong rất nhiều. Người ta nói rằng Nam Phong là một kho tài liệu quý giá về các văn thơ cổ Việt Nam. Đó là một điều có lẽ hơi quá đáng, nhưng trong thực tế, dù muốn hay không, khi bạn muốn có

những tài liệu văn chương Việt Nam bạn không thể nào bỏ qua Nam phong được.

5) Nhưng công to nhất của Nam Phong là công cuộc xây dựng nền quốc văn. Trong tình trạng phôi thai của quốc văn thời đó, thiếu chữ dùng, cách đặt câu còn mơ hồ, chưa có căn bản gì vững chắc, công việc đem các tư tưởng triết học, khoa học ra diễn tả bằng chữ quốc ngữ quả là một công việc khó khăn và can đảm. Chúng ta có thể nhìn thấy sự khó khăn và can đảm đó khi ta thấy ngay đến năm 1960, chúng ta hãy còn lúng túng trong việc dùng Việt ngữ để giảng dạy tại trường Đại học. Ông Phạm Quỳnh và các văn hữu quả hãy còn là tấm gương sáng cho chúng ta cùng soi. Do sự diễn tả này mà lần lần chúng ta có các danh từ mới, từ trước không hề thấy xuất hiện: ví dụ danh từ cử tri, nghị viện, dân biểu, lã

mạn, trữ kim, niên kim, ngân hàng, ngân khố v. v... Nam Phong có thể coi được là một kho danh từ mới, nhất là về phương diện chính trị và luật học. Về cách hành văn, cố nhiên là có những sự tiến bộ rất nhiều từ Đông Dương Tạp Chí đến Nam Phong. Tuy nhiên trở lại nhận xét đã ghi ở trên, chúng ta phải nhận rằng vì ông Phạm Quỳnh gần như là người Tây học độc nhất trong nhóm của ông nên chỉ có những bài ông viết là có ghi sự tiến bộ rõ ràng về phương diện hành văn. Còn các nhà cựu học khác, tuy cũng có tiến bộ nhưng viết cũng hãy còn lủng củng so với ông Phạm Quỳnh. Có một điều đáng chú ý, làm cho chúng ta mỉm cười, là khi ông Phạm Quỳnh viết về các bài khảo cứu về các môn khác như Triết học, khoa học ông đã viết bằng một lối văn gọn gàng sáng sủa nhưng khi ông viết về văn học, hay sáng tác, nhiều khi

ông lại trở lại lối văn biên ngẫu, đều đều trầm bổng như các nhà cựu học khác. Kể ra đó cũng là điều khó hiểu. Người ta thấy rõ là cách hành văn của các ông còn chịu ảnh hưởng rất nhiều của các văn xuôi cổ như phú, chiếu, biểu, văn tế v. v... Phải đợi đến lúc Phong Hóa và Tự Lực Văn Đoàn, văn quốc ngữ mới thoát khỏi cái ám ảnh biên ngẫu đó. Công cuộc xây dựng nền quốc văn còn được thể hiện ở những bài khảo cứu rất nhiều về văn chương Việt Nam, và tiếng Việt Nam. Ngày nay chúng ta còn thấy vui mừng khi có thể tìm thấy trong Nam Phong những bài như: Văn chương trong lối hát ả đào (N.P. 96) Khảo luận về cuộc hát ả đào (N.P. 70) Quốc văn ta hồi triều Gia Long (N.P. 80) Tiếng dùng trong quốc văn, Xét nguồn gốc chữ Tàu lúc mới phát phát âm (N.P. 55) Lược khảo về tuồng hát (.N.P76) v. v... Tất cả những

bài này; cho tới nay còn là những tài liệu quý báu cho các nhà khảo cứu về văn chương và ngữ pháp Việt-nam.

6) Ngoài ra, muốn cho đầy đủ, tưởng cũng cần ghi rằng, tờ Nam Phong đã làm một cơ hội cho nhiều người có thể giúp ích được và giới thiệu tài năng của mình. Nếu không có Nam Phong có lẽ chúng ta sẽ biết rất ít đến các Ông Phan Kế Bính; Nguyễn Trọng Thuật, Phan Khôi, Nguyễn Hữu Tiến, v.v... Ngoài ra, có rất nhiều nhà văn nổi tiếng sau này đã bắt đầu bằng những bài viết ở Nam Phong. Ví dụ : Nguyễn Tường Tam, Lưu Trọng Lư. Hoàng Ngọc Phách, Tương Phố. v.v...

b) Khuyết điểm. - Họ có những khuyết điểm gì ?

1) Ngay thời Nam Phong, tờ tạp chí

này tuy được hoan nghênh, nhưng cũng bị nhiều người công kích khuyết điểm lớn nhất, có lẽ là cái tính cách quá trưởng giả của nó. Tuy ngay trong số đầu, Nam Phong đã thẳng thắn tuyên bố rằng họ không chủ trương tính cách phổ thông mà thôi, nhưng nhiều người vẫn không tha thứ cho họ tính cách thiếu phổ thông như thế. Chứng cứ là một bài của độc giả vô danh gửi đến công kích, đã được đăng trên Nam Phong, và đã gây ra một cuộc bút chiến khá sôi nổi. Độc giả vô danh đó công kích Nam Phong đã dùng nhiều chữ Hán quá, trong khi danh từ Việt ngữ không thiếu chữ, những bài của Nam Phong cao xa quá, không ai hiểu nổi kể cả những người có học như các tác giả bức thư đó. Nam Phong lại không đề cập đến những vấn đề khẩn thiết của dân chúng mà chỉ nói đến những vấn đề vu vơ không cần thiết. Những

lời công kích đó, tuy quá đáng, nhưng cũng đã hiện được phần nào dư luận của một số người rất có lý. Cho nên chúng ta không lấy làm lạ khi thấy các cuốn sách như ông Nguyễn Văn Vĩnh trong loại Âu Tây tư tưởng được những người lớp dưới hoan nghênh hơn. Ông Vĩnh đã đề cập đến những vấn đề thiết thực hơn, ví dụ Truyện trẻ con ; Những kẻ khốn nạn; Truyện ba người Ngự Lâm pháo thủ, những hài kịch của Molière, cung cấp những sách giải trí hợp với trình độ số đông hơn là những bài khảo cứu khô khan của Nam Phong. Lẽ tất nhiên là đối với những lời công kích này, các nhà văn trong Nam Phong có thể đưa ra nhiều lý do để bào chữa. Nhưng chúng ta cũng phải công nhận một sự thực là các sách của ông Vĩnh có ích cho nhiều người hơn là báo Nam Phong bởi vì giản dị hơn, dễ hiểu hơn, rẻ tiền hơn, đọc lý

thú hơn, và tất nhiên dễ phổ biến hơn. Trong khi đó sự góp phần của ông Vĩnh vào công cuộc xây dựng nền quốc văn không phải là nhỏ.

2) Khuyết điểm thứ hai là cách trình bày khô khan quá, bài vở lúc nào cũng đúng đắn trang nghiêm không có gì làm vui cho bạn đọc. Không ai cấm ông Phạm Quỳnh và các văn hữu xen vào trong các bài khảo cứu một vài tiểu thuyết nổi tiếng khác của Tây phương, vui vẻ, giản dị dễ hiểu, cảm động để làm bớt tính cách trang nghiêm của các bài khác và làm cho người ta ham đọc hơn. Trong khi có các cuốn như *David Copperfield* của Ch. Dickens, *Les Mystères de Paris* của Eugène Sue, *Les lettres de mon moulin*, *Tartarin de Tarascon* của Alphonse Daudet, người ta không hiểu tại sao ông Phạm Quỳnh lại chỉ cố gắng hiển cho bạn

đọc những cuốn như *Grandeurs et servitudes militaire*, *Corinne*, *Tuyệt hồng lệ sử*, *Chồng tôi*, v. v... Sự đòi hỏi của độc giả về phương diện này tưởng không có gì quá sức đối với ông Quỳnh và cũng không làm cho Nam Phong đi sai chủ trương của mình.

3) Khuyết điểm thứ ba – khuyết điểm nặng nhất là ở chỗ một số độc giả thời đó đã xa lánh Nam Phong vì tính cách tuyên truyền, quá rõ ràng cho chính sách của người Pháp và Nam Triều. Họ thấy bức dọc khó chịu khi luôn luôn đọc thấy “Nước Đại Pháp của chúng ta, chúng ta phải biết ơn nước Đại Pháp; Hoàng Thượng khả kính, v.v... Lẽ tất như trên đã nói, trong tình trạng chính trị thời đó, nhiều khi ông Phạm Quỳnh và các văn hữu phải tùy thời lợi dụng cái chánh sách tuyên truyền đó để cho tờ báo có

thể sống lâu và phục vụ được cho nền quốc văn. Nhưng những độc giả “khó tính” đó đã thấy họ có lý khi thấy rằng thái độ của ông Phạm Quỳnh sau khi ra làm quan quả là phù hợp với cái chính sách bợ đỡ đã được thể hiện qua tờ báo Nam Phong. Chính vì thế mà chúng ta có bốn phần phải nhắc nhở các bạn đọc – nhất là các bạn học – điều đó để họ phân biệt những cái gì đáng yêu và cái gì đáng ghét trong con người ông Phạm Quỳnh, ngõ hầu tránh một vài vụ ngộ nhận có hại sau này.

NGUYỄN XUÂN HIẾU

VAI TRÒ CỦA PHONG HÓA VÀ NGÀY NAY

Nguyễn Duy Diễn

Năm 1932, tạp chí Nam Phong bắt đầu đi vào giai đoạn suy yếu và sắp sửa nổi hồi chuông báo hiệu giờ sinh thì, thì tờ tuần báo Phong Hóa do ông Nhất Linh Nguyễn Tường Tam làm chủ nhiệm, với sự cộng tác của Khái Hưng (Trần Khánh Giư), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu) Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ), Tú Ly (Nguyễn Tường Long) v.v... đột nhiên xuất hiện trên văn đàn như một

luồng gió mới và được đa số quốc dân đón nhận với một sự nồng nhiệt hiếm có. Năm 1935, tờ Phong Hóa bị đóng cửa, Tự Lực Văn Đoàn liền cho xuất bản tuần báo Ngày Nay để thay thế và để tiếp tục cái sứ mệnh thiêng liêng của mình.

Nhìn chung, ta thấy Phong Hóa và Ngày Nay đã gây được nhiều ảnh hưởng quan trọng đối với xã hội Việt Nam ta hồi tiền chiến. Nhưng trong số những ảnh hưởng đó thì rõ rệt và cụ thể hơn cả là ảnh hưởng đối với sự tiến triển của văn chương mà chúng ta sẽ lần lượt đem ra phân tích và nhận định một cách khách quan ở sau đây.

Để sự tìm hiểu được rõ rệt, ta có thể chia ảnh hưởng của Văn Hóa Ngày Nay đối với văn chương ra làm ba điểm chính:

Ảnh hưởng đối với sự tiến triển của báo chí.

Ảnh hưởng đối với sự tiến triển của thơ mới.

Ảnh hưởng đối với sự tiến triển của các thể văn nhất là tiểu thuyết ²

✱

Ảnh hưởng của Phong Hóa Ngày Nay đối với báo chí :

Trước khi tuần báo Phong Hóa được xuất bản (12-9-1932) nước ta từ lâu đã có khá nhiều báo chí theo nhau ra mắt quốc dân tại Trung Nam Bắc như tờ Gia Định báo xuất bản tại Sài Gòn năm 1865; tờ Đại Nam Đông văn Nhật Báo xuất

² Ở đây chỉ bàn tới những điểm trong phạm vi văn chương, chứ không đề cập tới những quan điểm về chính trị xã hội.

bản tại Bắc kỳ năm 1892. Đó là hai tờ báo do chính quyền chủ trương. Ngoài ra, còn có những tờ báo do chủ nhân sáng lập như: Nông cổ mín đàm và tờ Nhật Báo tỉnh xuất bản ở Nam kỳ năm 1900 và 1905. Đồng thời tờ Đại Việt Tân Báo cũng xuất bản tại Bắc kỳ năm 1905. Sau đó, nhiều tờ nhật báo cũng thi nhau xuất hiện như: Lục tỉnh tân Văn (1910) Trung Bắc Tân văn (1915) Thực nghiệp Dân báo (1920) Trung lập báo (1923) Tiếng dân (1927).

Ngoài ra cũng có nhiều tạp chí theo nhau xuất hiện như Đông Dương tạp chí (1913) Nam phong tạp chí (1917) Hữu Thanh tạp chí (1921) An Nam tạp chí (1926) v.v...

Nếu nhận xét chung, ta sẽ thấy những nhật báo và những tạp chí đều thiên hoặc về phương diện thông tin tin

tức ở trong nước, ban bố các mệnh lệnh của chính phủ hoặc thiên về phương diện nghiên cứu học thuật cổ kim Đông Tây. Dù với mục đích thông tin hay là truyền bá học thuật, các nhật báo và tạp chí nói trên đều “sính văn chương”. Về điểm này, giáo sư Dương Quảng Hàm đã viết trong “Việt Nam Văn học sử yếu” trang 425 như sau : “nhưng dù là nhật báo, dù là tạp chí, các tờ ấy đều thiên về mặt văn chương, bởi thế ngay báo hàng ngày cũng có mục Văn Uyển, dịch Pháp văn, dịch Hán văn, dịch tiểu thuyết Tàu và Pháp; lại có nhiều tờ thời thường xuất bản riêng một phụ trương về văn chương nữa. Nhưng cũng cần nói thêm: hầu hết những nhật báo và tạp chí đó đều mô phạm. Do đó, nhìn chung có vẻ khô khan nên không phổ biến được rộng rãi trong quần chúng.

Năm 1932, ông Nguyễn Tường Tam đã chủ trương lại tờ Phong Hóa [Tờ Phong Hóa trước là của ông Phạm xuân Ninh cùng dạy học tại trường Thăng Long với ông Nguyễn Tường Tam, nhưng tờ Phong Hóa bán không chạy vì vẫn theo thể tài cũ, tức là chú trọng nhiều vào nghị luận kiểu Nam Phong. Thấy ông Nguyễn Tường Tam đương vận động xin xuất bản tờ báo “Cười”, ông Phạm xuân Ninh mời ông Tam cùng cộng tác để cải tổ tờ Phong Hóa. Nhưng ông Tam muốn ông Ninh nhượng hản lại để ông có toàn quyền hành động. Sau một ít ngày đắn đo, cuối cùng ông Ninh bằng lòng nhượng hản từ Phong Hóa cho ông Nguyễn Tường Tam sau khi đã xuất bản được 14 số.] với một thể tài hoàn toàn đổi mới. Bằng những tranh hí họa dùng để chế giễu những nhân vật điển hình của thời đại (như các ông Phạm Quỳnh, Nguyễn công Tiễn, Vũ Thận, thi sĩ Tản Đà, ông Phạm Huy Lục, ông Lê Công Đắc v.v...); bằng những tranh vẽ khôi hài để chọc cười độc giả về sự ngớ ngẩn hoặc lý sự cùn của hai nhân vật chính là Lý Toét và

Xã Xệ (sau cùng lại thêm một nhân vật nữa là Bang Bạnh); bằng mục “chuyện vui cười” dí dỏm; bằng những bài thơ trào phúng trong “Dòng Nước Ngược” của Tú Mỡ, bằng lối châm biếm một cách nhẹ nhàng, ý nhị, đối với những câu văn viết sai, trong mục “Hạt Đậu Dọn” của Hàn đái Sạn v.v... nên Phong Hóa đã gây được một không khí hào hứng trong quần chúng ngay từ mấy số đầu. Đã thế, các bài trong Phong Hóa lại đều được diễn tả bằng một lối văn nhẹ nhàng, dễ hiểu mà vẫn không kém phần linh động, trong sáng, khác hẳn với lối văn khệnh khạng, kênh kiệu, đầy rẫy những chữ Hán, nên lại càng được hoan nghênh hơn nữa (về điểm này chúng ta sẽ nói tới kỹ hơn ở phần dưới). Cho nên nói rằng tờ Phong Hóa đã ghi được một thành tích đáng kể trong lịch trình tiến triển của báo chí Việt Nam ta cũng

không phải là ngoa vậy. Ít lâu sau, cùng với tờ Phong Hóa, Tự Lực Văn Đoàn còn cho ra thêm một tờ báo nữa lấy tên là Ngày Nay (30-1-1935). Hình thức tờ Ngày Nay cũng gần giống như hình thức tờ báo Match của Pháp, nghĩa là in trên giấy láng và tranh ảnh đều làm bằng bản kẽm. Thực là một sự cố gắng đáng kể về ấn loát. Còn thể tài của Ngày Nay thì hơi khác với Phong Hóa, như nhẹ về trào phúng mà nặng về phóng sự xã hội thời đại hơn, như phóng sự Làng Chay, An cướp, Cù lao yên v.v... Ngoài phóng sự, Ngày Nay cũng có đăng nhiều những chuyện ngắn của Nhất Linh, Thạch Lam v.v... và một chuyện dài nhan đề là “Dưới bóng tre xanh” của Khái Hưng. Đồng thời, mỗi số lại còn kèm thêm một phụ trương in trên khổ nhỏ (chừng 12 trang) tả về cuộc kháng chiến của Đề Thám (Hùm thiêng Yên Thế). Nhưng sau khi

ra được một ít số thì Ngày Nay tự tuyên bố đình bản vì tiền giấy, tiền in quá tốn kém, không sao kham cách nổi. Rút lại, cũng chỉ còn có tờ Phong Hóa tiếp tục cái sứ mệnh một cách “đơn thương độc mã”. Ba năm sau, tờ Phong Hóa bị thực dân và bọn quan lại phong kiến hạ lệnh đóng cửa. Tự Lực Văn Đoàn liền cho tục bản ngay tờ Ngày Nay để thay thế cho Phong Hóa (2-4-1936). Nhưng lần này, nội dung và hình thức cũng hơi giống Phong Hóa, nghĩa là vẫn nặng về châm biếm, trào phúng, nếu có khác chỉ là ở chỗ báo chia ra làm 3 phần rõ rệt: phần Trào phúng, phần Tiểu thuyết và phần Trông tìm (nói về khoa học). Vừa vui, vừa thiết thực, lại vừa có nhiều tính cách văn chương nghệ thuật, nên Ngày Nay càng ngày càng được phổ biến sâu rộng, do đó, đã tiêu biểu được cho sự phát triển báo chí hồi tiền chiến. Đi song đôi

với Phong Hóa và sau này Ngày Nay có một số báo khác cũng được một số khá đông độc giả hoan nghênh như Tiểu thuyết thứ Bảy, Loa, Ích Hữu, Tao Đàn, Tri Tân, Thanh Nghị v.v...

Tuy nhiên cũng cần nói thêm: Phong Hóa, Ngày Nay chú trọng nhiều về những vấn đề có liên quan trực tiếp tới thực trạng xã hội thời đại qua những bài xã thuyết đanh thép của Hoàng Đạo, qua những phóng sự sắc cạnh của Trọng Lang, hoặc qua những tiểu thuyết luận đề của Khải Hưng và Nhất Linh, ta luôn luôn bắt gặp những nỗi băn khoăn cùng với những tư tưởng cải tiến xã hội nói chung và dân quê nói riêng, được đem ra trình bày một cách cảm động, xác thực và có hệ thống. Vì thế, tờ Ngày Nay có thể được coi như là một trong những người lính tiên phong đã biết thể hiện

cái vai trò của báo chí, tức là tranh đấu thiết thực để xây dựng một xã hội công bình và dân chủ hơn.

*

Ảnh hưởng của Phong Hóa, Ngày Nay đối với phong trào thơ mới.

Tuy cuối thế kỷ thứ XIX sang đầu thế kỷ thứ XX thì ca Việt-Nam đã chuyển mình để muốn hướng tới một giai đoạn mới, nhưng vẫn chưa đem lại được một kết quả nào vẹn thể. Trong những tác phẩm thi ca của Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Từ Diễm Đồng, Tản Đà, Trần Tuấn Khải v.v... nội dung và kỹ thuật tuy có nhiều điểm mới mẻ thực, nhưng vẫn chưa thể coi đó là dấu vết của một cuộc cách mạng thi ca. Cuộc cách mạng thi

ca chỉ có thể coi là bắt đầu được thai nghén từ bài dịch thơ ngụ ngôn La Fontaine “con ve và con kiến” của Nguyễn Văn Vĩnh đăng ở Đông Dương tạp chí năm 1914 số 40 và được khai sinh do bài thơ “tình già” của Phan Khôi đăng ở “Phụ Nữ tân văn” năm 1932 số 122. Bài đó như sau:

*Hai mươi năm xưa, một đêm vừa gió
lại vừa mưa.*

*Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà
nhỏ,*

Hai cái dầu xanh kề nhau than thở :

*Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn
nặng,*

Mà lấy nhau hẳn là khôngặng,

Để đến nỗi tình trước, phụ sau,

*Chi cho bằng sớm liệu mà buông
nhau,*

Hay ! Mới bạc làm sao chớ ?

Buông nhau làm sao cho nở !

*Thương được chừng nào hay chừng
ấy.*

*Chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải
vậy !*

Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng.

Mà tính việc thủy chung ?

*Hai mươi bốn năm sau. Tình cờ đất
khách gặp nhau*

Đôi cái đầu đều bạc.

Nếu chẳng quen lung đố nhìn ra được

*Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau
đi rồi,*

Con mắt còn có đuôi.

Tuy những bài thơ đó có tính cách cách mạng về phép đặt câu gieo vần và tiết tấu nhưng về cái hay của nó thì chưa đủ làm cho người ta phải công nhận. Do đó, một cuộc bút chiến đã xảy ra giữa những nhà “khai sinh” cho thơ mới với những nhà làm thơ theo lối cũ. Cuộc bút chiến kéo dài gần như là bất phân thắng bại. Những kẻ bàng quan đa số muốn nghiêng về phía các nhà thơ mới vì lý luận của họ nghe có phần hấp dẫn hơn. Nhưng khổ một nỗi, hiện tình lúc đó, chưa có một bài thơ mới nào tương đối có giá trị để cho họ đặt tin tưởng. Giữa tình trạng đó thì báo Phong Hóa, không lao mình vào cuộc bút chiến, mà trả lời gián tiếp bằng cách lần lượt cho đăng những bài thơ mới của Nguyễn Văn Kiện, Vũ Đình Liên và nhất là của Thế

Lữ. Những bài thơ mới đó, với sự tiến triển của thi ca hiện nay thì không có giá trị nhiều lắm nhưng với thời đó thì thực là những kết quả làm cho người ta phải khâm phục. Biết bao nhiêu người của thời đại đã say sưa đọc những câu thơ uyển chuyển trong sáng như:

Tiếng ve ran trong bóng cây râm mát,

Giọng chim khuyên ca ánh sáng mặt trời,

Gió nồng reo trên hồ sen rào rạt.

Mùa xuân còn, hết ? Khách đa tình ơi !

(Thế Lữ, Phong Hóa số 68 trang 8)

hoặc những câu thơ du dương, réo rắt như:

Tiếng địch thổi đầu đây,

Cớ sao nghe réo rắt.

*Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh
ngắt?*

Mây bay . . . gió quuyến mây bay...

*Tiếng vi vút như khuyển van, như
điêu dặt...*

Như hắt hiu cũng hơi gió heo may.

(Thế Lữ, Phong Hóa số 69 trang 3)

hoặc những vần thơ mang một nỗi ngậm
ngùi bát ngát như:

Lặng lẽ trên đường lá rụng mưa bay,

*Như khiêu gợi nỗi nhớ nhưng thương
tiếc*

Những cảnh với những người đã chết,

Tự bao giờ còn phảng phất nơi đây!

(Vũ Đình Liên)

hoặc những câu thơ mạnh mẽ, trầm
hùng như:

*Ta sống mãi trong tình thương nỗi
nhớ.*

*Thuở tung hoành, hống hách những
ngày xưa.*

Nhớ cội sơn lâm bóng cả cây già.

*Với tiếng gió gào ngàn, với giọng
nguồn hét núi,*

Với khi thét khúc trường ca dữ dội,

*Ta bước chân lên đông dục đường
hoàng.*

(Thế Lữ, Phong Hóa số 95 trang 3)

Với những « bằng chứng cụ thể » như trên, Phong Hóa đã gây được thiện cảm, hay hơn nữa, lòng tin tưởng của quần chúng đối với « khả năng » có thể có được của thơ mới. Dựa một phần lớn vào những bài thơ mới đó mà cuộc bút chiến đã giành phần thắng lợi cho phe các nhà thơ cấp tiến. Sau Phong Hóa, Ngày Nay vẫn tiếp tục cho đăng những bài thơ mới có nhiều giá trị và nghệ thuật của Xuân Diệu, Huy Cận. Nhờ đó mà phong trào thơ mới, được sự hòa nhịp của Lưu Trọng Lư rồi tiếp tới Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, Chế Lan Viên, Bàng Bá Lân, Huy Thông, Đinh Hùng v.v... trên các tờ báo khác, đã đi tới chỗ phát triển toàn diện và hoàn thành cuộc cách mạng một cách vẻ vang. Cho nên nói rằng Phong Hóa và Ngày Nay đã đóng một vai trò quan trọng trong cuộc cách mạng thi ca hồi tiền chiến cũng

không phải là quá đáng vậy. Về điểm này, giáo sư Dương Quảng Hàm đã đề ra một nhận định khá xác đáng như sau đây trong «Việt Nam văn Học sử yếu».

Đến năm 1932, ông Phan Khôi khởi xướng lên vấn đề thơ mới và đăng trong «Phụ Nữ Tân văn» một bài theo lối ấy nhan đề là Tình Già, Rồi từ đấy, nhất là Phong Hóa tuần báo, thường đăng các bài thơ mới, và cổ võ cho lối thơ ấy, thì lối thơ mới bắt đầu thành lập và thịnh hành.

(V.N.V.H.S.Y. trang 428)

★

Ảnh hưởng của Phong Hóa Ngày Nay với sự tiến triển của tiểu thuyết

Hồi trước, trên các báo và tạp chí, phần nhiều chỉ có những bài xã thuyết, những thi ca (theo lối cũ) những bài nghiên cứu về học thuật cổ kim Đông, Tây, hoặc những bản dịch những tác phẩm văn chương ngoại quốc như những bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn đồ Mục, Phan kế Bính v.v..

Mãi sau này mới xuất hiện một ít chuyện của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tồn (Nam Phong) hoặc một vài cuốn tiểu thuyết như Quả dưa Đỏ của Nguyễn trọng Thuật, Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách. Về phương diện nội dung cũng như về phương diện văn chương nghệ thuật, những chuyện ngắn và tiểu thuyết đó chưa đặt được trên những nền tảng vững chắc. Về nội dung thì khô khan vì quá thiên về luân lý (như truyện ngắn

của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn) hoặc lãng mạn, đến độ suốt mướt (như Tố Tâm) hoặc rườm rà, huyền bí (như Quả Dưa đỏ). Về kỹ thuật thì xếp đặt lỏng lẻo, rời rạc. Về văn chương thì vẫn chưa sao thoát khỏi được lối văn kênh kiệu, thoát thai từ lối văn tứ lục hoặc lối diễn tả lòng thông, lúng cúng. Ta có thể đưa ra một vài ví dụ để dẫn chứng cho điểm nhận xét này. Ví dụ lối văn thực thà, lòng thông.

«... Khi bấy giờ tôi mới nhìn ra thì là một ông lão đầu râu tóc bạc. Tôi động lòng, tôi bên chạy đến, cầm tay mà hỏi : “Chứ con cháu cụ ở đâu mà để cụ già nua tuổi tác, yếu đuối thế này, phải đi kéo xe vất vả ?”

Ông lão nhìn tôi. Anh ơi! ông lão nhìn tôi, hai con mắt ông trông mờ mờ hình như ruột nhãn, nước chảy chứa

chan, mà chung quanh thì đỏ ửng.

Ông lão nhìn tôi, ra ý ngập ngừng,
thì tôi lại hỏi v.v...

(Câu chuyện thương tâm – P. Duy Tồn)

Ví dụ lối văn kênh kiệu kiểu tứ lục:

“.. sau lưu lạc được vào vương cung,
lúc việc châu chực, khi đi chinh thảo, lúc
đi khẩn hoang, nào cái cảnh vương triều
đế khuyết, nguy nga hùng tráng, nào cái
cảnh hậu cung thượng uyển, mỹ lệ huy
hoàng, nào cảnh rừng núi, cây cao suối
mát, vườn hót chim kêu v.v...”

(Quả dưa đỏ – Nguyễn Trọng Thuật)

Nhưng với sự cố gắng của các nhà
văn trong nhóm Phong Hóa Ngày Nay,
những truyện ngắn và tiểu thuyết đã tiến
được một bước rất dài và đã gây được

một phong trào sáng tác truyện ngắn và tiểu thuyết khá sôi nổi. Về phương diện nội dung, những truyện ngắn và tiểu thuyết đăng ở Văn Hóa, Ngày Nay thường hướng vào những điểm:

– Hoặc phân tích tâm lý một cách khá sâu sắc như phân tích tâm lý của chú tiểu Lan trong Hồn Bướm Mơ Tiên, tâm lý của Loan và Dũng trong Đôi Bạn, Đoạn Tuyệt; tâm lý của An, Nga trong Gia Đình, hoặc của Trương, Thu trong Bướm Trắng v.v...

– Hoặc nêu lên một số những phong tục tập quán hủ bại cần phải phế bỏ để tiến tới một xã hội tốt đẹp hơn, như trong Nửa Chừng Xuân, Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng, Gia Đình v.v...

– Hoặc giải bày những lý tưởng mới về cuộc sống, như lý tưởng hy sinh và vui

sống trong Nửa Chừng Xuân; lý tưởng dung hòa ái tình với tôn giáo như trong Hồn Bướm Mơ Tiên; hoặc lý tưởng làm việc để cải tiến dân quê, như lý tưởng của Duy trong Con Đường Sáng: Bảo và Hạc trong Gia Đình v.v...

– Hoặc dùng khoa học giải thích những điều mà từ trước đến giờ vẫn coi là linh thiêng và huyền bí như trong Vàng và Máu, Bên Đường Thiên Lôi v.v...

– Hoặc dùng lý luận để phân tích một sự uẩn khúc nào đó xảy ra để tìm hiểu nguyên nhân, như trong loại truyện trinh thám của Thế Lữ: Mai Hương và Lê Phong, Lê Phong phóng viên, Gói Thuốc Lá, Những Nét Chữ v.v...

– Hoặc để miêu tả những tình cảm thâm kín trong lòng người đọc phải rung động, như trong những truyện ngắn của

Thạch Lam: Sợi Tóc, Cô Hàng Xén, Đêm Ba Mươi v.v...

Ngoài phương diện nội dung như đã nói trên, các nhà văn viết trên tờ Phong Hóa, Ngày Nay còn chú trọng rất nhiều về kỹ thuật bố cục. Các sự việc xảy ra ở nội tâm hay ở ngoại giới đều được trình bày một cách phức tạp tinh vi, và chia thành các phần các chương một cách chặt chẽ. Đồng thời lại khéo nêu lên những điểm mâu thuẫn nhất là về phương diện tâm lý hoặc lồng khung nhân vật vào những nghịch cảnh để gây ra những tình trạng gay go khiến cho cốt chuyện có sức hấp dẫn người đọc.

Nhưng quan trọng hơn cả là các nhà văn đó đã khéo mô tả tình cảm và những sự việc xảy ra bằng một lối văn bình dị, sáng sủa có một giá trị gợi cảm đặc biệt.

Ta có thể đưa ra bằng một vài thí dụ để dẫn chứng :

“Nàng cầm quả bông chấm nhẹ lên hai gò má rồi cởi cúc áo chấm dần dần xuống cổ xuống vai. Trên da lạnh, nàng khoan khoái đưa đi đưa lại cái quả bông êm ả. Trước mặt nàng, bụi phấn thơm tỏa ra trong ánh nắng và mờ bóng nàng trong gương.”

(Lạnh Lùng, trang 69)

“Chợ mỗi lúc một ồn ào. Người đến họp chợ đã đông. Cái đông đúc và ồn ào ấy khiến cho Tâm lịm đi. Tiếng người nói, tiếng cười đùa, chửi rủa tràn đầy cả một gian hàng. Sự hoạt động rục rờ và nhiều màu, các hàng quà bánh, các thứ hàng rẻ tiền và vụn vặt ở thôn quê, những hoa quả chua chát hái xanh trong vườn nhà. Và bên kia đường, mùi thơm

nồi cháo nóng của chị Tư bay ra ngào ngạt.”

(Sợi tóc, Cô hàng xén Thạch Lam, trang 39)

Bình dị, sáng sủa nhưng cũng rất mực linh động, gợi hình và gợi cảm, đó là những đặc điểm về phép đặt câu và dùng chữ của các nhà văn trong nhóm Phong Hóa, Ngày Nay. Chính nhờ ở lối hành văn đó một phần lớn mà những tác phẩm đăng ở Phong Hóa, Ngày Nay đã được người đọc ham chuộng và đã gây được một tác động đáng kể đối với phong trào sáng tác hồi tiền chiến vậy.

✱

Dịch thuật: Trước kia, ông Nguyễn văn Vĩnh và Phạm Quỳnh đã dịch

rất nhiều những tác phẩm ngoại ngữ, nhưng phần nhiều các ông chú trọng dịch những tác phẩm cổ điển (thế kỷ 17) và những tác phẩm có tính cách triết học (thế kỷ 18) của Pháp (như một số tác phẩm của Corneille, Racine, Molière, La Fontaine, Voltaire, Rousseau, Diderot, Montesquieu v.v...) và những bản dịch của các ông hầu hết đều chú trọng vào sự lưu loát, dễ hiểu hơn là đúng sát nguyên bản.

Những nhà văn trong nhóm Phong Hóa, Ngày Nay hoặc những nhà văn cộng tác với Phong Hóa, Ngày Nay thường dịch những truyện ngắn nhẹ nhàng có thuần chất văn chương của thế kỷ thứ XIX và thế kỷ thứ XX, không những là của Pháp mà còn của Anh, Đức, Mỹ, Nga, Nhật v.v... nữa (như một số những tác phẩm của Alphonse Daudet, An-

dré Gide, André Maurois, Somerset Maugham, Tolstoi, Dostoievski, Nagai Kafu v.v...) Mục phiên dịch những áng văn chương ngoại quốc đó được gọi là mục “Hương xa, Hoa lạ” và được sự cộng tác của một số những nhà văn độc lập bên ngoài như: Vũ Ngọc Phan, Vũ Minh Thiều, Huyền Hà v.v... Với một nghệ thuật dịch vừa sát nguyên văn lại vừa nhẹ nhàng duyên dáng, mục “Hương xa, Hoa lạ” đã giới thiệu với chúng ta nhiều khuôn mẫu quý giá trong phạm vi sáng tác văn chương.

Một vài nhược điểm của Phong Hóa Ngày Nay

Sau khi lướt qua những thành tích của Phong Hóa và Ngày Nay đối với sự phát triển văn chương, ta không khỏi nhận thấy Phong Hóa và Ngày Nay cũng có những nhược điểm, mà nhược điểm

đáng trách nhất là óc bè phái và óc trào phúng quá trớn.

Óc bè phái. – Điều mà ai cũng phải công nhận là những nhà văn trong nhóm Phong Hóa Ngày Nay có một tinh thần kéo bè kéo cánh hẹp hòi. Rất ít khi họ khen những tác phẩm hoặc những hoạt động của các nhà văn bên ngoài nhóm mình (trừ trường hợp cuốn Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân). Những bài phê bình đối với những sách báo bên ngoài nhóm, vì vậy thường chỉ là những bài bông đùa, tàn ác có tính cách dìm người. Hầu hết các nhà văn nhà thơ bên ngoài như Lan Khai, Lưu Trọng Lư, Ngõ Tất Tố, Lê Văn Trương v.v... đều bị họ mang ra bêu riếu. Họ chỉ chú trọng bởi những cái dở, cái kém để giễu cợt còn cái hay thì tuyệt nhiên không đả động gì tới. Người đọc có cảm tưởng như

đương xem một cuộc “công qui rã³” thiếu lịch sự. Cho nên báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Ích Hữu, Loa, Hà Nội báo, Tiểu Thuyết thứ Năm đã thành lập một mặt trận thống nhất để quyết liệt đả kích lại Phong hóa, Ngày Nay cũng không phải là không có lý do xác đáng vậy.

Ốc châm biếm quá trớn. – Lối trào phúng của Phong Hóa, Ngày Nay tuy đậm đà ý nhị nhưng nhiều khi không khỏi đi đến chỗ quá trớn, gần như là vô ý thức trong ít nhiều trường hợp, như trường hợp vẽ tranh một thầy bói mù bị sa xuống giếng để khôi hài, hoặc vẽ ảnh ông Bùi Xuân Học ôm cái váy rách, rồi dưới đề là “ông Bùi Xuân Học khóc Loa⁴” hoặc chế giễu ông Nguyễn Công Tiểu trong công cuộc cố gắng nghiên

3 contre courant : ngược dòng.

4 Vì báo Loa đình bản mà ông Bùi Xuân Học lại là chủ bút của tờ tuần báo đó.

cứu để gây giống Thủy tiên, hoặc ví ông Lê Thăng với “con đĩ đánh bông” v.v... Có lẽ vì thích giấu cọt nên có nhiều trường hợp Phong Hóa và Ngày Nay đã quên mất ý nghĩa của sự giấu cọt chẳng?

Loại trừ một vài nhược điểm ra, Phong Hóa, Ngày Nay đã thực hiện được nhiều sự tiến bộ quan trọng về phương diện báo chí thi ca và tiểu thuyết và đã gây được một ảnh hưởng rộng lớn đối với phong trào văn chương Việt Nam ta trước đây. Do đó nói rằng: *Phong Hóa Ngày Nay đã đóng một vai quan trọng trong Văn học sử Việt Nam ta hồi tiền bán thế kỷ thứ XX cũng không phải là quá đáng vậy.*

NGUYỄN DUY DIỄN

TRI TÂN, THANH NGHỊ

Nguyễn Thúc

Một phần tư của đầu thế kỷ 20 này, dân tộc Việt Nam đã dùng để tìm đến một văn tự thích nghi cho riêng ngôn ngữ của mình trong lối ghi âm bằng mẫu tự la-tinh, và ký hiệu Tây ban Nha. Những công việc dịch thuật hoặc sao chép các tinh hoa của văn hóa Đông tây sang quốc ngữ chỉ có công dụng củng cố thứ văn tự mới mẻ đó mà thôi. Cho nên phần sáng tác rất hiếm hoi trong khoảng thời gian đó, mà phần

dịch thuật thì rất thịnh hành. Trái lại, bắt đầu từ năm 1925 trở đi, phần sáng tác đang đi đến một địa vị quan trọng. Ngay trên phương diện chính trị, thời gian này cũng chứng kiến những đổi mới, những sáng kiến lạ: Một tinh thần ái quốc thuần túy không nhờ vả gì đến một dòng họ vương đế nào dần dà thay thế tinh thần trung quân. Bàn đến chính trị, người Việt đã nghĩ đến nhiều hình thức chính trị khác hơn là một chế độ quân chủ. Bàn đến xã hội, người Việt bắt đầu tìm một trật tự mới và mong mỗi một thay đổi toàn diện. Những tư tưởng Tây phương nhập cảng vào đây bắt đầu được tiêu hóa và đang bồi dưỡng phần suy tư của dân tộc.

Và thế giới đi vào một chiến tranh trong đó có một cường quốc Á đông chiến thắng Tây phương. Biến cố lịch

sử này có một vang động toàn diện trên thế giới: người Tây phương nhìn thất bại Trân Châu cảng như một thất bại của chính sách đế quốc Tây phương; người Á đông nghĩ đến nó như một hứa hẹn có điều kiện, và hăng hái hội đủ những điều kiện cần thiết để thực hiện hứa hẹn tốt đẹp.

Để rào đón những trào lưu tư tưởng mà họ không tin sẽ kiểm chế và kiểm soát được, thực dân Pháp theo hiệu lệnh Pétain dùng một chính sách chụp mũ để lãnh đạo các trào lưu tư tưởng vừa mạnh nha. Để cho mọi việc đường đường chính chính diễn ra giữa ánh sáng ban ngày, chính quyền thực dân cho phép người Việt có một chút sinh hoạt chính trị phôi thai, và để nhiều độ lương cho sinh hoạt văn hóa.

Chính trong không khí bao dung

và cởi mở đó mà chúng ta chứng kiến những xuất hiện của nhiều tạp chí và tác phẩm văn hóa. Nếu trước đây đã có những tạp chí và những tác phẩm văn hóa, thì phần dịch thuật và phổ biến văn hóa ngoại quốc chiếm một phần rất quan trọng; phần sáng tác chỉ là phần sao chép và bắt chước; chúng ta chưa giữ được ảnh hưởng nhập cảng từ ngoại quốc vào dân tộc. Nhưng sang phần thứ hai của bán thế kỷ 20 này, thì dân tộc chúng ta bắt đầu sáng tác những giá trị văn hóa và giá trị tinh thần nói chung; tuy chất liệu vẫn có thể là chất liệu cũ, hay chất liệu nhập cảng, nhưng chúng ta đã có một cố gắng sáng tác hình hài theo thẩm quan của chúng ta. Một không khí sáng tạo nô nức xâm chiếm mọi địa hạt sinh hoạt tinh thần, và lăm le đi sang địa hạt sinh hoạt vật chất, chính trị, xã hội.

Và 1930 : Yên Bái.

Và đằng sau sân khấu, trong bóng tối ma quái, một Nguyễn ái Quốc và một Đông Dương Cộng sản đảng đang thành hình, và đe dọa tinh thần quốc gia Việt Nam non nớt.

Chính trong không khí phức tạp đó, những cơ quan ngôn luận và văn hóa mà chúng ta sắp bàn đến đã xuất hiện để đóng vai trò của nó; công tội thì có ngày lịch sử sẽ luận đến. Chúng ta chỉ đi vào tác phẩm. Mà tác phẩm một khi đã được thực hiện thì có một đời sống riêng biệt của nó, tùy thuộc rất ít vào tác giả, cho đến nỗi nó sống bất chấp cái chết của tác giả. Đó là trường hợp quốc ca Pháp và Rouget de Lisle, khi sáng tác ra bài hát “La Marseillaise”, người sĩ quan Pháp đó không ngờ được tầm quan trọng của nó; và sau nó thì tác giả không làm gì hơn

được. Tác giả có thể là một con người không cao thượng gì lắm, và có thể có tội với dân tộc, nhưng mà không vì thế chúng ta không thưởng thức và tìm hiểu tác phẩm của họ. Với quan niệm đó mà chúng ta đi đến Tri Tân, Thanh Nghị; những kẻ đã góp công gây dựng lên nó, cũng như chính nó, đã bị lợi dụng, đã bị chiếm đoạt làm một lợi khí cho Cộng sản. Nhưng tất cả đều là nạn nhân, dù cho chính bản thân vẫn tưởng mình lời lẽ rất nhiều, thì thực sự họ vẫn là những con tốt thí trên bàn cờ chính trị của Cộng sản đông dương và Cộng sản quốc tế mà thôi. Với ý nghĩ luận công tội này chúng ta vững vàng đi đến tác phẩm.

*

Một tờ báo, một tạp chí là một tác

phẩm tự nó có giá trị, trong đó nỗ lực của mỗi cá nhân cộng tác hòa hợp vào một hình hài khuôn mẫu chung mà người chủ trương cũng như người cộng tác đã một lần thành lời hay mặc thị giao ước với nhau. Và tác phẩm, vì là của chung nhiều trí óc góp lại, nên nó không còn là của ai nữa, mà thành sản phẩm tinh thần của xã hội, của thời đại, của giai cấp; dù cho lắm khi những người viết thành nó không muốn thế. Đây là trường hợp thông thường, con thoát khỏi sự chi phối của cha mẹ, và tác phẩm thoát khỏi quyền điều khiển của tác giả.

Cũng thế, hai tạp chí Tri Tân, Thanh Nghị đã là hai cơ quan ngôn luận văn hóa của một thời đại, một lớp người, một thế hệ.

Thời đại của những năm trước hồng thủy đại chiến, lớp người trí thức nhiều

lòng tin và lạc quan vì đã nhập tâm được những học thuật cổ kim, và đang hăng hái xây dựng một trật tự xã hội mới, bắt đầu là một trật tự suy tư. Thế hệ của những người con mà ông cha đã đầu hàng thực dân và học nói mỗi tiếng “terra nostra” để chiếm đoạt công điền làm tư hữu, ngày nay mang nặng mặc cảm tội lỗi của ông cha đối với dân tộc, nên sẽ sẵn sàng làm tất cả mọi việc bị đòi hỏi nhân danh dân tộc để tự chuộc tội mình. Đó là nguyên nhân cho trí thức làm cộng sản, hay bị bắt làm cộng sản mà cứ tưởng mình làm cộng sản.

Nhưng trong tác phẩm của họ vẫn hiện lên là con người trí thức Việt Nam nhiều thiện chí nhiệt tâm. Chúng ta chỉ cần biết có thể mà không xét đến thời gian sau này họ sẽ là nạn nhân của cộng sản, hay của một lầm lạc nào khác.

Pháp quốc đầu hàng. Để làm hòa dịu tình hình chính trị, đồng thời có thể là để theo dõi những khuynh hướng tư tưởng mới của người Việt, chính phủ Vichy thi hành một chính sách có vẻ cởi mở quyền rũ hơn. Trong không khí đó, nhiều cơ quan ngôn luận và xuất bản thi nhau ra đời. Không phải họ quên mất cam bẫy của thực dân nhưng họ biết tình hình thế giới có thể giúp họ vượt qua cam bẫy đó, với tin tưởng đó họ bắt tay vào việc.

Tri Tân ra đời giữa năm 1941 với một thành phần cộng tác gồm những tên tuổi như Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, Trúc Khê, Hoa Bằng, Nhật Nham, Chu Thanh, Tiên Đàm, Dương Bá Trạc, Lê Văn Hòe, Lê Văn Ngôn, Đào Duy Anh, và nhiều nhà trí thức thời bấy giờ.

Chủ trương của tờ báo, dù không nói mọi người đều biết rằng nó gồm hai phần “ôn cổ” và “tri tân”. Những giá trị cổ kính cần ôn luyện lại thì rộng rãi vô cùng, nhưng vẫn thiên về những kho tàng văn học Á đông, cách riêng Trung Hoa và Việt Nam. Chính vì phần ôn cổ chiếm rất nhiều số trang, và được đặt lên bậc khá quan trọng cho nên tờ báo có giá trị của một kho tàng bảo tồn tài liệu văn chương cổ, hơn là một cơ quan văn hóa như ý muốn của kẻ chủ trương; nó không tránh được những cuộc bàn cãi rất dài dòng về một chữ chép sai, một câu in lệch, một đoạn xuất xứ, trong các tác phẩm xưa còn lại. Thỉnh thoảng chúng ta gặp một số báo mang tên là Chuyên san dành cho một đề mục sử học, như số 56, ra ngày 16-6-1942 dành cho triều Gia Long.

Phần “tri tân” của tờ báo mang tên đó, tuy vậy không có gì hứa hẹn lắm, nhất là đối với chúng ta, những kẻ đến sau gần hai mươi năm, và được hưởng hai mươi năm kinh nghiệm và học hỏi của kẻ đi trước. Nó ít ỏi không đủ gây một trào lưu nào hào hứng, các vấn đề được đề cập đến một cách hời hợt cũng chỉ là những vấn đề nhẹ nhàng, ít trách nhiệm: một bài khảo về bệnh sốt rét rừng, những dòng phiếm đàm về văn học hiện đại, một vài ý kiến quanh vấn đề “quốc ngữ chữ nước ta”, hay là một cuộc bàn cãi có nên hay không nên cho phụ nữ theo văn minh mới?

Đặt nó vào hoàn cảnh thời đại của những năm 1941-42-43, có thể tờ tuần báo mang danh tạp chí văn hóa hằng tuần đã có một giá trị nào đó, nhưng với chúng ta thì nó chỉ còn là một mớ

tài liệu về tâm trạng của một lớp người thời bấy giờ, đang ao ước một kỷ luật và một sức mạnh tinh thần và văn hóa cũng như chính trị. Chưa tìm ra một kỷ luật và một sức mạnh nào xứng đáng và thích hợp nên họ đã làm cái công việc nhìn về lịch sử của những kỷ luật và những sức mạnh đã có giá trị một lần. Và những khía cạnh sắc thái thể hiện, của kỷ luật và sức mạnh, thì Tri Tân đã để ý nhiều đến khía cạnh văn hóa, trong lúc một đồng nghiệp khác của nó, Thanh Nghị, chuyên chú hơn đến những vấn đề chính trị.

✱

Chiến tranh đã nghiêng chiều trông thấy. Những chiến công của Nhật Bản, dầu vẻ vang bao nhiêu cũng chỉ còn là

một anh hùng ca ngắn hơi không làm nổi việc gì, ngoài việc xáo động tình hình chính trị Đông Nam Á, làm yếu thế thực dân Tây phương và khơi mầm cho một phong trào quốc gia mới mẻ trẻ trung. Thế thắng nghiêng hẳn về phe đồng minh. Nhưng dù thắng hay bại, thì mọi lực lượng tham chiến chắc chắn cũng yếu mệt lắm rồi và không thể nào đủ sức lập lại trật tự đẹp đẽ của những năm 1930 về trước. Nếu đệ nhất thế chiến, dù sao còn có thể xem như một chiến tranh giữa các quốc gia Tây phương (Nhật lúc bấy giờ là một đàn em, ngoan ngoãn của Anh Mỹ) để tranh giành ảnh hưởng chính trị và kinh tế; thì sang đệ nhị thế chiến, có nhiều yếu tố mới góp vào làm cho mọi người bàng hoàng mơ hồ thấy rằng đó là sự va chạm kinh khủng của hai lực lượng hoàn vũ: Tự do, và Độc tài. Trong phe tự do của Đồng minh lúc đó

lại có cả Nga xô. Có lẽ đây là một nhầm lẫn lớn nhất của Tây phương: giúp đỡ Nga xô, và đường hoàng mời nó đứng dưới chiêu bài Tự do.

Các nước nhược tiểu Đông nam Á nhìn lên các cường quốc Tây phương thấy gì ? Một bên là phe phát xít mà nó biết sẽ bại trận, và nó không nghĩ đến làm gì nữa. Nhưng trong khối đồng minh tượng trưng cho lý tưởng tự do và giải phóng của con người thì có hai lực lượng tạm thời liên kết nhưng chứa sẵn mầm mâu thuẫn ghê gớm : khối dân chủ là một lực lượng thiếu tổ chức và từ trước mang tội rất nhiều đối với các nước Đông nam á, khối cộng sản mới mẻ có rất nhiều hứa hẹn.

Trong tình trạng hoang mang tinh thần đó, Thanh Nghị ra đời năm 1943, và mang tham vọng rọi một ánh sáng,

hướng dẫn một chọn lựa. Những bảng chỉ đường vẫn dẫn về một lý tưởng dân chủ tự do mơ hồ. Nhưng khốn nỗi, trên đoạn đường đó, chính trên đoạn đường dẫn về một lý tưởng dân chủ tự do, có cộng sản lúc đó cầm cờ tự do và dân chủ núp hờ cài bẫy. Bởi đó, mà sau này, cả tờ báo và những người viết cho nó rơi vào cạm bẫy cộng sản một cách ngây thơ, cả linh hồn và thể xác, mà cứ tưởng mình cầm nắm được lực lượng cộng sản để làm lịch sử, giải phóng dân tộc, và thực hiện dân chủ, tự do, no ấm.

Chủ trương của tờ báo chỉ có một, là một chủ trương hướng dẫn toàn diện sinh hoạt tinh thần thời bấy giờ thành một lực lượng tranh đấu giải phóng hai chiều đế quốc Pháp, và phong kiến xã hội.

Phương tiện là sự học hỏi những

kinh nghiệm, hay những thí nghiệm của nhân loại từ trước ở khắp nơi trên địa cầu. Trọng tâm của nó nghiêng về những vấn đề dân chủ Tây phương mà nó đang mơ ước thực hiện cho dân tộc. Tất cả mọi đề tài đều có thể đem ra bàn luận trên tờ báo mang nhãn hiệu tạp chí nghị luận, văn chương khảo cứu; ngoại trừ những vấn đề siêu hình và tôn giáo. Đây là một phong trào tương tự như phong trào Bách Khoa ở Pháp thế kỷ 18 cả hai thẳng thắn tìm chỗ đứng vững vàng trên mặt đất, và tin tưởng ở khoa học, ở nỗ lực của con người để tự giải thoát, và mưu cầu hạnh phúc. Một không khí lạc quan tin tưởng đến ngây ngô lẫn vẩn trên tờ báo. Họ chưa nếm những khủng bố, những đàn áp của những kẻ mang danh cách mạng, của những tòa án nhân dân muôn thuở, của những Robespierre, những Saint Just, những Hebert lấy cách

mạng dân chủ tự do làm lý tưởng nhưng lấy dao găm và máy chém làm phương tiện. Đây là một nguyên nhân đẩy họ vào cộng sản sau 1945, số đông những người làm Thanh Nghị.

Tuy nhiên trên Thanh Nghị, chính họ đang lấy tâm hồn mình làm vật thí nghiệm, làm một phòng thí nghiệm cho những quyến rũ của những tư tưởng thù nghịch, và họ sẽ là những nạn nhân đầu tiên đáng thương nhất (nếu không nói là đáng khinh). Tác phẩm của họ, Thanh Nghị, có giá trị vì đó. Nó đã diễn tả được nỗ lực tìm đường của lớp trí thức trước 1945, cũng như sự hoang mang bấn khoản của lớp người ấy trước hai ngã rẽ của lịch sử.

Ở đây phần chính trị, và nghị luận, và trình bày những vấn đề chính trị chiếm một phần lớn khổ báo. Người đọc

có cảm tưởng rằng khoảng đất dành cho văn chương, chỉ là một khoảng sân giải trí. Nghĩa là phần văn chương chỉ có mặt ở đó như một sự giải muộn, và tô màu cho chủ trương chính trị mà thôi.

Chúng ta đã nói rằng lúc này cộng sản quốc tế cũng như cộng sản Đông dương chưa chiếm mặt trước sân khấu chính trị, mà còn lén lút nấp ẩn sau hậu trường. Thanh Nghị, với tư cách là một tạp chí hàng tuần hoạt động trong ánh sáng đường hoàng, cũng chưa bị cộng sản chụp mũ và giật dây. Cho nên các vấn đề chính trị trên Thanh Nghị cũng đồng nghĩa với những vấn đề dân chủ. Đi vào chi tiết này ta thấy những loạt bài về nguyên tắc giá trị bầu cử, ứng cử đại diện, hay về nguyên tắc phân quyền (tam quyền tây phương hay ngũ quyền Trung Hoa?) hay về các học thuyết dân chủ.

Như vậy, với một quan điểm đã được xác định, chúng ta có thể nhìn về Thanh Nghị mà không ngại ngùng.

Thanh nghị, ra đời mùa xuân 1943, là việc làm của số người trí thức chịu ảnh hưởng văn minh văn hóa Tây phương rất nhiều. Những ảnh hưởng đó, họ lượm lặt được quanh một trào lưu tư tưởng trọng vật chất và thành công bề mặt. Cho nên họ đã quên rằng chiều sâu của tinh thần tây phương là một truyền thống Cơ đốc giáo; dù cho con cái của xã hội đó có lớn tiếng từ chối và phỉ báng thì truyền thống Cơ đốc giáo bao giờ cũng là sự kiện tất yếu của sinh hoạt tinh thần tây phương. Nhưng ở đây, những người làm Thanh Nghị phần đông quên điều đó, cho nên họ đi đến tư tưởng dân chủ tây phương bằng con đường duy vật. Chúng ta chỉ nói phần đông, bởi vì vẫn có một

vài người đi vào sâu hơn bề mặt để tìm đến tinh thần. Họ là những kẻ sống sót bằng linh hồn và tác phẩm sau sự tràn ngập của cộng sản.

Một tờ báo là một lò đúc luyện, mà việc làm của cá nhân chỉ là một trong những nguyên liệu cần thiết. Ra khỏi lò đúc luyện là tờ báo, là tác phẩm. Nó không còn là của ai nữa, cũng không còn là kẻ chủ trương, của người bỏ vốn, hay của những người viết ra nó. Nó là sản phẩm tinh thần trực tiếp của một xã hội, một thời đại, một thế hệ, một khuynh hướng. Với ý nghĩ này ta nhìn đến tên của những người trong nhóm Thanh Nghị, và chúng ta sẽ thấy nhiều sự mâu thuẫn kể bên nhau mà làm nên tờ báo.

Sự điều hành tổng quát trao về Vũ đình Hòe, và sau đó chúng ta thấy tên tuổi của Hoàng xuân Hãn, Nguyễn văn

Tổ, Nguyễn Tuân, Nguyễn thiệu Lâu, Đỗ đức Dục, Đỗ đức Thu, Đặng thái Mai, Đinh gia Trinh, Vũ văn Cẩn, Vũ văn Hiến, Trần đăng Khoa, Trần văn Giáp, Nguyễn trọng Phấn, Xuân Diệu, Phan Anh, Nghiêm xuân Yêm... Ở đây những góc cạnh gai góc sắc nhọn của cá nhân đã tạm được xóa bỏ đi để làm nên hơn một trăm số báo Thanh Nghị, góp mặt từ cuối mùa xuân 1943, đến gần ngày cách mạng 1945.

Việc làm của Thanh Nghị, chính là việc làm dọn đường cho những biến động lịch sử dân tộc 1945, bằng cách phổ biến những hiểu biết và những kinh nghiệm chính trị, xã hội, văn hóa cho dân chúng Việt Nam đang hoang mang tìm đường đi của mình.

Quân chủ đã mất hết uy thế tinh thần sau những thất bại, và lỗi lầm lịch

sử của triều Nguyễn. Đứng trước mặt chỉ còn hai cái đích: dân chủ và độc tài. Mọi người mơ ước dân chủ, nhưng tin rằng tình trạng phôi thai của nước nhược tiểu cần có một giai đoạn chuyển tiếp độc tài — và độc tài thì có cộng sản — để huy động toàn lực dân tộc trong công cuộc kiến thiết toàn diện. Có kẻ còn hồ đồ mơ rằng làm giải phóng và làm dân chủ bằng cộng sản, chế ngự cái lực lượng cộng sản trong tinh thần quốc gia và dân tộc.

Và trong tâm trạng lạc quan đó, mọi người nỗ lực làm việc.

Có những bài nghị luận, những bài khảo cứu khá công phu và đứng đắn về đủ mọi vấn đề liên quan ít nhiều đến chính trị, kinh tế, xã hội. Nhưng quan niệm của những người viết cho Thanh Nghị là một quan niệm tổng quát trên các vấn đề, đồng thời một quan niệm

trong tinh thần bách khoa trước kia của một Diderot.

Một phần lớn trong khuôn khổ tờ báo dành cho những bài dịch thuật hay phóng tác của những học giả tây phương về các vấn đề theo đúng chủ trương của tờ báo.

Trong đất đứng của phần văn chương cũng vẫn có hai phần sáng tác và dịch thuật. Sự chọn lựa những văn phẩm để dịch chứng tỏ rằng Thanh Nghị có những trí thức rộng rãi, cởi mở. Vào thời bấy giờ, ngoài những truyện dịch từ Pháp văn, Thanh Nghị đã có những truyện dịch từ tiếng Ý (lớp đệ nhị B, của Pitigrilli, đăng số 63, 29-4 1944) hay tiếng Mỹ (những truyện của Somerset Maugham, Pearl Buck) và tiếng Hán (kịch Lôi Vũ của Tào Ngụ).

Phần sáng tác ở Thanh Nghị không quan trọng, không gây được một đất đứng riêng biệt như Phong Hóa và Tự Lực. Nó cũng không có gì mới lạ và trôi lên khỏi đám đông của những tác phẩm thời đại.

Để hiểu Thanh Nghị không gì bằng lấy một số đặc san tết 1945 làm tiêu biểu đích đáng nhất cho tờ tạp chí hằng tuần. Nó là một đặc san tết, đồng thời thay thế 4 số báo của tháng tết nghỉ ngơi.

Mọi bài vở được sắp dưới 4 đề mục: “Vài vấn đề Đông Dương” mà thực sự chỉ là vài vấn đề Việt Nam. Đó là vài vấn đề giáo dục, vài vấn đề văn hóa, vài vấn đề chính trị, vài vấn đề xã hội kinh tế.

Trong phần “vài vấn đề văn hóa” có những bài khảo về ảnh hưởng, địa vị của văn hóa Trung quốc, hay Pháp,

trong văn hóa Việt Nam hiện kim, nghĩa là hai phần ảnh hưởng quan trọng nhất vậy. Bàn đến văn hóa Việt Nam hiện đại, Thanh Nghị đã nêu lên một vài nhận xét khá xác đáng rằng một số lớn tác phẩm hoặc chưa thoát được ảnh hưởng Trung quốc, hoặc chưa thoát được ảnh hưởng phong trào lãng mạn tây phương, cho nên chưa có tác phẩm nào đại diện xứng đáng cho nền văn hóa Việt Nam hiện kim.

Trong một bài nói về “mối liên quan giữa thanh niên trí thức và dân quê”, Thanh Nghị đã đưa ra một nhận định và một kết án giới trí thức thời bấy giờ, tức là gồm cả những người trong Thanh Nghị: nhược điểm thứ nhất là ở chỗ trong vòng lý thuyết quá nhiều và nhược điểm thứ hai là “họ đã xa dân quê”, nói cách khác, trí thức Việt Nam tiền chiến

đã tự trói mình trong tháp ngà lý thuyết mà quên thực tại tầm thường của đồng ruộng, của xóm nghèo, của xưởng thợ. Chúng ta có thể lấy những nhận định, và những lời kết án giới thanh niên trí thức Việt Nam tiên chiến của Thanh Nghị để gán lên Thanh Nghị và kết thúc bài tìm hiểu Thanh Nghị này.

✱

Một khuyết điểm của con người nhìn về quá khứ, về lịch sử của mình hay của dân tộc mình là giữ một quan niệm sành sỏi chán chê của con người bây giờ, về những việc làm quá khứ. Chúng ta thường có khuynh hướng dùng con mắt hoặc đã chán chê bi quan, hay tin tưởng lạc quan, tùy theo thành quả hiện tại, trong lúc đang lý ra chúng ta nên hiểu

việc làm quá khứ bằng tâm trạng của con người quá khứ trong lúc hành động.

Với Tri Tân và Thanh Nghị, chúng ta cũng không hiểu được chúng nếu không đặt vào hoàn cảnh lịch sử phức tạp của những năm trước 1945, khi mà mọi tư tưởng, mọi khuynh hướng, mọi mơ ước mọi lực lượng tinh thần xao động, lẫn lộn, hoang mang, *để cuối cùng rơi vào lỗi lầm lịch sử của 1945, của 1952, 1954.*

NGUYỄN THỨC

Tình sử

Đinh Hùng

*Khi tóc mùa xuân buông dài trước
cửa,*

*Khi nắng chiêm bao khẽ động hàng
mì,*

*Khi những con thuyền chở mộng ra
đi,*

*Giấc mộng phiêu lưu như bấy hải
điều,*

*Kỷ niệm trở về, nắm tay nhau hiền
dịu,*

*Ngón tay thơm vàng phấn bướm đa
tình,*

*Anh sẽ tìm em như tìm một hành
tinh,*

Mặc trái đất sắp tan vào mộng ảo.

Trên đường ta đi,

Những đóa hoa nở mặt trời xích đạo,

*Những làn hương mang giông tố bình
sa,*

*Những sắc cầu vồng nghiêng cánh
chim sa,*

Và dĩ vãng ngủ trong hồ cầm thạch

*Của đôi mắt sáng màu trắng mặc
khách,*

Thời gian qua trên một nét mi dài.

*Núi mùa thu buồn gợn sóng đôi vai,
Dòng sông lạ trôi sâu vào tâm sự.*

*Chúng ta đến nghe nỗi sâu tinh tú :
Những ngôi sao buồn suốt một chu
kỳ,*

*Những đám tinh vân sắp sửa chia ly,
Và sao rụng biếc đôi tay cầu nguyện.
Ôi cặp mắt sáng trắng xưa hò hẹn.
Có nghìn năm quá khứ tiễn nhau đi.
Anh vịn tay số kiếp dẫn em về,
Nhìn lửa cháy những lâu đài mặt
biển.*

*Phơi phới thuyền ta vượt bến ;
Tù đêm hồng thủy ra đi.*

*Lòng ta dao cắt
Chia đôi
Biên thù,
Dòng máu kinh hoàng chột tỉnh cơn
mê.*

*Chúng ta đi vào lá hoa Tình sử,
Hơi thở em hòa sương khói Đường
thi,
Anh đọc cho em những dòng cổ tự
Ai cập và cổ La hy.
Anh viết cho em bài thơ nho nhỏ
Bài thơ xanh ánh mắt hẹn tình cờ.
Có những chữ Hoa yếu điệu,
Không phải đại danh từ
Nét uốn đờn sơ*

Lưng mềm óng ả

Những chữ Hoa không thêu phù hiệu,

Những chữ Hoa không biết phát cờ.

Một bài thơ

Có tiếng thở dài đôi hồn tình tự,

Vần điệu diu nhau đi trong giấc mơ.

Sông núi trập trùng lượn theo nét chữ,

Những chữ thương yêu,

Những chữ đợi chờ,

Đẹp như

Dáng em e lê chiều xưa.

Anh sẽ tìm em, chiều nào tận thế

*Khi những sầu thương cất cánh xa
bay.*

Khi những giận hờn, khi những mê say,

Khi tất cả hiện nguyên hình ảo mộng:

Giọt lệ liên hoa, cung đàn hoài vọng,

Và những hương thơm tình ái trao duyên.

Những không gian thăm thẳm mắt u huyền,

Những vạt áo bỗng trở màu sông biển.

Chúng ta đến, mùa xuân thay sắc diện,

Chúng ta đi, mùa hạ vạt phai nhòa,

Gương mặt mùa thu phút chốc phai pha,

Ta dừng gót chợt mùa đông tàn phế.

*Em hát mong manh bài ca Tuổi Trẻ,
Bướm bay đầy một âm giai.*

*Khúc nhạc lang thang như hồn Do
Thái,*

Đại dương còn sóng gọi tên ai ?

*Vời vợi tiếng em lướt qua Hồng hải,
Tiếng hát nhân ngư tuyệt vọng than
dài.*

*Chúng ta thở những hơi nồng nhiệt
đôi,*

Nghe mùa xuân nẩy lộc rợn trên vai.

Có những giấc mơ lên vào quá khứ,

Có những chiêm bao đi về tương lai.

Anh gặp em anh từ thửa nào ?

Mênh mang sóng mắt

Ngờ biển dâu,

Núi non nhìn ta vừa nghiêng đầu

Hình như hội ngộ

Từ ngàn thu.

*Ta tỉnh hay mơ ? Chiều nay trăng
khép*

Hàng mi sầu

Hay tà dương thu

Mưa rơi mau?

*Em ơi! Vết nắng phù kiều uốn mình
ô thước,*

Ta, suốt đời ngư phủ,

*Chở con thuyền trên mái tóc em buồn
lên đên..*

Ôi chao Dĩ Vãng ! Dĩ vãng thân linh!

*Một phút, một giây, nhìn ta ngàn
kiếp!*

Thăm gọi cỏ hoa sang tự tình.

*Lời nói băng khuâng, bàn tay duyên
nghiep.*

*Anh nhìn em như chiêm ngưỡng một
hành tinh.*

ĐÌNH HÙNG

Bài ca dao sau này

Hoàng Anh Tuấn

Buồn lên thêm đá

Lạnh hai bàn chân

Buồn leo bậc đá

Mỏi hai bàn chân

Buồn ôm cành gai

Ngón tay có sương

Buồn ôm cành gai

Bàn tay có sương

Buồn xuống đáy hồ

Cay hai hàng mi

Buồn dưới đáy hồ

Uớt hai hàng mi

Con chim khung cửa

Buồn từng câu thơ

Con chim khung cửa

Buồn cả bài thơ

Buồn trên dây thép

Lạnh theo chiều dài

Buồn trên dây thép

Nhớ theo chiều dài

Buồn nơi môi em

Buồn kẻ môi anh

Buồn trên tay em

Buồn trong tay anh

Bốn bàn chân buồn

Leo từng bậc thang

HOÀNG ANH TUẤN

Bài thơ chưa có đoạn kết

Tặng THANH NAM

1_ khi bản nhạc chào chấm dứt cuộc
phiêu lưu mỗi đêm

anh trở về thế giới của riêng mình

cặp mắt ngái ngủ người chà gác cửa

cầu thang cao biết bao giờ leo hết

dãy hành lang dài tối sâu nhà tù
bệnh viện

khung cửa nhỏ đen buồn cúi xuống
tàng cây âm thầm

tập bản thảo mang những dòng tâm
thường vô nghĩa

anh đã gục đầu trên tay tựa cầu thang
đêm khuya

anh đã gục đầu trên cửa sổ cao nhìn
xuống cuộc đời

anh đã gục đầu trên ly rượu chờ em
hai tay khoắc hoài trong tối đen
hạnh phúc lẫn ra ngoài tầm ước vọng
như con lươn trườn khỏi tay người
bắt vụng về

anh không đợi chờ đầu dù nắng vàng
dù mưa bay

nhớ đừng bao giờ đến thăm anh ban
ngày

cho anh sống nguyên đầy cuộc phiêu
lưu ngăn ngủi

những Hồng những Tường những
Bích những Thu

anh chỉ muốn nhìn và yêu em lúc
mười giờ đêm

khi bóng đen và đèn màu che chín
mười chín phần trăm sự thật

2_ xin em cho anh bông hoa hồng
cài đầu

thấy hồn dưng dưng những ngày
thơ dại

xin em cho anh cầm lâu tay em

để anh chắc ngày hôm nay hiện hữu
xin em cho anh nhìn sâu vào mắt em
để anh tìm thấy màu da trời xanh lơ
xin tiếng hát em đưa anh về tuổi thơ
người xa quê hương tìm âm buồn
come back to Sorrento

cách mạng phục hồi công lao người
yêu đất nước

xin tình yêu trẻ thơ em phục hồi
thần tượng hồn anh

anh sẽ làm thơ chứng nghiệm cuộc
đời

là hiến dâng nhiều hơn đón nhận

cho con cháu chúng ta nâng tình yêu
lên hàng tín ngưỡng

thủy triều dâng đầy và không rút
nữa đâu em

THÁI THỦY

Xuông đường

THANH NAM

Sao giờ cũng vậy, sau giấc ngủ trưa kéo dài từ hai giờ đến năm giờ chiều, tỉnh dậy là Vũ lại cảm thấy hồi hộp, khó chịu. Cái đầu nặng như có chì kéo xuống và Vũ nghe như trong óc mình có nước chảy róc rách. Từ trên giường, Vũ thả mình ngồi xuống nền gạch, nhìn lơ đãng lên khoảng cây xanh ở dãy phố trước mặt để đợi sự mệt mỏi trong người tan dần. Sau đó, chàng mới đi tắm rửa và bắt đầu nghĩ đến bữa ăn chiều. Ngày nào cũng như ngày nào, những cho việc đó tiếp diễn đều đặn trong nếp sống bình

thản càng khiến Vũ chán nản. Luôn luôn chàng tự nhủ: “hôm nay nhất định phải đổi khác”. Nhưng chẳng bao giờ Vũ làm được gì khác hơn.

Sau bữa cơm chiều, Vũ lại tìm đến những nơi có ánh sáng, có âm nhạc. Cho đến một hai giờ sáng, trở về khách sạn, người Vũ mềm rũ như một trái mướp nướng để rồi vùi đầu vào giấc ngủ. Nhiều lúc đứng trước tấm gương, ngắm cái bộ mặt xanh nhợt của mình trong đó, Vũ đã nhìn thấy hình ảnh những căn phòng yên tĩnh của một bệnh viện, những chiếc giường màu trắng lạnh lẽo. Chàng đưa tay lên gõ khe khẽ vào ngực mình và nghĩ đến một chiếc xe đến thời kỳ phải làm máy lại.

Chàng hoảng hốt trong một lúc với nhiều ý nghĩ hối hận về những ngày tháng phóng túng của mình. Nhưng chỉ

một lúc đó thôi. Khi bóng tối chụp xuống thành phố và sau giấc ngủ chiều nặng nề với một bữa cơm tẻ ngắt của một nhà hàng nấu cơm tháng trong khách sạn, Vũ lại mặc vội quần áo để xuống đường. Nhiều khi xuống tới đường, vẫy xe lại rồi Vũ cũng chưa biết là mình sẽ đi đâu và sẽ làm gì để tiêu cho hết quãng thời gian từ tối đến đêm.

Tuy nhiên, có một điều Vũ biết chắc chắn là mình không thể nào ở nhà được. Căn phòng Vũ ở rộng không hơn một chiếc nhà chứa xe. Ở đó, người ta kê vừa vặn một cái giường và một cái bàn viết. Chiếc tủ quần áo là một lỗ hồng đục sâu vào tường. Bước vào trong phòng đóng cửa lại rồi thì không khí thật giống như một cái phòng giam. Cũng may là căn phòng giam đó còn một khoảng cửa sổ để cho người ở trong còn một chút liên

lạc với thế giới bên ngoài.

Những lúc làm việc xong hoặc đợi giờ cơm, Vũ thường lại đứng bên cái khung cửa đó, nhìn xuống đường. Cảnh sinh hoạt của dãy phố trước mặt đối với Vũ quen thuộc như một cuốn phim được coi đi coi lại nhiều lần. Căn nhà có những cánh cửa sơn màu hồng kia là căn nhà của một cặp vợ chồng ngoại kiều. Cạnh đó là một căn nhà đã cũ, màu vôi nhờ nhờ, là của gia đình một công chức già đông con. Người chồng với cặp kính cận gò lưng trên chiếc xe gắn máy tồi tàn, đi về rất đúng giờ giấc. Sau chín giờ tối, khi Vũ bắt đầu xuống đường, căn nhà đó đã hết ánh đèn. Cạnh căn nhà ấy là một xưởng chữa xe hơi và cuối cùng là một tiệm giặt. Buổi chiều mát, bọn trẻ trong khu xóm đang sau những căn nhà đó ủa cả ra ngoài đường. Chúng tụ tập lại tất

cả ở trước cửa nhà cặp vợ chồng ngoại kiều đùa nghịch và la hét inh ỏi. Cho tới giờ người công chức già i ạch trên chiếc xe gắn máy trở về và ngồi vào bàn ăn, bọn trẻ mới tản mác rút về xóm. Bằng ấy khuôn mặt, bằng ấy hình ảnh, ngày nào Vũ cũng được chứng kiến. Lúc đầu, khi mới tới ở khách sạn này, Vũ thấy những cảnh đó nhìn cũng hay hay. Sau dần, Vũ không muốn nhìn đến nữa. Không muốn nhìn mà vẫn phải nhìn. Bởi vì, tất cả những cảnh đó diễn ra ngay dưới mắt chàng, trong cái khoảng cửa sổ độc nhất của căn phòng. Và chàng thì cứ phải sống mãi ở cái khách sạn này, với những món nợ mỗi ngày một chồng chất nơi văn phòng viên quản lý, trong cuốn sổ bản thủ nhộp nhúa mồ hôi của bà chủ nấu cơm thánng và trên nét mặt nhăn nhó của người thợ giặt trước cửa.

Vũ chưa xuống hết bậc thang chót thì đã nghe thấy tiếng la lối om sòm của người chà gác cửa. Chàng biết là y đang đòi tiền phòng của một người khách trọ nào cũng thuộc vào loại khách ngại thanh toán như chàng. Vũ dừng lại, có ý nghe ngóng một chút rồi lấy thuốc lá ra hút và làm bộ thản nhiên đi thẳng ra cửa. Rồi sẽ tới lượt mình. Vũ nghĩ vậy và cố ý đi thật nhanh cho người chà khỏi bắt gặp. Nhưng Vũ bỗng đổi ý kiến khi đi tới gần cửa. Người khách bị hối thúc trả tiền phòng lần này là Yến. Yến đang cười bả lả với gã chà để khất nợ chợt ngừng lại khi nhận thấy Vũ. Nàng cố ý che đậy sự bối rối của mình nên trông càng bối rối hơn. Cái bộ mặt lẫn lộn với bóng tối của người gác cửa cũng quay lại phía Vũ.

Chàng cất tiếng nói trước để cho Yến khỏi ngượng:

– Hôm nay, Yến không đi làm hay sao mà giờ này còn ở đây?

Yến đáp nhỏ, đầu nàng cúi thấp xuống để tránh khỏi phải nhìn Vũ:

– Dạ. Hôm nay em nghỉ. Thằng cháu bé bị đau mấy bữa nay.

Vũ định làm mặt buồn rầu và sửa soạn một vài câu thăm hỏi bệnh tình đứa con trai của Yến thì gã chà gác cửa đã xen vô :

– Thầy Hai đã trả tiền phòng bây giờ chưa ?

Vừa nói, y vừa móc túi lấy ra một tập biên lai và với một dáng điệu quen thuộc, thành thạo, y rút ra một tờ đưa về

phía Vũ. Chàng cầm lấy làm bộ nhìn qua rồi trả lại cho y :

– Sớm mai, tôi sẽ xuống phòng quản lý trả.

Vũ cố lấy giọng nghiêm nghị để nói và đồng thời chàng móc túi lấy ra tờ giấy hai chục nhét vào tay y. Xong, chàng nhìn Yến như có ý chào rồi rảo bước. Đằng sau có tiếng Yến gọi theo. Vũ dừng lại. Nàng chạy ra:

– Anh đi đâu bây giờ ?

Vũ lắc đầu :

– Tôi cũng chưa biết sẽ đi đâu. Nhưng nếu Yến muốn tôi đưa đi thì đi cùng, không sao.

Yến ngán ngữ một lát rồi cười :

– Chắc anh lại đi uống rượu? Anh

đưa em lại đằng chị Nguyệt rồi anh ở luôn đấy chơi có được không ?

Vũ gật đầu. Cả hai rời khỏi khách sạn. Ngồi trên xe, Yến bắt đầu kể cho Vũ nghe tất cả nỗi túng thiếu của mình từ sáu tháng nay, từ sau ngày đẻ đứa nhỏ. Vũ ừ ào nghe chuyện. Yến làm ở một tiệm khiêu vũ mà ngày xưa chàng vẫn thường lui tới. Yến không đẹp nhưng nói chuyện có duyên và tỏ ra dễ dãi nên đã có một hồi đông bàn. Sau đó, Yến lấy một người khách ngoại quốc. Đã có một thời Vũ thấy nàng ngồi trên một chiếc xe hơi lộng lẫy, nét mặt sáng rực những mãn nguyện. Rồi ít lâu sau Yến về ở khách sạn, dáng đi nặng nề, cười nói gượng gạo. Tuy ở cùng khách sạn nhưng rất ít khi Vũ gặp Yến. Vì vậy, chàng vẫn yên trí là Yến còn lấy người chồng ngoại quốc kia.

– Nó bỏ em ngay sau khi em sinh thằng bé cháu xong. Nó còn đánh em một trận và lấy lại hết những gì nó cho em từ trước đến giờ.

Yến ngậm ngùi nói rồi khẽ thở dài :

– Nghĩ cho cùng cũng tại em. Tại em tất cả. Nó hay ghen mà em thì tính tình lại lẳng nhăng. Đứa con bây giờ có phải là con của nó đâu, anh ? Con của...

Vũ quay lại. Yến cắt ngang câu nói.

– Con của ai?

Yến im lặng một lát rồi chợt cười :

– Con của ai thì nói ra anh cũng chẳng biết được. Con của một người hiện giờ đã đi xa lắm, xa lắm rồi. Người ấy trẻ hơn anh và cũng nghèo hơn anh...

Rồi nụ cười của Yến chỉ còn phảng

phất trên cặp môi nhợt màu son. Nàng nói về cha của đứa trẻ mà ông chồng ngoại kiều kia đã tưởng nhầm là của mình.

– Anh ấy không biết đến cái tiệm nháy là gì. Ngày xưa hồi em chưa đi làm, chúng em ở cạnh nhà nhau...

Vũ lơ đãng nghe câu chuyện tình của Yến và mỉm cười tưởng tượng thấy cái hình ảnh người chồng ngoại quốc của nàng bữa tối nhà bảo sanh đón vợ và con về.

Chiếc xe đã ngừng lại trước cửa tiệm khiêu vũ. Câu chuyện của Yến cũng vừa chấm dứt. Vũ đưa tay sang mở cửa xe cho Yến.

– Sao anh không trả tiền xe rồi cùng vào cả. Hay là sợ ai không dám vào cùng?

Vũ mỉm cười, vén tay áo coi giờ:

– Sớm quá, chưa muốn vào vội. Yến vào trước đi, lát nữa tôi sẽ quay lại.

Yến bước ra khỏi xe :

– Cảm ơn anh nhé. À lát nữa nếu anh có quay lại thì đến trước mười một giờ, ughê. Hôm nay em không đi làm, em chỉ đến gặp chị Nguyệt có chút việc thôi. Nếu anh lại thì em sẽ chờ rồi chúng mình đi chỗ khác chơi.

Vũ gật đầu rồi bảo xe chạy về trung tâm thành phố. Chàng định lại thăm một người bạn nhưng khi chiếc xe di ngang một rạp chiếu bóng, chàng lại bảo tài xế dừng lại. Chàng trả tiền và bước vào rạp chiếu bóng. Tiếng nhạc mở đầu cho loại phim thời sự ở trong vắng ra. Vũ bỗng ngẩn ngừ một chút, nhìn qua tên phim rồi tiến lại guichet.

Cuốn phim khôi hài nhạt nhẽo làm Vũ càng chán nản thêm. Tuy nhiên, chàng cũng cố ngồi coi cho hết để tránh một buổi tối lang thang. Lúc ra khỏi rạp, Vũ gặp Thái. Thái đi với vợ con và một thiếu nữ khá đẹp. Vũ vừa định đi tránh sang lối khác thì vợ Thái đã nhìn thấy và cất tiếng gọi rồi rít. Bắt buộc Vũ phải đứng lại. Chàng không thích gặp vợ Thái. Người đàn bà ấy luôn luôn để ý đến đời sống của Vũ. Lúc nào gặp Vũ là y như chị lại kêu lên rằng chàng gầy quá, xanh quá và cuối cùng, dùng một giọng chị hiền khuyên em nhỏ là “liệu mà lấy vợ đi, chú định sống mãi như thế này đến già hay sao?” Vũ rất khổ tâm phải chịu đựng những lời khuyên bảo mà chàng cho rằng chẳng ai ở trên đời này có thể nói với chàng cả. Mặc dầu vậy, Vũ vẫn

giữ mối dây liên lạc với vợ chồng Thái bởi vì chàng biết rằng hai người rất tốt đối với chàng. Những người đàn bà có chồng rồi bao giờ chẳng mong những người bạn của chồng cũng giống như chồng mình? Họ luôn luôn thôi thúc Vũ phải làm sao y hệt như chồng của họ. Một phần vì họ không muốn cho chồng họ chơi với những hạng người như Vũ, coi trời đất không có nghĩa gì, coi cuộc đời chỉ là một trò chơi (rất có thể sẽ có ảnh hưởng không hay đến những người chồng của họ), phần nữa, họ muốn tác thành cho bạn chồng những cuộc nhân duyên mà có sự tham dự của họ. Vợ Thái là một trong số những người đàn bà như vậy, chị không muốn cho chồng giao du với những ông bạn bán trời không văn tự cũng như luôn luôn kêu gọi những ông bạn đó nên có một đời sống đàng hoàng, đứng đắn.

Đàng hoàng và đứng đắn ở đây có nghĩa là phải có một người vợ để kiểm soát và có một đàn con để nuôi dưỡng, hết như kiểu vợ chồng Thái. Thái làm cùng chỗ với Vũ nhưng anh ta hiện làm chủ một căn nhà và một chiếc xe hơi. Mỗi buổi sáng, trước khi đi làm, bao giờ Thái cũng vào lấy tiền của vợ, một số tiền vừa đủ để mua xăng, ăn sáng và một gói thuốc lá đen. Rất nhiều lần Vũ đã mang chuyện đó chế giễu Thái trước mặt bạn bè, một đôi khi trước mặt cả Thái. Nghe Vũ giễu cợt mình, Thái chỉ cười và nói: “Khi nào lấy vợ, cậu sẽ hiểu tôi hơn.” Dĩ nhiên là Vũ không bao giờ chịu hiểu Thái cả. Chàng tô son, điểm hồng cho cuộc sống độc thân của mình, coi đó như một điển hình tuyệt đối cho nếp sống tự do. Một số bạn bè khác chưa vợ như Vũ cũng nghĩ như vậy. Họ gọi

những kẻ lấy vợ là những tên đào ngũ bản thú. Thét rồi, quen đi.

Chẳng bao giờ Vũ nghĩ rằng mình sẽ trở thành chồng một người đàn bà, cha của một lũ trẻ con. Do đó, Vũ rất khổ tâm khi nghe thấy những bà vợ bạn vào loại vợ Thái lúc nào cũng muốn cho bạn của chồng mình chui vào những cái nhà tù trọn kiếp. Nhưng, bữa nay, Vũ bắt buộc phải dừng lại tiếp chuyện vợ Thái. Một phần chính cũng vì cái tà áo màu và nụ cười tươi tắn của cô gái đứng bên lũ con của Thái. Chàng tiến lại làm bộ niềm nở như tất cả những người bạn lâu ngày không được gặp nhau, chào hỏi vợ chồng Thái. Vợ Thái giới thiệu Vũ với người thiếu nữ có nụ cười tươi tắn và cặp mắt dài như hai con thuyền. Vũ được biết tên cô gái là Kim, em họ vợ Thái. Kim đỏ bừng mặt chào Vũ rồi cúi xuống ôm chặt

lấy đứa con của Thái. Chuyện trò một lát, vợ chồng Thái rủ Vũ cùng đi ăn. Vũ dễ dãi nhận lời, khác hẳn mọi lần trước và suốt bữa ăn khuya trong một tiệm cháo ngoại ô, Vũ chỉ cười trước những lời khuyên bảo của vợ Thái. Cặp mắt của Kim ngược lên nhìn Vũ, riềm mi dài với màu đen láy của đồng tử như cười với chàng. Vũ cười trả lại và cảm thấy bao nhiêu nỗi mệt mỏi, chán chường trong ngày tan hết. Gần một giờ sáng, vợ chồng Thái đưa Vũ về khách sạn. Lúc xuống xe, vợ Thái nói, vẫn là câu nói cũ nhưng lần này nghe có chan chứa rất nhiều ngụ ý :

– Đạo này chú Thái gây hơn trước nhiều rồi đấy. Cứ ăn uống thất thường như thế này khỏe làm sao được? Nếu nhà tôi ở gần, tôi sẽ nấu cơm tháng cho chú ăn.

Cùng với câu nói ấy, Vũ bắt gập cặp mắt dài và đen của Kim ngược lên ngó mình. Chàng bắt tay Thái, chào vợ bạn và Kim rồi đi nhanh vào lối cửa sau khách sạn. Người chà gác cửa vẫn còn thức, dương cặp mắt trắng nhớn nhìn Vũ. Có lẽ y hơi ngạc nhiên về sự về sớm khác mọi tối của Vũ. Chàng vui vẻ đưa tay chào gã chà gác cửa rồi nhanh nhẹn nhảy từng hai bậc thang trở về phòng.

Cả đêm hôm đó, Vũ nghĩ đến hình ảnh của Kim, cặp mắt dài như hai con thuyền và nụ cười dễ chịu của nàng. Chàng ngủ từng giấc ngắn và bắt đầu cảm thấy căn phòng của khách sạn rộng rãi và lạnh lẽo hơn mọi bữa.

Sáng hôm sau khi xuống phòng quản lý, Vũ gặp Yến cũng đang trả tiền phòng. Yến đợi chàng ở ngoài và khoe:

– Em mượn được tiền rồi. Chị Nguyệt tốt quá, anh ạ. Có lẽ ba hôm nữa em lại đi làm trở lại.

✱

Từ sau bữa gặp Kim, Vũ thấy vợ Thái không còn đáng ghét như trước nữa. Những ngày nghỉ trong tuần hoặc những đêm không biết đi đâu, chàng lại tới nhà Thái. Nói một vài câu chuyện trời nắng, trời mưa với vợ chồng Thái và nhìn cặp mắt của Kim lấp lánh dưới ánh đèn là Vũ cảm thấy đầy đủ một buổi tối trống rỗng của mình rồi. Chàng ngạc nhiên vì sự thay đổi nhanh chóng những thói quen của mình, Rượu và đàn bà cũng như mọi thú vui thuở trước không còn làm chàng ham mê nữa. Chàng thích được ngồi yên tĩnh hàng giờ để nghĩ đến

Kim. Con người ngoài ba mươi tuổi của chàng tưởng đâu đã nguội lạnh hết mọi thèm khát, rung động nào ngờ chỉ trong một phút đã hồi sinh lại tất cả.

Chàng nghĩ đến Kim. Chàng nhớ cặp mắt, nụ cười của nàng. Chàng gọi tên Kim một mình trong đêm tối như thuở nào xưa chàng đã gọi những tên Loan, tên Ngọc, tên Hồng khi chàng mười tám, hai mươi. Cuối cùng chàng kết luận rằng mình đang yêu và bắt đầu yêu. Tuy vậy, trước mặt Kim, Vũ vẫn phải làm bộ thản nhiên như không có chuyện gì. Chàng vẫn đóng trọn vẹn vai kịch là người bạn của vợ chồng Thái và vẫn bướng bỉnh như xưa để cười trước những lời khuyên răn của vợ Thái. Sự giả dối đó làm cho Vũ cảm thấy khổ tâm nhưng chàng không thể làm thế nào hơn được.

Vũ lại vùi đầu vào rượu và tự mình làm khổ mình nhiều hơn trước nữa. Căn bệnh mỗi ngày một trầm trọng. Vũ không dám thú thật với ai cũng như không dám mạnh bạo tìm cách chạy chữa.

✱

Yến cười từ ngoài cửa phòng cười vào:

– Hôm nay, em lên để thăm anh và cũng là để từ biệt anh đây.

Vũ đang viết, ngưng bút nhìn lên. Cuộc viếng thăm bất ngờ của Yến làm chàng khó chịu. Tuy nhiên, chàng vẫn đứng dậy, và nhường ghế cho người vũ nữ.

– Sao lại từ biệt?

Yến không ngồi xuống chiếc ghế mà Vũ vừa nhường cho nàng, vẫn đứng và trả lời :

– Chúng em rời khỏi khách sạn này.

– Chúng em?

Yến ngồi xuống giường của Vũ, hất chiếc đầu về phía sau, cặp mắt sáng rực:

– Vâng. Em và chồng em đã thuê được một căn phố ở ngoài, gần chợ Bến Thành. Chúng em trả lại phòng hôm nay rồi dọn về đó...

Rất nhanh, Vũ nhớ đến câu chuyện mà Yến đã kể lại bữa nọ. Phải chăng, người đàn ông nào đó, cha thật của đứa trẻ kia đã trở về đón Yến đi ở nơi khác?

– Anh chưa biết chuyện đấy nhỉ ?

Yến vừa cười vừa nói. Em và thằng cha kia vừa xử hòa với nhau rồi. Nó bỏ em nhưng thấy em đi nhảy, lại có nhiều đàn ông đưa đón như trước nên nó hối hận, có lẽ vì ghen thì đúng hơn, nó lại trở về xin lỗi em và...

Yến không nói hết câu thì cái bóng cao lớn của anh chàng ngoại kiều đã hiện ra ngoài khung cửa. Y nhìn vào, gạt đầu chào Vũ. Yến vội vã đứng dậy, vừa chạy nhanh ra cửa vừa nói vọng lại :

– Nó đấy. Em về nghe anh. Hôm nào nhà cửa xong xuôi, em sẽ lại đón anh tới chơi.

Cánh cửa phòng đóng lại. Tiếng giày của vợ chồng Yến xa dần. Vũ nhìn đồng hồ. Tám giờ. Những tiếng xe chạy dưới đường đã dần thưa thớt. Vòm cây ngoài cửa sổ bây giờ là một khoảng đen sẫm

in trên khung trời xám nhạt của một đêm trăng thượng tuần. Vũ gấp tập bài đang viết dở lại và đứng dậy mặc quần áo. Mười phút sau, Vũ đã ở dưới đường. Trận gió đêm mát rượi thổi tới xui Vũ nhớ tới một quán rượu ở bờ sông. Chàng vẫy một chiếc taxi lại và mở cửa bước lên.

– Thày đi đâu ?

Vũ vừa định bảo người tài xế cho cho xe chạy về phía bờ sông thì chợt nhìn thấy Yến và người chồng ngoại quốc của nàng từ trong khách sạn đi ra. Gã đàn ông xách một chiếc va-li lớn và Yến thì một tay bế con một tay mang một chiếc va-li nhỏ. Vẫn là chiếc xe mui trần mà ngày nào Vũ đã nhìn thấy Yến ngồi trên đó mỉm cười rạng rỡ. Lúc này cả hai, thêm một đứa con nhỏ và hai chiếc va-li, đã leo lên xe. Tiếng cười nói ríu rít. -

– Đi đâu, thầy ?

Người tài xế nhắc lại câu hỏi hồi nãy, giọng hơi bức bối. Bỗng dưng, Vũ nhớ tới Kim, nhớ tới cặp mắt đẹp và dài với nụ cười mát rượi của nàng. Chàng bảo người tài xế chạy về mạn Phú Nhuận. Tới trước cửa nhà Thái, chàng bảo xe ngừng lại. Châm xong liều thuốc, chàng xuống xe và lấy dáng điệu bình thản như tình cờ ghé chơi nhà bạn, chàng tiến lại bên cửa, nhận chuông. Người ra mở cửa cho Vũ là Kim. Nàng cười giọng nghịch ngợm :

– Tưởng hôm nay thứ bảy, anh bị các cô ấy bắt cóc rồi ?

THANH NAM

Đêm dài

TẠ TỰ

hế là hẩn mất ngủ thật. Sau mấy tiếng đồng hồ, hẩn cố gây giấc ngủ bằng cách đọc hết 5 tờ báo hằng ngày từ những tin tức quan trọng về chính trị, quân sự cho tới mục rao vặt, quảng cáo, kể cả những lời chia vui hay chia buồn của thiên hạ. Càng đọc bao nhiêu thì hẩn càng tỉnh táo, trong khi vợ hẩn ngủ ngon như con mèo con.

Hẩn đưa tay ra ngoài màn bấm vào nút điện. Căn phòng chìm vào tăm tối hoàn toàn. Thường thường đêm nào hẩn

cũng ngủ sớm, trừ những đêm đi coi chớp bóng hoặc coi hát. Vợ hần thuộc loại đàn bà mê sân khấu vọng cổ. Hần không thích, nhưng chiều vợ cho nên phải đi, cũng như vợ hần đi xem chớp bóng vì nể chồng. Sự trái ngược còn xuất hiện trong vài trường hợp nữa, như về cách trang trí nhà cửa hoặc miếng ăn thức uống. Hần thì hần cho rằng cha mẹ sinh ra thể xác nhưng ông Trời đã đặt vào thể xác của mỗi người một linh hồn, một năng khiếu riêng để phát ra hay thu nhận những hình ảnh của cuộc đời. Đã yêu nhau cần phải tha thứ. Hần vẫn nghĩ như thế và hần đã tha thứ nhiều lần để tránh sự cãi nhau làm mất hòa khí gia đình.

Hần hãy còn trẻ lắm, vợ hần lại trẻ hơn hần 4 tuổi – cái tuổi của mâu thuẫn vợ vắn để rồi hờn giận vu vơ. Cứ mỗi lần

hai vợ chồng hẳn nói chuyện về một vấn đề gì mà hẳn cảm thấy sắp đưa đến gay go thì hẳn lại xử hòa, bằng cách cười hề hề cho tay lên vuốt nhẹ trên mái tóc óng như tơ của vợ.

Nhưng đêm nay hẳn không còn có thể cười hề hề được nữa, tuy rằng vợ hẳn không gây sự, hoặc làm việc gì phật ý hẳn. Hành động buổi chiều nay của vợ, có sự đồng ý của hẳn. Chính hẳn đã xin phép nghỉ để đưa vợ đi đến nhà hộ sinh thăm thai. Vợ hẳn mang bầu được hơn 6 tháng. Đã mấy bữa nay vợ hẳn kêu khó chịu, thỉnh thoảng lại thấy từng tức đau ở bụng dưới. Vợ hẳn đi hỏi thăm bạn bè quen thuộc lối xóm, họ khuyên nên đi bác sĩ khám vì con so phải cẩn thận. Hẳn thì hẳn cho rằng chả cần gì phải thăm thai cho tốn tiền, khi nào có triệu chứng khó chịu lắm hẳn hay. Hẳn

ngĩ thế, nhưng hấn vẫn phải chịu vợ, như những lần hấn chịu vợ đi xem cải lương để ngủ gật trên ghế cho đến lúc hạ màn vợ hấn phải đánh thức hấn dậy. Vợ hấn đã cầu nhàu nhiều lần về cử chỉ thiếu lịch sự trước công chúng của hấn, nhưng không hiểu sao chứng nào vẫn tật ấy, cứ bước chân vào rạp hát là hấn bắt đầu buồn ngủ.

Hấn nhìn vợ, trong tối tăm hấn chỉ nhận thấy một mảng màu xám mờ mờ ẩn hiện. Tiếng thở đều đều chứng tỏ vợ hấn ngủ rất ngon, một giấc ngủ vô tư và yên tâm về cuộc đời. Cho biết đến bao giờ hấn mới có thể quên được nét mặt của vợ hấn khi bước chân ra khỏi phòng thăm thai. Hai gò má đỏ hây hây tuy nàng không thoa phấn hồng trước khi đi. Hai con mắt long lanh biểu lộ sự vui mừng.

Vợ hần cười, cái cười cười mở tươi tắn khi nàng bằng lòng một sự gì. Cái cười này, hần được nhìn thấy là lần thứ hai từ ngày cưới. Lần thứ nhất sau tối tân hôn – và bây giờ sau khi ra khỏi phòng thăm thai. Trên đường về, vợ hần nói riu rít như chim non – vợ hần khen mãi ông bác sĩ tử tế, lịch sự và khám kỹ lưỡng. Hần cảm thấy mỗi lời vợ hần nói là một mũi nhọn đâm vào trái tim mình. Hình ảnh của phòng khám bệnh hiện lên trong ý nghĩ hần. Chiếc tủ thuốc với chiếc giường sắt có trải vải trắng muốt. Những đồ dùng của khoa học và bàn tay!...

Vợ hần cứ nhắc mãi về cái thai thuận chiều và triệu chứng đau bụng mấy bữa nay, Bác sĩ bảo là do sự ăn uống mà ra chứ không phải tại cái thai. Vợ hần lúc ngồi xe hơi mới thú thật với hần rằng,

trong lúc hấn đi làm, ở nhà vợ hấn ăn quà, những thứ quà ngon miệng nhưng độc đối với những người đàn bà mới sanh, chẳng hạn như bún ốc, bún riêu cua v.v..., để sau khi sanh nở có phải kiêng khem cũng đỡ thèm.

Hấn thấy cổ họng hấn như có ai xiết chặt lại, nhưng hấn vẫn phải làm ra dáng vui vẻ để cho vợ khỏi đọc được những ý nghĩ của hấn. Nhưng đàn bà họ tinh lắm. Vợ hấn có lẽ cũng cảm thấy có sự gì khang khác cho nên đang nói chuyện vui vẻ, nàng bỗng ngừng lại, quay mặt ra ngoài nhìn đường phố thụt lùi sau tấm kính xe.

Buổi chiều hôm nay hấn ăn cơm mất ngon tuy bira cơm có những món ăn mà hấn ưa thích. Sự không ngon này chỉ một mình hấn biết, vì sao? Hấn phải đóng kịch để đánh lừa vợ. Hấn làm

bộ đói, ăn ngấu nghiến, và từng miếng cơm thật to, ăn thật nhanh, pha trò huyền thuyên trước sự ngạc nhiên của vợ hăn. Vợ hăn cũng vui lắm khi nghĩ tới cái thai trong bụng nằm thuận chiều và khỏe mạnh cho nên nàng ăn cũng nhanh không kém gì hăn. Trong bữa ăn, nàng đổ hăn, đứa con đầu lòng sẽ là trai hay gái? Nàng nhất định nó là con gái, để nó giống nàng. Hơn nữa, Bác sĩ đã nói, 80 phần trăm nàng sẽ sinh con gái vì có những triệu chứng đọc thấy ở nước tiểu. Sở dĩ nàng thích con gái để nàng có thể may được nhiều quần áo đẹp cho nó mặc, vả lại tính nết con gái bao giờ cũng thùy mị nết na chứ không nghịch ngợm khó chịu như con trai. Nàng chê con trai khó dạy, lớn lên nếu không trông nom cẩn thận dễ thành “cao bồi” lắm. Hăn thì hăn không có ý kiến về trai hay gái, nhưng hăn cũng đành đánh lừa vợ để

giấu những ý nghĩ thầm kín của chính mình bằng cách nói trái lại ý vợ. Giá mọi hôm thì câu chuyện nhỏ nhặt này cũng có thể làm cho vợ hần khóc hàng giờ và hần lại phải vuốt tóc chào thua như thường lệ. Nhưng hôm nay trái lại, dù cho hần nói thế nào vợ hần cũng cười, cái cười cởi mở của buổi chiều tin tưởng vào tương lai của đời mình và đứa con đầu lòng sắp ra đời.

Nằm mãi không ngủ được, hần trở mình trần trọc. Xuyên qua những hình ảnh ban chiều, hần thấy cả một khoảng đường dài của quá khứ trôi về. Hần nghĩ lại buổi gặp gỡ của hần và Lan – Hần nghĩ đến sự run sợ đầu tiên khi hần trải lòng mình trên mặt giấy màu xanh nhạt mang nặng niềm hy vọng, gửi đi mà không chắc có hồi âm. Hần nhớ đến rất nhiều kỷ niệm, những kỷ niệm trong

trắng của mỗi tình đầu và cũng là mỗi tình duy nhất của hắn. Hắn tình nhâm từ lúc yêu nhau cho tới khi hắn dám nắm lấy bàn tay thon mịn của Lan phải mất một khoảng thời gian là một năm. Hắn nhớ tới những đêm trăng ngồi nói chuyện với Lan mà hắn chẳng dám ngồi gần để nghe hơi thở không đều của Lan. Hắn chỉ dám ngồi xa xa và hắn cảm động bao nhiêu khi cơn gió vô tình làm cho tà áo của Lan bay tạt vào người hắn. Chỉ một chút ấy thôi cũng đủ làm cho hắn sung sướng và hắn tưởng tượng rằng hơi gió đã truyền cảm xúc của Lan sang người hắn.

Hắn nghĩ đến những lỗi mòn mà hắn và Lan đã đi. Những giờ phút hẹn hò, chờ đợi. Có một đôi khi sự giận hờn vô lý của tuổi trẻ đã làm họ suýt xa nhau vĩnh viễn. Trong mấy năm trời yêu nhau

đề rồi lấy nhau, chưa bao giờ hấn dám ôm chặt Lan vào lòng hoặc làm những cử chỉ thô bạo. Khi Lan đã chính thức làm vợ hấn, hấn tin vững chắc rằng Lan trở thành một vật bất khả xâm phạm, không một kẻ đàn ông xa lạ nào được đụng chạm vào tà áo của nàng chứ đừng nói gì da thịt. Nhưng niềm tin đó đến giây phút này đổ sụp hoàn toàn. Một ý nghĩ mới đến với hấn là, không có một cái gì bất khả xâm phạm ở cõi đời này cả. Chứng cứ, hình ảnh của Lan buổi chiều nay. Khi ý nghĩ trên đã được ghi nhận trong đầu thì bao nhiêu kỷ niệm thơ mộng của tuổi thanh xuân bị xé nát và bị vùi dập tàn nhẫn trong tiềm thức. Hấn thở dài, quay mặt ra phía ngoài, hai tay khoanh trước ngực.

Tiếng chân mèo đuổi nhau âm âm trên mái ngói cùng với tiếng kêu gào thê

thiết của chúng làm cho hấn bực mình. Không ngủ được mới thấy đêm dài làm sao. Những tiếng động dù nhỏ đến đâu cũng làm cho tỉnh ngủ. Hấn thò tay ra ngoài màn ấn vào nút đèn, Ánh sáng vàng khè làm hấn chói. Hai mi mắt nặng trĩu như bị kéo xuống. Hấn ngồi nhồm dậy đưa tay lên dụi cho đỡ quáng. Hấn chui ra khỏi màn định ra sân đuổi mèo, những con mèo mất nết. Nhưng vừa lúc ấy Lan tỉnh dậy. Nàng xoay mình ra phía hấn.

– Anh chưa ngủ cơ à? Đêm nay làm sao anh thức khuya thế?

Tuy hỏi chồng nhưng mắt Lan vẫn nhắm nghiền để nếu cần có thể ngủ lại được ngay.

– Tại mấy con mèo chết tiệt của nhà ai nó làm ầm ầm trên mái ngói mất ngủ.

Nói xong, hắn đi xuống bếp tìm thanh củi nhỏ để ném lên mái ngói đuổi mèo, vì chúng vẫn kêu và quần thảo nhau trên nóc nhà. Cầm thanh củi trong tay hắn định ném lên mái ngói để đuổi mèo và đuổi luôn cả những ý nghĩ u ám của mình, nhưng nghĩ thế nào hắn lại thôi, hắn chỉ gõ thanh củi vào tường mồm kêu : “ suýt suýt”. Tiếng mèo im dần.

Hắn đi tiểu xong quay vào nhà. Vợ hắn đã xoay mặt vào bên trong ngủ lại. Hắn nhìn bụng vợ đổ nghiêng xuống mặt giường như bụng con lợn sề. Hình ảnh của căn phòng thăm thẳm lại hiện ra với bàn tay của người đàn ông không phải là hắn. Đôi má của vợ hắn lúc này không hồng nữa dưới ánh đèn nhưng hãy còn nguyên màu mịn màng của tuổi thanh xuân. Hắn cố nghĩ mãi mà không hiểu tại sao vợ hắn lại có thể cười được,

và cười thật đẹp khi ra khỏi phòng thăm thai. Hấn cũng không đoán nổi vợ hấn nghĩ gì khi những bí mật của đời nàng đã bị khám phá, ngoài hấn. Sự khám phá này còn được trả thù lao rất hậu. Thật là mỉa mai. Thà là vợ hấn lúc sinh nở chẳng may gặp sự khó khăn thì nó đi một nhẽ, đằng này lại nghe bạn bè lối xóm xui khôn, xui khéo để học đòi văn minh rởm. Ngày trước các cụ không có Bác sĩ thăm thai thì đã làm sao? Quanh quẩn mãi với những lý luận lảm cảm trước một sự kiện đã rồi, hấn phát khùng chui vào màn lấy tay lay vợ dậy. Vợ hấn ngủ có say. Hấn nghĩ bụng đàn bà dễ tính thật, nhưng họ chỉ dễ tính với chuyện gì không phản lại quyền lợi của họ mà thôi, còn quyền lợi của kẻ khác bị thiệt hại họ sẵn sàng quên ngay. Như trường hợp của hấn chẳng hạn. Vừa mới nói nheo nhéo như thế mà quay đi, quay

lại đã ngủ như chết.

– Này em, xích vào một tý để chỗ cho anh nằm chứ?

Lan nặng nề trở mình, hỏi chồng :

– Những con mèo nó đi chưa anh ?

Giữa lúc ấy tiếng mèo lại kêu trên nóc nhà.

– Nào chúng nó đã cút đi đâu, thế em không nghe tiếng chúng nó gào sao ?

– Em chẳng nghe thấy gì cả. Em ngủ ngon quá. Thôi tắt đèn đi ngủ anh. Nó kêu mặc nó,

– Nó gào và chạy ầm ầm như thế có thánh mà ngủ, chỉ trừ em.

Hắn nói mỉa. Nhưng vợ hắn đâu có cần hiểu, Nét mặt ngủ dở dang của

Lan nằm chếch dưới ánh đèn đêm mờ mờ trông khôu gợi lạ. Đôi lông mày đen cong vút chạy lẫn vào sóng tóc chảy xạm trên bờ vai nuột nà. Chiếc mũi thon thon nằm gọn trong khuôn mặt bầu bĩnh. Môi Lan hơi trể xuống như mời mọc. Toàn thân Lan toát ra mùi hương quyến rũ. Trông thấy vợ, hấn muốn âu yếm như những đêm qua, nhưng có một ma lực nào ngăn cản sự rung động ấy. Lan đã thay đổi trước mắt hấn. Hấn có mặc cảm là Lan không còn hoàn toàn thuộc về mình. Có một cái gì cao quý đã bị mất đi.

– Này Lan, em đã ngủ chưa ?

– Em buồn ngủ muốn chết.

– Thức nói chuyện với anh một lúc cho vui em. Đêm nay anh thấy khó ngủ quá ! À, Lan này em sinh ở đâu nhỉ ?

– Cái anh này thật vớ vẩn. Trong khai sinh của em đã đề rõ ràng, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1938 mà lại.

– Anh hỏi em sinh ở quê hay ở tỉnh kia.

– Mẹ em không nói, nhưng trong khai sinh đề ở tỉnh.

– Độ ấy ở các tỉnh có nhiều phòng thăm thai chưa nhỉ?

– Anh này thật lắm cảm, khuya rồi, thôi ngủ đi, em buồn ngủ quá. Mai em còn phải dậy sớm đi chợ.

– Điều này quan hệ lắm chứ, vì có nhiều người sinh ở tỉnh mà bố mẹ cứ khai sinh ở quê vì sợ mất gốc, và trái lại có người sinh ở quê lại làm khai sinh ở tỉnh cho được hưởng quyền lợi dân thành phố.

– Cái đó em không biết. Lan trả lời có vẻ hơi khó chịu.

– Sở dĩ anh cần phải hỏi em cho rõ vì anh nghĩ đến những người ở xa thành phố, các cụ của chúng ta ngày xưa và ngay cả mẹ anh đã sinh ra anh ở giữa chốn quê mùa tại sao lại có thể tránh được sự khó khăn trong lúc sinh nở một cách kỳ diệu, vẫn mẹ tròn con vuông mà không cần đến bàn tay khoa học và chiếc giường sắt cao lênh khênh có trải khăn trắng nhỉ ?

– Ờ cái anh này điên rồi, mới mất có mấy trăm bạc thăm thai mà anh đã tiếc của đến mất ngủ hay sao ?

Lúc này Lan tỏ vẻ giận thật nàng quay mặt vào trong.

Hắn vẫn dụi dằm:

– Đâu có phải chuyện tiền mà anh mất ngủ. Tại những con mèo mất nết đấy chứ!

Lan không trả lời. Đôi vai nàng đã bắt đầu hơi run run. Hơi thở dồn dập nghẹn ngào. Hẳn biết là vợ đã giận. Nhìn thấy Lan sắp khóc hẳn lại thương, hẳn cho tay kéo người vợ quay lại phía mình.

– Này Lan.

Cả người Lan mềm nhũn ra và tỏ thái độ hờn dỗi bằng cách không trả lời. Cùng lúc ấy, hẳn mới chợt nghĩ rằng, tất cả mọi người đàn bà ở các thị thành khi mang bầu đều có trường hợp như vợ hẳn cả. Hẳn thấy lòng tức tối dịu xuống. Hẳn cúi đầu xuống sát mái tóc của vợ:

– Này Lan, lúc chiều em nói, em thích con trai hay con gái nhỉ ?

– Con gái. Lan gắt lên.

Hắn cho tay lên vuốt tóc vợ cười hề hề :

– Em cố đẻ cho anh đứa con trai để sau này anh nuôi cho nó học về y khoa nhé !

Lan không trả lời cười nhẹ như giấc mơ.

TẠ TỰ

Cánh hồng

VĨNH LỘC

Nàng chết vào khoảng bốn giờ sáng, khi bóng tối cuối cùng sắp lặn. Tôi ngồi gục đầu trong cái ánh sáng nhợt nhạt của ngày đang lên và trong tay tôi những ngón tay gầy guộc đã lạnh ngắt. Bên tai tôi dường như có ai bảo sẽ :

– Cô ta đã chết rồi...

– Không, Hiền chưa chết... Nàng hãy còn nắm tay tôi.

Sự thật thì tôi đương còn nắm tay nàng. Bàn tay nhỏ không còn một chút sinh khí. Nhưng tôi không thể tin được là nàng chết. Khuôn mặt trái xoan, đôi mắt đen hiền dịu và nụ cười dường như còn nở trên môi, cặp môi héo hắt vì bệnh hoạn. Hình ảnh thân yêu cuối cùng ấy vẫn còn sống với tôi trong gian phòng lạnh lẽo của bệnh viện này.

– Hiền ơi ! Em Hiền...

Tôi gọi nàng se se và nắm chặt hơn lấy bàn tay gầy nhỏ của nàng như níu kéo nàng lại. Cuộc giằng co tuyệt vọng của tôi và thần chết.

Nhưng thật ra, Hiền đã bỏ tôi. Xung quanh tôi những cái bóng trắng bước đi lặng lẽ. Người ta kéo tấm mền lên người nàng và những đôi mắt buồn rầu như nhắc nhở tôi : Hiền đã chết.

Vừa hôm qua đây, khi tôi đưa nàng ra hành lang bệnh viện, nàng còn cười nói với tôi. Chúng tôi ngồi bên nhau trong ánh sáng vàng lọt êm dịu của buổi chiều. Ở dưới vườn một vài người bệnh áo trắng ngồi một mình trên ghế đá, giữa những bồn cỏ xanh và hoa Glaieul. Sự cô độc của họ khiến chúng tôi sung sướng nghĩ rằng chúng tôi yêu nhau và không cô độc. Tôi nhìn nàng với một thoáng lo âu. Nước da nàng xanh tái. Đôi mắt đẹp để mọi ngày dường như đen hơn, hơi sâu vào làm tăng vẻ gầy guộc của khuôn mặt. Riêng có nụ cười là vẫn nguyên vẹn trên môi nàng. Nụ cười ấy đem lại cho tôi nhiều hy vọng và như luôn nhắc nhở tôi rằng tình yêu của chúng tôi còn bền chặt lắm.

Chỉ vừa mới hôm qua thôi. Tôi không thể tưởng được sự chết lại đến đột ngột

và chóng vánh như thế. Cuộc đời, bóng nắng, một cánh chim câu trắng, tình yêu và bây giờ là... sự chết.

Tôi ngồi như thế rất lâu và người ta làm những gì xung quanh tôi, tôi cũng không hay. Tôi có cảm tưởng như thời gian ngừng lại. Một người nào đó đến khép mắt cho nàng. Tôi định đứng lên để ngăn cản cái cử chỉ đó, nhưng tôi không làm được gì cả. Tôi không còn muốn làm một cử động nhỏ nào nữa, sợ rằng xô động một chút thì nàng sẽ bỏ tôi mà đi. Thật là những ý tưởng vô lý của một kẻ tuyệt vọng.

Lâu dần ánh sáng vào nhiều hơn. Một tia nắng mong manh theo khung cửa lọt vào phòng.

Bấy giờ tôi mới nhìn thấy hiện rõ hơn. Trong mảnh chăn trắng chỉ còn hờ

ra khuôn mặt hốc hác. Mắt nàng nhắm như người ngủ. Giấc ngủ của người ốm, mệt nhọc và chắc là đầy những giấc mơ quái dị.

Hiền ơi ! Em Hiền !

Lần thứ nhất, nàng không trả lời tôi. Không bao giờ nàng trả lời tôi nữa. Tôi bật lên khóc khi nhớ đến giọng nói thánh thót như chim khuyên của nàng. Ngày xưa...

Phải, tất cả những tiếng nói, câu chuyện, những khóe mắt, những nắm tay và những cái hôn đầm thắm, đều lùi vào dĩ vãng.

Một lần nữa tôi cúi xuống khuôn mặt thân yêu. Tôi để nhỏ lên đó một giọt lệ và dường như tôi nghe thấy giọng nói dịu dàng của Hiền ngày nào, khi chúng tôi mới yêu nhau.

Thấy tôi vào, đang cười, nàng bỗng im bặt. Tôi nhìn nàng và thoáng gặp một đôi mắt chớp chớp, e thẹn.

– Cô Hiền đấy. Em gái thứ ba của tôi.

Sau câu giới thiệu đột ngột và thân mật của Chương, chúng tôi cúi chào nhau. Mấy cô gái bạn của Hiền lại tiếp tục trò chuyện nhưng lúc đó. Hiền không còn cười nữa. Một không khí bỡ ngỡ, ngượng ngập thoáng trong gian phòng khách nhỏ của Chương. Có một lúc đôi mắt của chúng tôi gặp nhau. Má Hiền hơi ửng đỏ. Đó là cái nhìn làm quen lần thứ nhất. Tôi bảo Chương :

– Cô Hiền còn đi học ?

– Nó vừa đậu Trung Học đệ nhất

cấp. Ba tôi thì muốn cho học thêm. Má tôi lại nghĩ rằng nó nên ở nhà.

Lúc bấy giờ Hiền lại khẽ quay về phía chúng tôi. Cái nhìn lần này bạo dạn hơn. Tôi bắt gặp một thoáng cảm tình và không hiểu sao tôi bỗng nghe lòng rung lên như có ai vừa bấm nhẹ một tiếng đàn.

– Nó đã mười tám.

Tôi mỉm cười, thông cảm với Chương. Hiền tiến mấy cô bạn ra cửa rồi trở vào nhà trong. Một lát nàng đem ra cho tôi một tách nước trà.

– Anh xơi nước.

Nàng nói với một giọng dịu dàng. Đôi mắt tươi sáng thay cho một nụ cười.

– Cám ơn cô.

Tôi có cảm tưởng như giọng nói của tôi hơi xúc động. Và tôi mỉm cười thầm.

Chương là một nhà văn. Nhưng anh sống cuộc đời của một tư chức. Tôi quen anh vào dịp họp mặt cuối năm ngoái tại một tiệm nước có đông đủ những người làm văn nghệ.

Chúng tôi ngồi cạnh và có dịp nói với nhau về văn chương. Câu chuyện đi sang địa hạt đời sống và dần dà trở nên thân mật.

Sau đó chúng tôi thường gặp nhau vào những ngày chủ nhật. Chương vẫn đến nhà trọ tìm tôi và lần thứ nhất, hôm đó anh mời tôi lại nhà.

Hình ảnh người con gái năng tách trà, ngoan và dịu dàng có làm tôi nghĩ ngợi ít lâu. Nhưng vì giữ ý, tôi không tìm lại nhà Chương.

Một buổi sáng chủ nhật kia, đương đi lang thang trên đường Lê Lợi tôi bỗng nghe một giọng nói quen quen cất lên sau lưng mình.

– Kia , cô Hiền. Cô đi đâu đấy?

Tôi hỏi như một cái máy trong một phút bất thần. Sau đó tôi cố trấn áp sự xúc động chợt đến. Phía Hiền thì trái lại. Nàng có vẻ tự nhiên hơn. Tự nhiên một cách thân mật. Nàng cầm cái giỏ mây đưa lên cho tôi coi :

– Em đi chợ.

– Chợ Bến Thành ?

Tôi gợi chuyện một cách rất khó khăn. Nàng gật đầu và hỏi tiếp:

– Bữa nay anh đi chơi có một mình?

– Tôi vừa ở nhà ra. Chưa biết đi đâu

và rồi lang thang mãi ra đến đây.

Hiền bật lên cười làm tôi ngạc nhiên:

– Anh nói lang thang nghe tội nghiệp quá.

Tôi cười theo và trở nên dạn dĩ hơn:

– Nếu tôi theo cô đi chợ thì có được không?

– Đi chợ với đàn bà thì chán lắm anh ạ. Họ hay la cà lắm ..

Nói tới đây, chừng như sợ tôi buồn Hiền vội tiếp:

– Nhưng nếu anh có đủ kiên nhẫn thì chúng mình cùng đi cho vui.

Lẽ cố nhiên là tôi nhận lời. Chúng tôi đi trên lề đường chật chội, giữa những tiếng rao hàng ồn ào đôi lúc đến tức cười

của mấy người buôn bán ngồi ở vỉa hè. Tuy hè đông mà tôi vẫn đi nhanh vì thói quen. Khi tôi quay lại thấy Hiền đang hấp tấp đuổi theo.

– Hồi nãy anh bảo theo em đi chợ. Mà bây giờ lại hóa ra em phải theo anh.

Hiền bảo tôi như vậy với vẻ khôi hài ý nhị. Tôi nhận thấy hai mắt nàng long lanh và má hơi ửng hồng. Lúc bấy giờ mặt trời đã lên khá cao và buổi sáng bắt đầu nóng. Tôi đợi Hiền đi ngang tôi rồi bảo:

– Tôi xin lỗi nhé. Hình như người ta thường bảo đi nhanh thì số vất vả, có phải không cô Hiền nhỉ ?

– Em không tin như vậy. Có điều đi dạo phố mà vội vàng như anh kể ra hơi... mệt.

Nói dứt Hiền bùm miệng lại như cố nín cười. Tôi để ý tới màu áo của nàng cùng một lúc với thân hình mảnh mai. Chúng tôi đi vào một dãy hành lang hẹp, hai bên là những cửa hàng nho nhỏ. Ánh đèn ống không đủ sáng những quầy hàng chật chội. Phần lớn những gian hàng đều có những quạt máy.

– Đi hết một vòng chợ thì chắc phải chết ngộp mất, cô Hiền ạ.

– Em đã nói là đi chợ với đàn bà phải cần kiên nhẫn lắm.

Lúc đó tôi đi sau Hiền vì lối đi hẹp. Hiền vừa đi vừa ngo sang hai bên.

Dáng điệu nửa tò mò nửa thích thú, như đứa trẻ đi lạc vào một cửa hàng bán đồ chơi vào ngày giáp Lễ Giáng Sinh. Lâu lâu nàng dừng lại một cửa hàng xén

hỏi mua một món hàng. Thoạt đầu nàng dừng lại ít, thỉnh thoảng lại ngó tôi với một đôi mắt dò xét tinh nghịch. Đi một quãng xa nàng dừng lại ở một gian hàng vải. Tôi đứng ngắm nàng lựa những hàng áo. Bàn tay thon nhỏ nâng từng tấm lụa màu lên ánh sáng nhanh và mềm mại múa. Hiền khoác tấm hàng lên mình và vui vẻ hỏi tôi :

– Em mặc màu này có được không ?

Đó là một hàng áo màu xanh rêu, dịu mắt, có điểm một ít hoa hơi sẫm.

– Con mắt thẩm mỹ của tôi xoàng lắm. Chỉ sợ khen đẹp rồi ra lại thành xấu thì nguy.

Hiền nguyệt tôi một cái dài :

– Anh kiểu cách quá. Hay là em mặc không hợp?

Tôi thành thật bảo :

– Tôi thì tôi vốn ưa những màu rực rỡ. Màu này hơi lợt nhưng có lẽ hợp với Hiền hơn.

Hiền hơi thất vọng, tính chọn những hàng khác. Nàng bảo tôi:

– Em mà đến hàng vải thì nửa ngày không ra. Sự anh hết kiên nhẫn mất.

Tôi cười :

– Trường hợp của tôi khi vào hiệu sách cũng vậy. Cuốn nào cũng hay nhưng rồi lật giở ra xem chán lại về không. Lý do : sách bây giờ đắt quá.

Tôi nghe thấy người bán hàng xé vải và bắt gặp đôi mắt bắn khoản của Hiền :

– Nếu có ai chê thì đừng có đổ cho tôi đấy nhé.

Hai chúng tôi cùng cười. Không khí bên ngoài thoáng hân. Trên má Hiền lấm tấm những giọt mồ hôi. Nàng vuốt mấy sợi tóc mai lên và thở ra một cách khoan khoái:

– Thế là xong. Đi chợ đây. Mua được cái áo với mấy món đồ lặt vặt bây giờ hân là anh thoát nợ.

Tôi không nói mà dăm dăm ngó Hiền. Cử chỉ ấy khiến nàng hơi bẽn lễn.

– Thôi bây giờ xin tạm chia tay.

Tôi bật cười vì câu nói như kịch của nàng.

– Anh cười gì thế ?

– Cô nói đến chia tay khiến tôi hơi... buồn.

Má Hiền đỏ lên. Nàng không nhìn

tôi mà cúi xuống phía chiếc giỏ mây cầm nơi tay.

– Tôi không nói đùa. Hiền đừng giận nhé. Bây giờ tôi đưa Hiền về nhà.

– Anh không đi chơi nữa hay sao? Thôi để em về một mình. Bắt tội anh nữa.

Nói thế xong Hiền cũng theo tôi.

★

Một hôm, tôi hỏi Hiền, khi chúng tôi nhắc đến sáng chủ nhật đầu tiên của hai đứa tôi :

– Hôm đó em nghĩ sao mà lại thuận cho một anh chàng vừa mới quen mấy hôm trước ở nhà, đi theo như vậy?

Hiền ngó tôi trong đôi mắt trù mẩn.

– Vì hôm đó anh đi một mình... mà em cũng đi có một mình.

Sau lần đi chơi ấy, tôi thường lại nhà Chương, Tôi không quên kể cho anh nghe chuyện tôi và Hiền gặp nhau hôm chủ nhật. Và tôi bảo anh:

– Nếu bây giờ tôi nhắc đến chuyện tôi sẽ hỏi Hiền làm vợ, anh cho là có vội lắm không?

Chương trả lời không suy nghĩ:

– Tôi rất mến anh. Nhưng chuyện đó tôi định sẽ bàn kỹ với anh hơn, một ngày gần đây.

Rồi một hôm, đột nhiên Chương bảo:

– Hiền nó vốn yếu đau luôn. Liệu anh có thể lấy một người vợ thiếu sức khỏe được không?

Tôi không biết nói gì hơn là nhắc lại:

– Tôi yêu Hiền.

Tôi chưa từng nói câu đó với Hiền. Giữa chúng tôi, tình yêu lặng lẽ đến giống như một bà tiên dắt tay hai đứa trẻ và dẫn chúng vào khu vườn hạnh phúc.

Cha Hiền là một công chức hồi hưu. Mẹ nàng thuộc vào lớp các bà hiền mẫu ngày trước buôn bán tần tảo để nuôi gia đình. Cái gia đình yên ấm và nền nếp ấy gây cho tôi một cảm tưởng mến trọng và gìn giữ. Những cuộc hẹn hò của chúng tôi không ra ngoài ngưỡng cửa nhà Hiền. Đôi khi, vì một sự tình cờ nào đó chúng tôi gặp lại nhau vào một sáng chủ

nhật. Chúng tôi vui sướng sống lại với kỷ niệm đầu tiên.

Một hôm, Hiền bỗng vui hơn thường lệ. Nàng bảo tôi qua một thoáng xúc động :

– Em sắp đi học nữa.

– Thế ư ? Định làm bà trạng sư hay bà bác sĩ đấy ?

Hiền để cho tôi thắc mắc một giây cười bảo :

– Em sẽ làm nghề gõ đầu trẻ con, như anh.

Hết vụ hè năm ấy Hiền thi đậu vào trường Sư Phạm. Gặp tôi, Chương bảo :

– Con bé ấy nó cứng đầu lắm. Lúc đầu tôi hơi nghi, cho là anh đã xúi. Bây

giờ thì anh biết tại sao mà tôi không có ý định cho nó đi học nữa.

Tôi bảo :

– Có lẽ tôi sẽ tìm cách khuyên Hiền bỏ ý định đó. Người yếu như Hiền không thể đi dạy được.

– Tôi cũng đã có ngăn nó. Nhưng anh biết nó trả lời ra sao không? Nó bảo: sau này lỡ lấy chồng nghèo thì còn giúp chồng...

Và Chương bảo cho tôi một tin vui :

– Hôm nọ tôi có nói với má tôi về chuyện anh và con Hiền. Bà cụ khen anh hiền lành. Và kết quả ra sao, anh thừa hiểu.

Tôi nhìn Chương với đôi mắt biết ơn. Hôm đó, anh giữ tôi lại ăn cơm. Bữa

cơ thân mật. Me Chương, anh và Hiền thay nhau tiếp chuyện khiến tôi bớt ngỡ. Tôi có cảm tưởng như dự vào một cuộc xem mặt mà tôi là Hiền người thiếu nữ sắp được chọn làm vợ.

Sự lo ngại của Chương không lâu. Những trận mưa đầu mùa làm cho khí hậu lạnh và ẩm thấp. Hiền nhuộm bệnh. Nàng phải bỏ học theo lời khuyên của bác sĩ.

Những ngày Hiền nằm bệnh tôi thường lại thăm. Nàng tỏ vẻ hơi thất vọng. Nhưng lúc có tôi thì nàng vui hơn. Một hôm, Hiền đã nắm tay tôi mà bảo :

– Anh không sợ rồi em sẽ làm khổ anh ử !

Tôi nhìn nàng âu yếm bảo:

– Em có khuôn mặt rất giống mẹ anh.

Câu nói khiến đôi mắt Hiền lấp lánh lên.

– Mẹ anh chết lúc anh còn nhỏ. Khi mất chỉ có bà ngoại anh ở bên cạnh.

Hiền kéo bàn tay tôi áp lên má nàng. Bàn tay tôi bỗng chạm phải một giọt nước âm ẩm. Lần thứ nhất, tôi bảo :

– Anh yêu Hiền.

Mùa mưa vẫn kéo dài những ngày lạnh và u ám. Hiền khỏi bệnh nhưng nàng gầy và xanh hơn trước.

Vào dịp lễ giáng sinh tôi rủ Chương và Hiền ra bờ biển nghỉ ít ngày. Tối ngày chót Chương bận việc không đi. Mẹ Hiền bảo tôi đưa Hiền đi. Đó là một dịp

tốt cho nàng đổi gió và dưỡng bệnh. Tôi không ngạc nhiên khi mẹ Hiền bảo tôi như vậy. Giữa tôi và Hiền tuy chưa có sự đính hôn chính thức, gia đình nàng đã mặc nhiên coi tôi như vị hôn phu của Hiền. Riêng Chương thì rất tin ở lòng ngay thẳng của tôi qua những ngày giao du mật thiết.

Chúng tôi thuê một căn phòng trông ra bờ biển. Một gian phòng nhỏ có nhiều ánh sáng về đêm, Gió biển làm cho mát lạnh và Hiền phải đắp mền.

Tôi đem theo mấy cuốn sách và một ít tạp chí Pháp. Buổi sáng chúng tôi dậy sớm, đi một vòng bãi và xem người ta kéo lưới. Cả một khoảng bờ biển ồn ào như một cái chợ nhỏ. Những người đàn ông cởi trần, những chị đàn bà nước da đen sạm và cả lũ trẻ con gầy và răn rỏi hì hục làm việc trên đám bọt biển trắng.

Một vài du khách ra xem và sẵn dịp mua mấy con cá còn tươi.

Những ngày thường nắng biển vắng teo.

Mấy cụm cây đứng trơ trụi, đầy nắng. Những chiếc ghế vải được xếp lại dưới một vài cái mái lá.

Hiền bảo tôi:

– Nếu không có em chắc anh đã bỏ về sau hôm đầu.

– Thật vậy. Anh đâm nhớ con đường Lê Lợi và những người nhàn du trên đó.

– Thế anh không nhớ chủ nhật nào ư?

Hiền hỏi để được tôi vuốt tóc và hôn lên má nàng. Tôi bảo:

– Mới có mấy ngày mà trông em da đen rồi.

Tôi nói dối. Nhưng Hiền vui hẳn lên.

– Thế ư anh? Chả trách em ăn cơm được nhiều hơn ở nhà.

Sau đó Hiền rủ tôi đi tắm. Tôi định bảo: Em còn yếu không nên phơi nắng và ngâm nước biển. Nhưng sợ nàng buồn, tôi lại thu xếp khăn và quần áo tắm. Tôi cố ý lẩn chần mãi rồi mới đưa Hiền ra bãi.

Lúc đó vào khoảng bốn rưỡi chiều, ánh nắng đã bớt gay gắt nhưng mặt biển còn chói chang. Có tiếng người giỡn trên sóng. Hiền đi bên tôi, hớn hỏ như đứa trẻ lần đầu tiên ra thấy biển.

Chúng tôi đi qua một khách sạn có mấy chiếc xe du lịch đậu trước sân và

một vài cặp vợ chồng người Âu phổ pháp. Hiền ngó một người đàn bà bận quần cụt trắng xẻ một chút ở hai bên đùi nở nang theo kiểu những cô đào chiếu bóng, bằng đôi mắt thoáng buồn.

Cảnh tượng ấy làm Hiền mất vui. Nàng hỏi, khi bỏ tấm áo choàng.

– Trông em có gầy lắm không anh? Biết thế em chả rủ anh đi tắm.

Tôi an ủi nàng một cách vụng về:

– Em khéo chọn áo tắm quá. Màu xanh cánh cam và kiểu áo làm nổi hẳn nước da trắng của em lên.

Nói rồi tôi cầm tay nàng kéo và ra biển. Những đợt sóng mát đầu tiên làm Hiền khẽ rùng mình.

– Có lẽ ta nên ra xa hơn chút nữa, ngâm hẳn mình vào nước cho ấm.

Hiền đứng một chỗ nhìn tôi bơi một cách thích thú. Nàng bắt tôi dạy học bơi. Khi tôi nâng nàng lên thì nàng kêu nhột và vùng vẫy nhoài khỏi tay tôi. Chúng tôi đùa giỡn như hai đứa trẻ con. Trong đôi mắt lấp lánh của Hiền tôi bắt gặp một thoáng cái hình ảnh hồn nhiên của hạnh phúc.

Buổi chiều xuống từ lúc nào không hay. Tôi đưa Hiền lên bờ và khoác áo ấm lên mình nàng. Chúng tôi nằm dài trên cát ướt nhìn về phía ngọn hải đăng ở xa hoặc một vài cánh buồm nhỏ như những nét chấm phá trên bức tranh thủy mặc.

Ăn cơm xong Hiền kêu váng đầu và đi nằm sớm. Tôi hơi lo lắng khi sờ lên trán nàng thấy hâm hấp nóng. Tôi chạy ra chợ mua một ống thuốc cảm. Nửa đêm tôi thức giấc giữa những tiếng ho húng hắng. Hiền lên cơn sốt hầm hập.

Nàng thở khó nhọc và bảo tôi giữa cơn ho:

– Hồi chiều em bị choáng váng suýt ngã xỉu.

Tôi lấy thuốc cho nàng uống và bảo :

– Mai anh sẽ đưa em về.

Nàng nắm lấy tay tôi trong điệu hơi sợ hãi. Tôi ngồi bên nàng suốt đêm. Mãi về sau tôi mới biết Hiền đã ho và khạc ra máu.

✱

Chương ở bệnh viện ra, tôi bảo anh :

– Qua giêng tôi sẽ thưa với hai bác xin cưới Hiền.

Chương nắm lấy vai tôi, trợn tròn mắt :

- Anh không điên chứ ?
- Hiền sắp khỏi. Chúng tôi đã dự tính chuyện này từ lâu.
- Tôi cho đó là một cách tự tử vô lý nhất.
- Trái lại tôi có rất nhiều hy vọng. Y học ngày nay đã chế ngự được bệnh nan y đó. Anh không tin sao ?

Chương thở dài mà bảo :

- Cả hai đều cứng đầu như nhau. Xong tôi cho rằng Hiền rất cần đến anh. Có một điều bây giờ nên nói cho anh rõ: Hiền chỉ là con nuôi của má tôi. Cha mẹ nó chết lúc nó còn nhỏ...
- Còn tôi trong mười năm nay đã lấy nhà trọ làm gia đình. Hiền đối với tôi cũng cần thiết như đời sống. Năm nay tôi đã ba mươi tuổi.

Tôi từ biệt Chương và đến báo tin cho Hiền là tôi đã tìm được ra một căn nhà ở miệt Gia Định. Và một tin nữa làm cho Hiền mừng đến chảy nước mắt: Cha mẹ Hiền ưng thuận cho tôi cưới Hiền vào dịp đầu năm.

Chúng tôi đã sống một mùa xuân đẹp nhất trong đời, giữa khung cảnh thơ mộng miền cao nguyên...

★

Những tiếng động trong phòng nhà thương bắt đầu nghe rõ hơn. Một bàn tay nào đặt lên vai tôi. Tôi bắt gặp đôi mắt đắm chiêu của Chương.

Tôi quay mặt đi để cho người ta đem Hiền lên băng ca. Lần này thì tôi không thể giữ được nàng nữa. Tôi nghĩ đến cuộc sống và những cái vô lý cùng thân phận bé mọn của con người.

Tôi cúi đầu theo Chương cúi thủ đi ra, ở bên ngoài, trong một khung cảnh êm ả, bình yên của những khu vườn bệnh viện nắng đã trải. lên con đường sỏi. Tiếng bước chân nghe xa vắng.

VĨNH LỘC

Phía ngoài

HOÀNG ANH TUẤN

các vai :

Khôi

Hoài

Đạo diễn

CẢNH:

Một buổi tập kịch, phía khán giả. Nền tối, những hàng ghế bỏ trống ẩn hiện. Hàng đầu vừa đủ ánh sáng để thấy: một cái bàn mộc trên để chai nước suối, ly, những kịch bản và hai diễn viên.

LỚP 1

KHÔI: Các bạn trở vào phòng hóa trang, học ôn lại những câu đối thoại cho thật thuộc. Hôm nay đạo diễn đến trễ. Chừng nào phải ra sân khấu, tôi sẽ vào trong ấy, báo cho các bạn biết. Anh Sáu ! Làm ơn tắt hộ mấy ngọn đèn lớn.

(màn từ từ khép lại...)

Khổ quá ! Người ta bảo tắt đèn lại đi đóng màn... mở màn ra!

(màn mở ra như cũ)

Chỉ lần thần! Gặp thằng cha đạo diễn nó lại hét cho vãi...

(quay nhìn Hoài, không dám nói hết câu)

HOÀI : Bao giờ ông ấy mới chịu đến?

KHÔI : Tùy hứng ! Tùy hứng cô ạ
Cũng chỉ vì tôi không đoán nổi ông ấy
đến giờ nào, đi giờ nào nên tôi mới khổ
như con chó !

HOÀI : Tôi chả thấy anh khổ gì
cả.

KHÔI : Cô đeo kính cận thị một bên
6, một bên 8 rưỡi thì giỏi lắm cô nhìn
được các vật chung quanh cô là cùng,
nhìn thế nào thấy cái khổ của tôi !

HOÀI : Tôi đeo kính cả hai bên mắt,
đeo kính theo đúng số bác sĩ đã cho. Tại
sao tôi lại không nhìn thấy ?

KHÔI : Mắt cô đeo kính nhưng...
lòng cô không đeo kính, mà lòng cô lại
cận thị hơn mắt cô nhiều. Ít cũng số một
trăm !

HOÀI : Vậy thì tôi mù. Mắt tôi không mù nhưng lòng tôi mù. Có phải anh nói thế không ? Anh làm ơn nói cho người mù này nghe cái nỗi khổ như... như gì nhỉ ?

KHÔI : Khổ như con chó !

HOÀI : Anh nói cho tôi nghe nỗi khổ đó đi.

KHÔI : Cô có biết cái đêm cuối cùng tôi lên sân khấu đến hôm nay là bao nhiêu lâu không ?

HOÀI : Hôm qua anh có nói với tôi, tôi còn nhớ. Ba năm, bảy tháng, hai ngày... cộng thêm một ngày nữa. Đúng chưa ?

KHÔI : Cô có biết từng ấy thời gian dài bao nhiêu không ?

HOÀI : Có. Dài bằng thời gian tôi bắt đầu vào lớp đệ tam đến khi thi rớt tú tài hai vì bài triết. Hai đề63m trên hai mươi.

KHÔI : Cô có say mê cái gì chưa ?

HOÀI : Say mê thơ tự do vì không hiểu gì cả !

KHÔI : Vậy thì thời gian của cô ngắn bằng một phần mười thời gian của tôi, tuy nhiên, tính theo năm tháng thì vẫn thế. Cái sân khấu trước mắt cô kia kìa, hồi tôi còn đứng trên đó mà sống những vai trò, nó là một thế giới luôn luôn biến đổi, đi từ thấp nhất đến cao nhất, chuyển từ giả tạo sang thực tế : vui đến ứa nước mắt và buồn đến gào lên thành tiếng cười... Cách đây hơn ba năm, tôi làm vua của cái thế giới đó. Người ta vỗ tay, người ta cảm động, người ta vui

hay người ta tức giận la hét nguyên rủa, ném cà chua thối vào ông vua, ông vua vẫn là ông vua như thường ! Nhưng từ hơn ba năm nay, ông vua bị đuổi ra khỏi thế giới đó rồi.

HOÀI : Ai đuổi ? Mà đuổi bằng cách nào ?

KHÔI : Cái thằng người mê làm vua trong tôi nó đuổi cái ông vua đã có địa vị trong tôi. Đuổi bằng cách uống rượu, trác táng, đánh bạc để xứng đáng là một kịch sĩ hữu danh. Lên sân khấu, tôi sợ ánh đèn, sợ khán giả. Sợ đến nỗi mang hết lý trí ra mà chống đỡ. Dư luận hồi bấy giờ bảo : tôi không còn là kịch sĩ nữa mà là cái máy đóng kịch, thợ kịch. Sự thông cảm giữa khán giả và tôi bị cắt đứt.

HOÀI : Hồi đó tôi có xem anh đóng kịch vài lần, tuy còn nhỏ tuổi nhưng tôi

đã có ý nghĩ : anh cố gắng nhiều quá nên mất hết tự nhiên, anh gò người trong vai trò mà anh vẫn không lột nổi vai trò, không sống vai trò.

KHÔI : Tôi mắc sống vai kịch sĩ nổi danh, còn sống vai trò trong vở kịch thế nào được nữa ! Khán giả bỏ tôi, tôi bỏ sân khấu. Nhưng bỏ mà vẫn còn nói, còn gào lên như thằng điên : sẽ trở lại ! Nhất định sẽ trở lại sân khấu chừng nào cái ý tưởng chuộng danh tiếng không còn buộc cái thằng nghệ sĩ trong tôi vào sự thật ! Hơn ba năm tôi sống một cách bần tiện, khổ nạn tới khi cảm thấy mình có thể trở lại sân khấu thì chẳng ai thêm dùng ! Trước kia tôi là kịch sĩ được lên sân khấu, bây giờ tôi diễn kịch ngay ở ngoài đời.

HOÀI : Hai đảng cùng là diễn kịch cả. Khác một điều vô danh và có tên

trong chương trình, trong quảng cáo.
Chỉ có thể thôi.

KHÔI : Còn một điều khác nữa. Trên sân khấu, vở kịch có hạn định thời gian, không mấy khi rơi vào tầm thường ; còn ngoài đời, vở kịch kéo dài mãi không chịu đóng màn, mặc dầu khán giả và kịch sĩ đều chán nản đến cực độ.

HOÀI : Dù sao anh vẫn “bị” là kịch sĩ.

KHÔI : Nghề “mần tuồng” thiên hạ coi rẻ như “một đồng một chục mười hai” thế mà họ vẫn bấu môi mỗi khi tôi tự nhận là kịch sĩ.

HOÀI : Tôi công nhận họ là đối tượng của anh, nên anh không thể gác họ ra ngoài ý nghĩ được, nhưng tại sao họ lại bấu môi?

KHÔI : Vì họ khinh tôi như hồi xưa tôi đã khinh họ, vì họ phạt tôi, họ muốn suốt đời tôi không ngóc đầu lên nổi để nhìn màu da trời có thật xanh như màu hy vọng hay không.

HOÀI : Họ muốn anh thành cái gì ?

KHÔI : Thành một thằng ma-cà-bông, phải xưng em một cách ngọt xớt để xin một bữa ăn, một liều thuốc lá ! Họ muốn tôi là thằng hèn !

HOÀI : Anh có thật là thằng hèn không ?

KHÔI : Tôi muốn trở lại sân khấu nên nhiều khi tôi bóp nghẹt tất cả sự tự mãn, tự ái, kiêu căng thế rồi...

HOÀI : Kết quả anh thành hèn lúc nào không biết !

KHÔI: Không ! Không đúng! Kết quả, tôi đóng vai hèn một cách khá hoàn toàn !

HOÀI : Tôi không muốn anh thành một thứ kịch sĩ chuyên môn đóng vai hèn. Tôi sợ anh đóng vai hèn giỏi quá, thiên hạ bắt anh đóng vai đó vĩnh viễn, suốt đời!

Anh Khôi! Đã có ai bảo anh là một thằng vua... bịp chưa?

KHÔI : Tất cả mọi người đều tặng tôi cái danh hiệu đáng yêu đó.

HOÀI : Tôi ở trong số “tất cả mọi người” anh vừa nói. Có ai bảo anh là giàu tình cảm bao giờ chưa ?

KHÔI : Chưa

HOÀI : Vậy tôi là người thứ nhất nói câu đó.

KHÔI : Cám ơn. Bây giờ tôi hỏi cô: có ai bảo cô là đẹp bao giờ chưa?

HOÀI : Tất cả những người muốn chiếm lấy tôi làm của riêng trong chốc lát hay suốt đời đều có thể nhắm mắt mà bảo tôi đẹp.

KHÔI : Tôi mở to cả hai mắt nhưng tôi vẫn muốn nói như họ. Có ai bảo cô tinh đời bao giờ chưa ?

HOÀI : Chưa. Và dĩ nhiên anh là người đầu tiên khen tôi như vậy ?

KHÔI : Cô vừa nói hộ tôi điều tôi muốn.

Anh Sáu ! Làm ơn cho quay ngọn đèn ngàn rưỡi về phía này.... chưa bật thì bật lên !

(ánh đèn bật sáng, rọi về phía hai người)

Quay về phía này... qua tay mặt một chút... một chút thôi...

(quay sang Hoài)

Mời cô ra đây... Hôm qua cô chẳng nói chuyện với tôi là cô tới đây làm việc để hy vọng trở thành kịch sĩ? Vậy cô ra đóng với tôi một lớp kịch ngắn: lớp kịch hai người bắt đầu quen nhau, yêu nhau.

HOÀI : Tôi sẽ phải đóng như thế nào? Tôi rất vụng về nếu phải đóng theo lối “ngoài đời”. Tôi có thể đóng hoàn toàn theo lối sân khấu tuy nhiên chưa được thành thạo.

KHÔI : Cái đó tùy cô. Riêng tôi, tôi sẽ đóng theo tình cảm, không cần để ý ngoài đời hay trên sân khấu. Bây giờ chúng ta bắt đầu.

(đổi giọng)

Hoài ! Em đã yêu bao giờ chưa ?
Không phải yêu một cách tầm thường
mà yêu bằng cả một tình yêu tha thiết
nhất, hồn nhiên nhất ?

HOÀI : Có ! Thuở nhỏ, lúc em mười
lăm tuổi em đã có lần yêu như vậy. Em
yêu đến phải trốn học để được gần gũi
nó, ve vuốt nó, âu yếm nó.

KHÔI : Mặc dầu em mới mười lăm
tuổi ?

HOÀI : Mười lăm tuổi, học lớp đệ
tam, rất dốt toán và không bao giờ học
sử địa !

KHÔI : “Nó” là ai ? Anh muốn biết
“nó” là ai ? Anh đang ghen với “nó”, anh
đang muốn giết “nó”. Hoài ! Em thử nhìn
vào mắt anh mà coi, em có thấy những
ngọn lửa sát nhân đang bốc cháy không
? Tên “nó” là gì ?

HOÀI : Lâu ngày, em quên mất rồi !

KHÔI : Em phải cố nhớ tên “nó”, em phải cố nhớ ngay bây giờ. Anh sợ tới lúc anh yêu em hết sức thì tên “nó” lại trở về với em, làm em nghĩ đến “nó” nhiều hơn nghĩ đến anh. Em cố nhớ tên nó ngay để chúng ta vò nát tên “nó” mà quăng vào dĩ vãng!

HOÀI : Em nhớ rồi ! Tên nó là... là...

KHÔI : Là gì ? Là gì ? Em nhớ rồi kia mà ?

HOÀI : Tên nó là... « Băm-Bi » ! Vụ hè năm ngoái không biết vì em ngoan hơn thường lệ hay vì ba em trúng số một trăm ngàn mà ba em mua cho em con búp bê đó ; đôi mắt nó tròn tròn, ngây thơ như đôi mắt con nai rừng nên em đặt tên cho nó là « Băm-Bi ».

KHÔI : (thở dài – đổi giọng)

Hồng ! Cô đóng kịch, đóng vai kịch một cách nặng nề vì cô mang cả cuộc đời nặng chình chịch lên sân khấu. Cô phải tập quên con người thật của cô, để sống con người của sân khấu.

Anh Sáu ! Tắt đèn đi !

(đèn rọi tắt)

HOÀI : Còn anh, anh cũng vụng về lắm ! Anh dùng hình thức sân khấu để chinh phục cái ở ngoài sân khấu. Không phải anh đóng kịch mà anh dùng kịch làm phương tiện để nói cho tôi biết là anh yêu tôi và để xem tôi có trả lời là tôi yêu anh không. Tôi hỏi anh : nếu trong khi đóng đôi với anh, tôi bảo là tôi yêu anh, anh sẽ giữ lấy câu nói đó làm bằng để sau này nhắc lại cho tôi nghe chứ gì ?

Vô ích anh a, sau đó tôi sẽ cười khẩy và bảo anh trên sân khấu tôi nói như vậy là vì tôi đóng kịch, ngoài đời tôi không hề yêu anh. Anh tính sao ?

KHÔI : Có lẽ tôi chỉ còn biết nghĩ : cái số tôi nó khổ như con chó! Định kế hoạch chinh phục đàn bà thì đàn bà cho là « diễn », là « dóc » mà cứ nói tuột cho họ nghe là mình yêu họ thì họ lại bảo là « đần » !

HOÀI : Xin lỗi anh, tôi có hơi tàn nhẫn một chút. Tuy đã bỏ ghế nhà trường, nhưng tôi còn mang nhiều tính chất nữ sinh.?

KHÔI : Chính tôi yêu cô vì cái tính chất nữ sinh đó.

HOÀI : Tôi rất cảm động. Đấy anh xem, tôi có chê anh là đần đâu ?

KHÔI : Lần đầu tiên ngộ ý với một người con gái mà tôi không bị trả lời bằng một cái tát hay bằng một bãi nước bọt nhờ xuống đất. Tôi ghi nhớ ngày hôm nay.

HOÀI : Tôi cũng ghi nhớ ngày hôm nay. Lần đầu tiên có kẻ yêu tôi qua hình ảnh một cô thư ký nghèo chứ không phải yêu tôi vì...

(có tiếng còi xe hơi)

KHÔI: Tiếng còi xe hơi của thằng cha đạo diễn đó, để tôi đi vòng lên sân khấu bảo các diễn viên sửa soạn ra làm trò múa rối.

HOÀI : Hôm nay tập đoạn kịch nào?

KHÔI : Màn hai, tất cả mười sáu lớp. Đoạn hai cha con cô Khanh cãi nhau về chuyện anh chàng Hiếu, đang cãi nhau

thì Hiếu xen vào cuộc.

HOÀI : Khanh và Hiếu yêu nhau nhưng cha Khanh là giám đốc hãng chế tạo rượu ngọt “Ba Con Nhạn” mà Hiếu là thư ký của hãng đó nên ông không bằng lòng cho con gái yêu Hiếu có phải như thế không ?

KHÔI : Cô nhớ giỏi đấy ! Tuy không bằng lòng cho con gái yêu Hiếu nhưng ông giám đốc chế tạo rượu ngọt “Ba Con Nhạn” không thể đuổi Hiếu như đuổi một con chó ghẻ vì lẽ Hiếu có đủ khả năng làm cho ông giàu hơn nữa... Tỷ nữa nhé.

LỚP 2

(Khôi ra tới cửa, gặp Đạo Diễn đi vào)

KHÔI : Chào ông.

ĐẠO DIỄN : A ! Anh Khôi ! Anh lên trên ấy bảo mấy người sửa soạn ra sân khấu diễn tập ngay, hôm nay tôi đến trễ, phải gấp rút cướp lại thời gian...

(Khôi ra)

LỚP 3

ĐẠO DIỄN : (nói với Hoài)

Con gái ba sao chăm đến xem tập kịch thế ?

HOÀI : Ba quên con là cô thư ký của ba à ? Một cô thư ký rất nghèo nhưng rất ham đóng kịch, đến xin việc với tham vọng được lên sân khấu !

ĐẠO DIỄN : Thế nào? Thăng Khôi nó quý ba lắm phải không ?

HOÀI : Vâng ! Anh ấy quý ba lắm, anh ấy gọi ba là « thằng cha đạo diễn » !

ĐẠO DIỄN : Bậy nào ! Đời nào nó dám hỗn với ba như thế ! Nó còn liệu có chịu ở lại trong ban kịch của ba hay muốn chạy sang ban kịch khác?

HOÀI: Ba hỏi con như vậy nghĩa là ba có ý muốn giữ anh Khôi lại ban kịch nhà ? Muốn giữ anh ấy ở lại sao ba không cho anh ấy một vai trò ?

ĐẠO DIỄN : Ba biết thằng Khôi nó mê sân khấu lắm, nhưng khổ một nỗi, nó lên sân khấu ngộ nhớ được hoan nghênh lại có đứa phỗng nó sang ban kịch khác mất.

HOÀI: Thế thì con chịu ! Chẳng biết ba tính thế nào cả.

ĐẠO DIỄN : Cần gì phải tính toán

lôi thôi, cứ giữ nó lại đây bằng cách cho nó làm việc lặt vặt, tên tuổi nó cứ mờ dần đi, chẳng còn ai nhớ đến nó để mà lôi đi chỗ khác. Mình không dùng thì gói cho kỹ cất vào một xó, chẳng để cho ai dùng cả ! Thế là khỏi lo bị cạnh tranh.

HOÀI : Con không ngờ cái thằng con trai mà ba thường bảo con là bất tài, ma cà bông lại giá trị đến thế !

ĐẠO DIỄN : Nói là giá trị thì hơi quá đáng nhưng đúng ra nó cũng có chút tài. Tất cả những người ba dùng đều phải có tài.

HOÀI : Biết người ta có tài mà dùng người ta theo kiểu ba thì có hơi độc ác. Chỉ vì sợ cạnh tranh mà ba nỡ nhận chết tên tuổi của anh Khôi sao ? Làm nghệ thuật mà ba đặt tự ái nghề nghiệp lên

mức ấy thì khác nào ba làm chợ đen !

ĐẠO DIỄN : Ô hay sao con bênh thằng Khôi dữ thế ? Con quên sự có mặt của con ở đây do ba xếp đặt hay sao? Ba bảo con đến đây để liệu chừng dò xét thằng Khôi xem nó còn mê sân khấu không, nó có trung thành với ba không, hay là nó đang mon men chạy sang ban kịch khác.

HOÀI : Ba biết những điều đó để làm gì ?

ĐẠO DIỄN : Biết để biết ! Biết để đề phòng chứ còn gì nữa !

HOÀI : Thế thì ba khỏi cần đề phòng gì cả. Anh Khôi sẽ ở lại đây mãi với điều kiện là ba cho anh ấy lên sân khấu. Mặc dầu nhờ ba đưa anh ấy lên sân khấu mà tên tuổi anh ấy bùng sáng như thuở nào

con chắc anh ấy cũng không bị mua chuộc đi đâu cả.

ĐẠO DIỄN : Tại sao ?

HOÀI : Tại anh ấy không muốn bỏ rơi cô thư ký nghèo nhưng mê sân khấu là con ! Khi anh ấy lấy lại được tín nhiệm trước kia, anh ấy còn một việc nữa để làm là nâng đỡ con, gây cho con một cái tên sân khấu, mà con thì sẽ chẳng bao giờ có tên tuổi gì cả vì con bất tài, đã thế lại còn bướng bỉnh, nhất định làm việc với ban kịch này !

Còn nếu ba không cho anh ấy lên sân khấu thì anh ấy sẽ sang ban kịch khác bằng bất cứ một cách nào, dù anh ấy có phải tự hạ như loại tài tử mới được tuyển lựa.

ĐẠO DIỄN : Tại sao nó dám bỏ ba ?

Hơn một năm nay ba không cho nó lên sân khấu sao nó không bỏ ba mà bây giờ nó lại bỏ ba ?

HOÀI : Tại vì hơn một năm nay anh Khôi chưa gặp con ! Tại vì con sẽ xui anh Khôi đi ban kịch khác chứ sao nữa !

LỚP 4

(Khôi ra)

KHÔI : Mọi người đã sẵn sàng cả rồi. Xin ông cho lệnh bắt đầu.

ĐẠO DIỄN : Bắt đầu !

KHÔI : Anh Sáu cho bật đèn lên... được rồi... Anh Lưu đóng vai ông Phúc ngồi ở ghế kia... không cái ghế bên này cơ... Cô Vân đứng đằng sau... đúng rồi...

ĐẠO DIỄN : Bắt đầu !

(yên lặng, mọi người theo dõi vở kịch)

ĐẠO DIỄN : Không được! Hổng hết ! Bố với con gì mà làm như trẻ con chơi với nhau. Anh Lưu đừng quên là anh đang đóng một vai trò đứng tuổi, năm mươi, năm hai gì đó, mà anh đang có chuyện bức tức. Anh phải hơi cau có nhưng không nổi gắt gỏng với cô con gái yêu. Để tôi đóng thử cho anh xem.

KHÔI : Anh Sáu ! Quay cây đèn ngàn rưỡi về phía ông Đạo diễn.

(ánh đèn bật sáng, rọi về phía Đạo diễn)

ĐẠO DIỄN : (đổi giọng)

Ba có thể chiều con tất cả mọi chuyện nhưng chuyện con vừa nói thì ba chịu. Ba

cũng nhìn nhận như con là thằng Hiếu có tài nhưng có tài không thôi chưa đủ Ba chưa thể dùng thằng Hiếu trong công việc đó vì ba có những lý do riêng !

(đổi giọng)

Anh đã nghe rõ chưa? Anh có nhìn những cử động tay chân khi tôi nói không? Còn cô Vân đóng cũng hỏng nốt! Cô đang đóng vai trò người thiếu nữ năn nỉ cha cho người cô yêu được giữ một trọng trách xứng đáng với tài năng của anh ta, tuy giọng cô hơi nũng nịu nhưng cũng cần phải khéo léo, dịu dàng mới làm cho người cha bằng lòng chứ ?

(nói với Hoài)

Hoài ! Cô làm ơn đóng hộ tôi đoạn ấy cho cô Vân xem.

HOÀI : Tôi biết đóng thế nào ?

ĐẠO DIỄN : Cô có thuộc đoạn ấy không ?

HOÀI : Tôi thuộc cả vở kịch...

ĐẠO DIỄN : Thế thì cô cứ đóng như... thật là được.

HOÀI : (đổi giọng)

Con nói ba đừng buồn, những lý do của ba là những lý do “riêng” nên toàn là lý do ích kỷ. Con xin ba cho anh Hiếu giữ một trọng trách trong cơ sở nhà mình chẳng qua là con nghĩ tới quyền lợi của ba. Dù người đứng chỗ bao giờ cũng có lợi. Riêng con, anh Hiếu có lên chức giám đốc con cũng chẳng được lợi gì cơ mà.

ĐẠO DIỄN : Con nói thế là con coi ba có mắt cũng như mù. Lúc nãy ba bắt gặp con nói chuyện với thằng Hiếu một

cách thân mật, ba biết ngay là con có... cảm tình với nó. Vì có cảm tình với nó nên con muốn giúp nó. Con tưởng ba không biết hay sao ?

HOÀI : Nếu chỉ vì cảm tình không thôi thì con cũng chẳng dám thừa chuyện với ba. Ngoài sự cảm tình, con còn nhận thấy anh Hiếu có tài và đang khao khát được mang cái tài đó ra để làm việc

ĐẠO DIỄN : (đổi giọng)

Đây ! Có khó gì đâu ? Cứ thành thực là xong hết. Hai người cứ theo lối đó mà đóng,

(nói với Khôi)

Đoạn sau thế nào anh Khôi nhỉ ?

KHÔI : Đoạn sau là chỗ Khanh nói có thể bảo đảm cho Hiếu trước mặt ông

Phúc, Hiếu sẽ không làm hại ông bất cứ dưới một hình thức nào vì sự có mặt của Khanh không cho phép Hiếu tráo trở. Ông Phúc đặt vấn đề : nếu ngược lại, Hiếu không có cảm tình với Khanh thì sao vừa lúc đó thì hai người nghe tiếng giày của Hiếu đang lên cầu thang, ông Phúc liền núp một chỗ để dò xem Hiếu có cảm tình với Khanh không.

ĐẠO DIỄN : Phải rồi! Tôi lú ruột, lú gan quên mất cả vở kịch. Bây giờ chúng ta tạm bỏ đoạn anh Khôi vừa phác qua, tập luôn đoạn cuối chỗ Hiếu và Khanh gặp nhau nói chuyện.

KHÔI : Anh Sáu ! Nói dùm anh Tâm ra sân khấu đóng vai Hiếu...

(im lặng một lúc)

ĐẠO DIỄN : Sao ? Anh Sáu bảo sao?

Tâm ồm bỏ ra về à ? Chết tôi rồi ! Biết lấy ai thay thế bây giờ ?... Chết chưa ! Cô Vân lại đang có mang, một tháng nữa bụng to tướng còn lên sân khấu làm sao được nữa... Thôi được sẽ liệu sau, bây giờ tập được đoạn nào cứ tập đã. Khôi và cô Hoài đóng hộ tôi lớp cuối đi

KHÔI (đổi giọng)

Cô Vân. Ba cô đâu ?

HOÀI : Tôi không để ba tôi trong túi anh ạ. Anh muốn gặp ba tôi có việc gì.

KHÔI : Để nói cho ba cô hay mọi việc xong xuôi cả rồi chỉ chờ ba cô giải quyết là tôi xin đi làm việc nơi khác.

HOÀI : Sao anh không làm việc với ba tôi mà lại đi nơi khác?

KHÔI : Vì ba cô muốn giữ tôi làm cảnh chứ không muốn cho tôi làm việc.

HOÀI : Thì anh vẫn làm việc cho ba tôi cơ mà, anh là thư ký đánh máy của ba tôi.

KHÔI : Thư ký đánh máy chỉ biết mổ cò thì khác gì làm cảnh.

ĐẠO DIỄN : Chưa được ! Đóng chưa đúng, phải làm sao lột hết tinh thần. Đóng y như thật kia. Tôi cho phép hai người thêm bớt, cương một chút cũng chẳng sao, không cần theo đúng bản kịch quá.

HOÀI : Anh không nhớ tôi hay sao mà anh lại bỏ đi như thế ?

KHÔI : Sao anh lại không nhớ Hoài! Nhưng anh nghĩ rằng tình cảm của Hoài và của anh không giống nhau.

HOÀI : Em không giống anh là vì

em là con ông chủ còn anh là người làm công ?

KHÔI : Không phải thế! Từ cái hôm anh gặp Hoài ở sau vườn hoa, anh đã biết Hoài là con ông chủ rồi, mặc dầu Hoài nói dối anh Hoài là cô thư ký nghèo đến xin việc.

HOÀI : Hồi đó làm sao anh biết được em là con ông chủ ? Mà anh biết em là con ông chủ sao anh còn gọi ba em là “thằng bụng phệ, râu ghi-đông cuốc” ?

KHÔI : Anh biết Hoài là con ông chủ vì một cô tự giới thiệu là nghèo mặc áo rách, không đời nào lại đeo đồng hồ Omega vàng, có bút máy “Parker 61”... Còn anh gọi ba em là... anh không muốn nhắc lại nữa... vì anh là con trai mà con trai bao giờ cũng muốn chọc tức con gái.

HOÀI : Nghĩa là bây giờ trắng đen rõ ràng, anh vẫn...

KHÔI : Anh vẫn yêu em như hôm anh gặp em lần đầu ở đằng sau vườn hoa.

HOÀI (giọng thật)

Ba ơi ! Ba thấy chưa? Anh Khôi anh ấy yêu con dù anh ấy biết thừa con là con ba.

ĐẠO DIỄN : Khá lắm ! Hai... đứa đóng tạm được. Để nguyên ba xem cái đã. Bỏ màn ba, bổ túc thêm màn một, màn hai sửa lại câu kết do ông Phúc nói. Khôi, Hoài đóng lại xem.

KHÔI : Anh vẫn yêu em như buổi tập kịch hôm qua.

HOÀI : Ba ơi ba !

ĐẠO DIỄN : Con nói rất đúng !
Khôi phải trở lại với sân khấu ! Anh Sáu
kéo màn...

(tắt đèn)

Ô hay! Khỉ quá ! Người ta bảo... mở
đèn lên anh Sáu !

(sáng đèn)

Khôi và Hoài ôm nhau

ĐẠO DIỄN : Anh Sáu ! Kéo màn!
kéo màn mau lên không có thiên hạ
người ta dị nghị !

HẠ MÀN

HOÀNG ANH TUẤN

Đầu thai

Tưởng Ngự Thanh

giữa một đêm ngàn sao trời trăng lệ
giữa thời kỳ thế giới ngập chông gai
tôi rùng mình thoát khỏi giấc bào
thai

và tiếng khóc chào đời như chịu lệnh

tôi lớn lên mang tâm hồn tật bệnh
như cây mùa thu trút lá rũ hình hài
vườn tược khô gầy trái cấm trĩu sai

đẩy quyển rũ cuốn tội vào tội lỗi

tôi cúi đầu đi hoài không ngó lại

nắm tay từng người hỏi mãi không
thôi

tiếp nhận khí trời thở bóng làn môi

tôi góp nhặt điệu buồn làm kho tàng
đau khổ

buổi tối nằm áp đầu bên cửa sổ

tôi đếm thời gian bằng những ngón
tay gầy

trở lại lòng mình như một gã say

mắt ráo hoảnh ngó trần vào viễn ảnh

tôi bám vào đời như sóng còn xô
mạnh

liếm vào bờ và chạm vật vô tri

rồi rút xuống mau không mang cảm
giác

tôi ngủ vùi trong biển mặn vang âm

Thượng Đế nguyên tôi cho sống độc
thân

tôi kết nạp cô đơn làm tri kỷ

có làm chuyện ái tình nhưng không
thi vị

nó cũng hợm mình phản bội như ai

tôi trở về tôi như thuở mới đầu thai

hiện nguyên hình đét khô như thảo
mộc

Chờ tới mùa đông rét căm phủ xuống
gục thâu tôi rũ trọn những ưu phiền.

TƯỜNG NGUY THANH

Soi gương

Buồn dây mây nhỏ thâm thì
Nắng cô độc cử buốt tê bóng mình
Hỏi thăm định mệnh nín thình
Bước thông cảm ngại si tình vũng
tim
Vết giày tin tưởng nổi chìm
Ngồi thu hồn lại thử tìm tương lai
Đũa son tuổi mật hút dài
Chờ sao tình ái ấm vai cuối mùa.

DIỆP DẠ TỪ

Tiếng khóc

TẠ QUANG KHÔI

 a khỏi chợ Bến Thành, Khanh đi về phía trường Đại học Văn khoa. Nàng bước thật chậm, luôn luôn ngừng lại trước những tủ kính của các hiệu buôn. Khanh chợt thấy bóng mình hiện rõ trong một tấm gương của một hiệu bán tạp hóa. Nàng thấy mình già hẳn đi, trước tuổi rất nhiều. Nhưng những nét đẹp trên khuôn mặt nàng chưa mất hẳn. Mái tóc hơi rối, xõa xuống ngang vai. Đôi môi mọng đỏ, rất ít khi

cười, nhất là từ năm năm nay. Khanh đã khéo léo buông lơl mấy sợi tóc xuống đến ngang mày mà cũng không che nổi những nếp nhăn trên vầng trán. Nàng không ngạc nhiên về sự già sớm ấy và cũng không lạ trước vẻ mặt bình thản đến lạnh lùng hiện có của mình. Trong ngày hôm nay, số phận của Chuyên sẽ được định đoạt. Nàng không vui, cũng không buồn. Chuyên được tự do hay ở tù đều không ảnh hưởng đến cuộc sống của nàng, cả vật chất lẫn tinh thần. Từ ngày lấy Chuyên, lòng nàng đã chết, tâm hồn nàng thôi xúc động! Nàng lạnh lùng như một khối băng thạch. Chỉ thỉnh thoảng lòng nàng mới ấm lên được một chút vì hình ảnh Mai.

Nghĩ đến người yêu cũ, lòng nàng không khỏi tê tái. Đã lâu lắm nàng chưa gặp lại Mai. Nhưng có một điều Khanh

tin chắc là không lúc nào Mai không nghĩ đến nàng. Từ ngày nàng lấy chồng, Mai vẫn kéo dài cuộc đời độc thân để ôm ấp mãi hình bóng người yêu cũ.

Mai là người đầu tiên chiếm được trọn tâm hồn Khanh. Mà cũng là người cuối cùng. Sau bốn năm thầm lén yêu nhau, Mai cậy người đến hỏi Khanh. Gia đình Khanh phản đối kịch liệt. Cha mẹ nàng lại ép nàng lấy Chuyên, một sinh viên y khoa mới ra trường.

– Nhất là tao coi như không có mày, chứ tao nhất định không đời nào chịu gả mày cho thằng Mai !

Đã hơn một lần mẹ nàng nói như vậy khi thấy nàng buồn ủ rũ trước mỗi tình ngang trái. Khanh không dám cãi lời cha mẹ, nhưng nàng cũng khó có thể

xa Mai. Trong khi đó, bên nhà Chuyên luôn luôn xin cưới, lấy có Chuyên sắp phải đổi đi xa. Khi đã hoàn toàn tuyệt vọng. Khanh tìm đến gặp Mai. Nàng ôm lấy người yêu mà khóc:

– Anh ạ, nhất định chúng ta phải xa nhau rồi. Em không dám cưỡng lời cậu mợ em. Như anh đã biết, cậu em vừa ốm khỏi, em sợ bệnh có thể tái phát nếu người buồn phiền vì em. Em thương cậu em vô cùng. Nhà có một mình em là con gái, nên cậu em rất quý và chiều em. Em không nỡ làm cho cậu em phải buồn, phải thất vọng vì em. Anh cứ tin rằng tuy xa anh nhưng lòng em lúc nào cũng tưởng nghĩ đến anh. Em không có tình nghĩa gì với Chuyên hết. Cái xác của em sống cạnh hủn, nhưng hồn em luôn đi theo anh. Đây là lần cuối cùng em khóc

với anh mà cũng chính là cuối trong đời em. Buồn, vui từ nay không còn ảnh hưởng gì đến em nữa.

Ngừng lại một vài giây, bỗng Khanh cười ngặt nghèo khiến Mai hết sức ngạc nhiên. Nàng tiếp :

– Thế là từ nay không còn những phút giận dữ với anh vì bị anh bắt nạt nữa. Anh chúa là bắt nạt em. Thế mà cậu mợ em cứ bảo em yêu anh chỉ vì anh biết chiều chuộng em. Cái mặt anh có bao giờ biết chiều đàn bà đâu, đến là ghét. Sau này, khi anh lấy vợ – chắc chắn là phải như thế, vì em không muốn anh sống độc thân mãi, em thương lắm – xem anh có dám bắt nạt vợ anh không ? Hay là chính anh bị người ta bắt nạt ?

Nàng lại cười. Mai vẫn căn môi ngồi im lặng. Khanh thở dài :

– Việc gì anh cứ phải mang cái vẻ mặt buồn rầu mãi thế ? Vui cho nốt buổi nay đi rồi xa nhau. Em nhớ con Kim, bạn học của em, nó bảo mỗi tình đầu thường bị tan vỡ. Trước em không tin. Bây giờ thì em phục nó quá. Biết thế chúng mình đừng yêu nhau có phải đỡ đau khổ không nhỉ. Em sắp lấy chồng. Rồi anh cũng phải lấy vợ đi. Nhưng anh phải cho em biết trước người đàn bà anh định lấy để em xem họ có biết lo cho anh không. Em chỉ sợ anh lấy phải người vợ chẳng ra gì thôi. Em thương anh quá. Anh là người đa cảm và yếu đuối, chỉ có em mới chăm nom cho anh một chu đáo được thôi. Thật tội nghiệp cho anh của em quá !

Nàng lại chột khóc. Mai vẫn ngồi yên lặng như người không hồn.

– Tại sao chúng ta lại yêu nhau, hở anh ? Tại sao anh không ghét em đi để em yên lòng đi lấy chồng ? Tại sao anh không yêu con Nhung, con Loan, con Oanh, con Hồng mà lại yêu em? Em ghét anh lắm ! Em ghét anh lắm !

Mai chỉ biết ngồi im lặng nhìn người yêu chột khóc chột cười trong khi kể lể.

Nhớ lại cảnh chia tay ấy, cách đây đã năm năm, Khanh vẫn thấy lòng bồi hồi thương cảm. Nàng không sao quên được nét mặt đau khổ của Mai buổi ấy. Nàng không hiểu chàng bây giờ ra sao. Nàng thầm gọi tên người yêu một cách âu yếm. Nàng nhìn lại bóng mình trong tủ kính. Vẫn cái vẻ bình thản cổ hủ và sắt đá. Nàng nhẹ vuốt mấy sợi tóc xõa trên trán, rồi bước đi. Cái vẻ bình thản ngày nay nàng có từ sau ngày xa Mai. Nó đã khiến nhiều người khó chịu. Vui

không cười, buồn không khóc ! Lúc nào nàng cũng giữ nguyên một vẻ mặt, lạnh lẽo như một khối băng thạch. Hồi đó ít lâu, mẹ nàng đem chuyện hôn lễ ra bàn với nàng. Chia bao nhiêu phần bánh, in bao nhiêu thiệp báo hỷ. mời mọc những ai, xe rước dâu mấy cái, lễ tơ hồng thế nào... Nàng chỉ biết ngồi nghe mà không góp một lời. Chờ cho mẹ nói xong, nàng đứng dậy xin phép đi học, không tỏ một ý kiến nào. Thấy thế, mẹ nàng giận đến tái cả người.

Sau ngày cưới, Khanh vẫn không thay đổi thái độ.

Biết là Khanh đối với mình không một chút tình nghĩa, Chuyên đành im lặng. Lúc này nghĩ lại, Khanh thấy cũng hơi tàn nhẫn đối với hấn. Nhưng đâu có phải lỗi tự nàng. Chính hấn đã làm cho nàng thù ghét hấn. Khi bị gia đình ép lấy

hắn, Khanh đã đến tìm hắn để van xin hắn buông tha nàng ra, song hắn cương quyết không bằng lòng.

Khi Khanh vừa bước chân xuống đường để đi về phía tòa án thì có một bàn tay vỗ nhẹ lên vai nàng, rồi có tiếng hỏi:

– Cô giáo đi đâu đấy ?

Khanh ngoảnh lại. Nàng nhận ra Thúy, một bạn rất thân của nàng Thúy nhoèn miệng cười :

– Khanh đi xem tòa xử đức lang quân, phải không ?

Ba chữ “Đức lang quân” Thúy nói bằng một giọng hài hước khiến Khanh suýt phì cười. Vì là bạn rất thân nên hai người không giấu nhau một chuyện con con nào. Khanh đã bộc lộ hết tâm sự

của nàng cho Thúy rõ, nên Thúy cũng tỏ vẻ không ưa Chuyên. Nàng rất thương Khanh, nhất là từ khi Khanh phải xa Mai.

Vén tay áo xem giờ, Thúy nói :

– Còn sớm chán, vội gì. Ra đường Lê Lợi với mình một tý đã.

Khanh bước theo bạn, nhưng tâm trí để mãi đâu đâu. Nàng nghĩ đến Chuyên và tội lỗi của hắn. Hai mạng người bị hắn giết trong một cơn ghen. Nàng không ngờ con người nhu nhược như hắn lại có thể phạm tội sát nhân được. Trong vụ này, mọi người trong gia đình nàng đều quy tội cho nàng cả. Họ cho rằng sự thờ ơ của nàng đã thúc đẩy Chuyên đến chỗ làm bậy. Trước những lời buộc tội ấy, nàng vẫn thản nhiên như không. Quả thật, Chuyên rất buồn nản trước sự

lãnh đạm của vợ. Hấn đi tìm một nguồn an ủi khác. Khanh nghe đồn hấn đã yêu Trúc, người nữ y tá giúp việc cho hấn. Nàng coi đó là việc tất nhiên. Mỗi tình vụng trộm giữa hấn và người làm công dần dần trở nên công khai. Khanh vẫn không để ý. Trong thời gian này, Khanh xin đi dạy học để hoàn toàn biệt lập với chồng trong mọi vấn đề, nhất là vấn đề tài chính. Một hôm, đi dạy học về, nàng bắt gặp Chuyên đang hôn người yêu trong phòng khách. Họ không trông thấy nàng. Nàng rón rén đi qua rồi khép cửa lại một cách nhẹ nhàng. Thấy vợ chồng con gái sống một cách khác thường, mẹ nàng hỏi nàng :

– Thằng chồng mày nó chơi bời như thế mà mày vẫn để yên à ? Mày phải làm thế nào cho nó sợ chứ.

Khanh hỏi lại mẹ :

– Theo ý mẹ, con nên làm gì bây giờ ?

Mẹ nàng hơi lúng túng :

– Tùy mày ... khuyên nó chẳng hạn...

– Con không thừa lời. Con đâu cần anh ấy vì anh ấy là bác sĩ.

Mặt bà tái đi vì tức giận. Bà gầm lên :

– Mày ăn nói với mẹ mày như thế hả, con kia ? Tao biết mày vẫn có lòng oán trách bố mày với tao vì đã không cho mày lấy thằng Mai, nên mày mới đối xử với chồng mày như thế. Nếu mày không hòa thuận với nó thì đừng có hòng nhìn mặt tao. Mày tưởng như vậy là mày khôn đấy phải không ? Sống không muốn lại cứ muốn chết !

– Mẹ tưởng con bây giờ còn sống hay sao ?

Mẹ nàng trở mắt ngạc nhiên không hiểu nàng định nói gì. Nàng vén tay áo xem giờ, rồi thản nhiên xách cặp, đứng dậy :

– Con xin phép mẹ con đi dạy học.

Buổi tối hôm ấy, nàng lại phải tiếp Lan, chị dâu cả trong gia đình. Lan mở đầu câu chuyện bằng một lời trách :

– Cô ăn nói chẳng chịu giữ ý tứ gì cả. Sáng nay, sau khi sang thăm cô về, mẹ buồn lắm. Mẹ giận cô nên chẳng thiết ăn uống gì cả.

Nàng vờ ngạc nhiên :

– Chết, làm sao thế, hở chị. Em có dám làm gì mẹ đâu. Mẹ thích buồn thì mẹ buồn đấy chứ.

Lan cau mày :

– Nhưng cô không nghe lời mẹ, nên mẹ buồn. Đành rằng cô còn yêu Mai, nhưng đã không lấy nhau được thì phải quên nhau đi chứ. Cô có chắc bây giờ Mai vẫn còn yêu cô không? Mà tại sao cô cứ cho việc yêu đương là quan trọng? Chẳng qua cũng chỉ một thời gian là phai nhạt hết. Việc gì mà phải chuốc lấy buồn đau. Nếu cô lấy được Mai, cô có chắc hai người được sung sướng suốt đời không? Hay cũng chỉ được vài năm là chán nhau ngay đấy. Cô đã bằng lòng lấy chú Chuyên, cô nên làm tròn bốn phận của một người vợ, đừng để ai chê cười cô, nhất là chê cười cậu mẹ đã không biết dạy cô.

– Em không bằng lòng lấy Chuyên, nàng đáp, nhưng cậu mẹ ép. Bốn phận của em đối với hắn thật hoàn toàn, nếu chỉ nói đến bốn phận làm vợ. Hắn muốn

gì được nấy, em không tiếc một mảy may nào cả. Còn chuyện Mai với em đã thuộc về dĩ vãng, em xin chị đừng nhắc đến anh ấy nữa. Công việc em làm ngày nay Mai không hề biết. Từ ngày em lấy chồng, chúng em chưa từng gặp nhau. Đánh rằng yêu nhau thì đẹp, mà lấy nhau chưa chắc đã có hạnh phúc. Nhưng nếu tuổi trẻ không được mãn nguyện về tình yêu thì lòng lại ấm ức, mang hận suốt đời. Vả lại, em lấy Chuyên có được ngày nào sung sướng không ?

Lan cười nhạt :

– Còn chuyện con y tá thì sao ? Cô không cấm đoán chú ấy à ?

Khanh nhún vai:

– Em không làm như thế vì em không biết ghen. Có yêu mới ghen.

Trong khi mọi người trong gia đình nàng luôn luôn thúc giục nàng phải có phản ứng trong việc ngoại tình của Chuyên mà nàng vẫn làm ngơ thì Chuyên đã thuê nhà riêng cho Trúc ở. Khanh cho rằng nếu hắn có đưa người yêu về nhà, nàng cũng sẽ ngoảnh mặt làm thinh. Nàng chỉ mong hắn để cho nàng yên thân thôi. Nhưng một biến cố bất ngờ đã xảy ra. Một đêm hắn đi vắng xa về, bắt gặp Trúc đang nằm trong tay một người bạn thân của hắn. Nổi cơn ghen, hắn giết cả gian phu dâm phụ bằng mấy nhát búa, rồi ra quận Cảnh sát để tự thú.

Thúy véo mạnh vào tay Khanh, hỏi :

– Cô giáo nghĩ gì mà thần mặt ra thế ?

Khanh cười :

– Mình đang nghĩ tới những con người sung sướng như Thúy, chẳng có điều gì phải lo nghĩ cả.

Thúy xua tay :

– Thôi cô ả đừng có đánh trống lảng. Tôi biết cô đang nghĩ gì rồi. Cô nhớ đức lang quân, phải không?

Khanh nói đùa :

– Chồng người ta mà cấm người ta nhớ sao ? Thế thì nhớ ai bây giờ ?

Thúy chột hỏi :

– À, hôm nay ai cãi cho Chuyên ? Có phải anh Lũy không ?

Khanh gật đầu. nàng nhớ đến hồi mới xảy ra vụ án mạng. Mẹ nàng cuống quýt giục nàng :

– Con phải đi tìm luật sư biện hộ cho thằng Chuyên đi. Đừng để nó phải tù mà khổ thân nó. Con đã định nhờ ai chưa ?

Thấy nàng im lặng, bà lại nói :

– Con có biết anh Lũy không ? Mẹ nghe nói anh ấy chơi thân với thằng Chuyên lắm. Nhờ anh ấy thì tiện quá.

Nàng vẫn im lặng, bà hơi gắt :

– Mà điếc đấy à? Mà có nghe tao nói gì không ?

Nàng đáp :

– Có ạ. Nhưng không phải việc của con. Giết người thì ở tù, còn oan uổng nổi gì nữa !

Mẹ nàng đập tay xuống bàn, gạt phăng mấy tách nước rơi xuống đất vỡ

loảng xoảng, ùng ùng nổi giận :

– Mày nói thế mà nghe được à, con kia ? Đồ mất dạy ! Đồ vô giáo dục ! Chồng mày chứ đứa nào mà mày coi như quân thù quân hần ! Không có tình nghĩa gì cả. Tao không ngờ mày bạc ác đến thế là cùng.

Nét mặt Khanh vẫn bình thản như không. Nàng ngồi yên lặng xem mẹ âm thầm trách mắng, không tỏ một phản ứng nhỏ nào. Sau cùng, mẹ nàng thất vọng ra về. Mấy hôm sau, nàng nghe tin gia đình Chuyên đã nhờ Lũy biện hộ cho hần.

Khanh nói với Thúy :

– Cãi thì cãi, ăn thua gì.

Thúy cũng hùa theo :

– Mình cũng nghĩ vậy. Tội rành rành

ra như thế còn cãi với cộ làm gì cho mất thì giờ.

Lúc Khanh và Thúy đến tòa án thì trong phòng xử đã đông chật người đi nghe. Khanh đảo mắt nhìn quanh. Từ một góc phòng, một bàn tay nhỏ bé giơ lên cao vẫy nàng. Nhận ra Thanh, nàng kéo Thúy len lỏi đi về phía bạn. Thanh kéo hai người ngồi xuống bên cạnh. Khanh để ý ngắm cái miệng xinh và đôi mắt đen láy của bạn. Nàng nghĩ tới Mai. Có lần nàng đã viết thư khuyên Mai nên lấy Thanh. Nếu chàng bằng lòng nàng sẽ làm mối. Nàng tin Thanh có thể đem hạnh phúc cho Mai. Nhưng nàng không thấy Mai trả lời. Ít lâu sau, Thanh lấy người bạn học cùng trường. Hai vợ chồng đều là giáo sư. Họ quen nhau khi còn học ở trường Sư phạm. Khanh tiếc cho Mai mãi. Nàng biết rằng Mai vẫn

còn yêu nàng tha thiết nên chưa thể lấy người khác được. Cho đến bây giờ chàng vẫn sống độc thân. Khanh chợt có cảm tưởng nàng mắc nợ Mai mà không sao trả được

Đúng 9 giờ, tòa bắt đầu xử. Khanh không để ý theo dõi. Nàng tới đây không phải vì tò mò hoặc vì lo lắng cho số phận của Chuyên, nhưng vì bị cha mẹ thúc giục. Đáng lẽ hôm nay, nàng lên Đà Lạt nghỉ mát từ sáng sớm. Nàng phải tạm hoãn cuộc hành trình đến trưa, sau phiên tòa Tuy ngồi đây, trí óc nàng để mãi đâu đâu. Nàng không hiểu các luật sư bên nguyên lẫn bên bị nói những gì. Sau cùng, ông biện lý đứng lên buộc tội. Nàng nghe loáng thoáng dường như Chuyên bị ông ta đổ hết lỗi lên đầu, kể cả chuyện bất hòa trong gia đình nàng. Khanh mỉm cười nghĩ tới những lời

buộc tội của gia đình nàng, nhất là mẹ nàng, trong ít lâu nay. Đã có lần mẹ nàng chỉ vào mắt nàng mà nói :

– Vì mày nên thằng Chuyên mới phải tù phải tội. Nếu mày đừng lạnh nhạt với nó, nếu mày lo tròn bốn phận làm vợ của mày thì việc gì nó phải chạy theo cái con đĩ con Trúc. Mày là một đứa hư thân mất nết, mặt lúc nào cũng trăn trăn ra. Mày tưởng thế là hay lắm đấy phỏng ?

Khanh chỉ ngồi im lặng nghe mẹ nói, mắt lơ đãng nhìn ra ngoài vườn. Nền trời đen sẫm đóng khung vuông sau của sổ. Chợt đồng hồ treo trên tường điểm mười một tiếng sau khi đã dạo đàn một cách chậm chạp. Nàng nói với mẹ:

– Khuya rồi, mẹ ạ ! Hôm nay mẹ ngủ lại đây với con nhé. Để con bảo chị vú làm giường cho mẹ.

Mẹ nàng thở dài :

– Thì ra từ nãy tao nói mày không nghe gì cả.

Rồi bà vùng vằng ra về.

Hôm nay, nghe ông biện lý buộc tội Chuyên, Khanh chỉ cười thầm. Thật ra, tất cả lỗi lầm đều do gia đình nàng. Khắt khe một cách vô lý và hẹp hòi quá đáng. Đánh rằng tình yêu không phải là tất cả lẽ sống của con người, nhưng bóp chết một mối tình chân thành là một việc vô nhân đạo. Hậu quả của sự khắt khe và hẹp hòi đó là ngày hôm nay. Chuyên bị tù tội hay được tự do, lòng nàng cũng không thay đổi. Tâm hồn nàng chỉ sống với hình ảnh của Mai thôi.

Bỗng chung quanh Khanh nổi lên những tiếng ồn ào. Tòa đã rút vào trong

để nghị án. Khanh chợt bắt gặp tia nhìn của Chuyên. Trong đôi mắt hần có đượm một vẻ buồn rầu và van xin. Nàng lạnh lùng ngoảnh mặt đi. Nàng trông thấy mấy cặp mắt của những người quen đang hướng về phía nàng, trong đó cả Lan. Nàng mỉm cười vì thấy mình bỗng nhiên bị coi như một vật kỳ quái. Lan len lỏi đi về phía nàng, cúi xuống bảo khẽ :

– Cô phải tỏ vẻ buồn rầu chứ sao lại cười. Cô không thấy bao nhiêu người đang nhìn cô đấy à ?

Khanh nhún vai, hỏi lại :

- Tại sao em lại phải buồn hử chị ?
- Thì tại chú ấy bị tù, chứ sao nữa.

Khanh bĩu môi :

– À ra thế ! Nhưng tại sao mình lại phải giả dối như vậy ?

Lan chép miệng :

– Nói chuyện với cô tức chết đi được. Thôi, mặc cô muốn sao thì sao.

Phòng xử chợt im lặng. Khanh nghe loáng thoáng hình như Chuyên bị mười năm khổ sai và năm năm biệt xứ. Vì ngồi ở xa, nang nghe không rõ. Nhưng nang cũng không muốn hỏi. Việc đó không có liên hệ gì tới nang. Cử tọa bắt đầu kéo ra về. Khanh đứng dậy đi theo Thúy. Khi tới đầu hành lang, nang gặp lính dẫn Chuyên ra. Trông thấy nang, Chuyên đứng dừng lại. Đôi mắt của hắn ướt đẫm, nhìn nang chăm chăm. Hắn nghẹn ngào gọi :

– Em...!

Khanh không để ý, vẫn bước đều, thản nhiên đi qua trước mặt hắn, rồi xuống sân. Bên ngoài, trời không mưa không nắng, chỉ nhiều mây. Khanh ngoảnh lại nói với Thúy :

– Trời hôm nay đẹp tuyệt!

TẠ QUANG KHÔI

Bốn người không ngủ

MẶC ĐỖ

Tôi chia tay với hai người bạn vào lúc gần hai giờ sáng. Có một chiếc xe độc nhất tôi đã phải nhường cho hai anh bạn kia vì ở xa hơn. Không thể tính tới chuyện cả ba người cùng ngồi lên, bắt xe vòng một khoảng đường dài đưa tôi về trước : cộng số tiền còn lại trong túi của cả ba người không đủ để trả một cuộc xe quá xa và cả ba người đều không ai muốn vào giờ đó còn về nhà lục tiền nữa. Tôi đi bộ, hy vọng sẽ gặp chiếc xe khác tiện đường hơn.

Những bước chân trên hè phố, trong khi nhà nhà đều đóng kín cửa, có những âm hưởng đặc biệt. Những tiếng dội lại tai người đang bước đi tưởng như siêu thanh, nhận được không phải do giác quan thường lệ. Tôi nghĩ lại mình buồn ngủ và mệt mỏi. Chịu khó phân tích thêm chút nữa, tôi còn nhận thấy sự định hướng đi cũng không do trí tuệ, chỉ còn là những phản ứng do linh tính. Tôi rẽ về góc phố bên tay trái trong khi tưởng cứ đi mãi vào nẻo hun hút của con đường có hai hàng cây thẳng tắp trước mặt. Tôi bước đi với một cảm giác lâng lâng và một định kiến thật rõ rệt thành phố ở chung quanh ngoan ngoãn chìm trong giấc ngủ mệt. Không có cả bóng dáng những ông cảnh binh mà tôi cứ đinh ninh lúc nào cũng có mặt, suốt ngày, suốt đêm, không ngủ.

Mãi gật gù với ý nghĩ thành phố thật là ngoan và những ông cảnh binh có lúc cũng phải ngủ như mọi người, tôi chợt bị xúc động vì một âm thanh không phải tiếng bước chân tôi. Tiếng động kéo dài : quẹt quẹt ! Phá tan cái nhịp giống một đang quen. Tôi đứng sững lại trước một ngõ hẻm. Tiếng bước chân không còn, nhưng tiếng quẹt ! quẹt ! vẫn tiếp. Tôi nhận thấy quẹt ! quẹt ! phát động từ một cái bóng lênh khênh tay cầm một cây chổi. Cái bóng coi bộ sạch sẽ - diêm dúa nữa –không giống bóng những ông quét đường tôi cũng có gặp những hôm về quá trễ thành phố bắt đầu trở dậy. Cây chổi ngừng hoạt động đứng nép lại ở bên cạnh cái bóng lênh khênh, thấp hơn đến một nửa. Một tiếng cười gằn, nghe vui vẻ mà không ác. Tiếp theo là tiếng nói, cái bóng ấy nói : “Đây rồi !” và gọi tên tôi. Không phải cái tên hai anh bạn khi

nầy và số đông thường gọi, tên mà lâu rồi không ai nhắc tới, tên của tôi dùng khi “xếp bút nghiên” chạy theo những danh từ, động từ mang những âm hưởng vang động, kích thích, kêu gọi và cũng rất thơ nữa.

Nghe gọi ra cái tên cũ kỹ, tôi có lại đúng cái cảm giác chói chang lần đầu tiên đưa lên mắt chiếc máy ảnh cổ kèn càng thêm một cây đèn flash. Những mặt người đối diện vụt sáng lóe lên, trở trên và rõ rệt quá ! Cái bóng lênh khênh mất hết vẻ kỳ bí của sự gặp gỡ bất ngờ giữa lúc thành phố đang ngủ ngoan. Tôi bước tới, nắm lấy hai vai anh chàng lêu khêu với cây chổi ở trước ngực ; rất nhiều mừng rỡ biểu lộ ở hai bàn tay tôi nắm chặt và lay mạnh vai người bạn cũ nguyên vẹn cảm tình. Tôi nói.

– Khả, phải không ? Lạc nhau lâu, gặp lại muốn phì cười !

Khả không đáp lại sự mừng rỡ bỗng bột của tôi, giọng nói giữ vẻ bí mật :

– Đợi cậu mãi rồi, hôm nay mới tóm được.

Đang buồn ngủ, tôi muốn phát cáu vì cái giọng ồm ờ của Khả :

– Tóm được rồi thì đưa về nhà đi. Nói chuyện để khỏi phải ngủ nữa.

Khả không đáp lời tôi, nhưng hẩn thu cây chổi trên tay, quay lưng đi vào trong hẻm. Tôi theo chân hẩn, cũng chẳng buồn tự hỏi tại sao Khả lại rồi hơi đi tranh công việc của những ông quét đường chuyên nghiệp. Căn nhà ở ngay đầu hẻm. Khả đẩy cánh cửa rào không có khoá, lưng lửng đi qua hai bước sân

và leo mấy bậc thêm vào trong nhà. Tôi theo sát sau lưng Khả, vừa toan bước qua ngưỡng cửa thì Khả vội la lên:

– Ông ơi ! Bỏ giày ra, bụi ở ngoài đời không vào được trong nhà này đâu.

Tôi chưng hửng, thoáng một giây trong óc ý muốn quay trở ra với bụi ở ngoài đường phố. Tiếng la của Khả khiến một người khác, không biết từ một xó nào, bỗng chảy chồm ra. Tôi ngạc nhiên thêm một lần nữa, người đứng trước mặt tôi cũng là một anh bạn cũ, đồng thời và đồng cảnh với Khả. Bách chỉ tay xuống sàn :

– Vừa mới lau xong đấy. Câu thảo giày ra đi, bao nhiêu công phu, bóng như thế kia ai lại nỡ dẫm giày bụi lên ? Tại cậu mới đến chưa quen lễ thói ở đây, đến mai thì quen ngay ấy mà.

Tôi đành tụt đôi giày, bỏ lại trên ngưỡng cửa, và chân không bước tới ngồi phịch xuống chiếc ghế dài kê dọc theo góc tường. Vừa đúng lúc hai cẳng chân không còn đủ sức mang cái mình tôi nữa. Tôi thấy Bách cúi xuống xách đôi giày của tôi lên ngắm nghía, rồi phê :

– Da tốt lắm, còn mới, chỉ phải cái tội lười đánh kem, loại đôi kem thêm bàn chải đây mà.

Tôi lo lắng ngó theo Bách, đôi giày của tôi trên tay, bước vội vào phía trong. Nhưng tôi không còn phản ứng để chạy theo đôi giày nữa.

Bách trở ra liền, đôi giày của tôi vẫn trên tay. Tay kia xách một cái túi vải tòn ten máy món đồ gì ở bên trong. Tới trước mặt tôi, Bách kéo một chiếc ghế thấp không có tựa lại gần và ngồi xuống,

đôi giày của tôi để một bên và cái túi vải ở một bên. Rồi Bách trịnh trọng ngó tôi và nói:

– Ở đời không gì đẹp bằng đôi giày bóng, Da bò ở chân mình nó vẫn sống như ở trên lưng con bò vậy, không cho nó ăn kem thì nó phải chết, mà cậu cũng chết tiền mua đôi khác. Đã đi giày thì phải lo đánh bóng luôn, cậu không lo được thì để tôi lo cho, trông đôi giày đôi tã ra thương lắm !

Tôi lại muốn phì cười trước vấn đề giày của Bách, cũng như trước việc quét ngõ của Khả. Tôi lấy giọng nghiêm :

– Thương đôi giày thật, nhưng anh em lâu ngày mới gặp nhau ai lại nhờ cậy nhau ngay chuyện giày dép ?

Bách cãi lại rất hăng hái :

– Cậu tưởng chỉ có một mình cậu nhờ tôi đẩy hẳn ? Bao nhiêu giày của nhà này đêm nào tôi chẳng đánh bóng một lượt.

Rồi Bách cũng không buồn tiếp chuyện tôi nữa, cầm cúi bắt đầu đánh bóng đôi giày của tôi. Tôi chưa bao giờ ngồi quan sát những ông bé con đánh giày ở ngoài phố. Nhưng tôi tin chắc rằng cái nghệ thuật vì mấy đồng bạc ấy thua đứt cái nghệ thuật của Bách vì sự sống của miếng da và nước bóng của đôi giày. Bách rút trong túi vải ra hai ba cái bàn chải, mấy hộp kem các màu và một miếng nỉ rộng. Bao nhiêu bụi ở ngoài đời do chiếc bàn chải to nhất tẩy ra đều được hứng trên miếng nỉ và chính Bách thân hành cuộn tròn miếng nỉ đem ra ngoài ngõ. Ý hẳn Bách đã phải đi một quãng xa mới tìm được chỗ rũ sạch bụi

trên tấm nỉ và không làm bẩn ngõ của Khả. Trở vào, Bách lại chậm rãi, kỳ khu phô diễn nghệ thuật trên hai chiếc giày tốt số của tôi.

Tôi hỏi một câu cho đỡ buồn ngủ :

– Tên Khả chạy đi đâu rồi nhỉ ?

Bách tạm ngừng tay vài phút để đáp lời tôi :

– Tấm. Đêm nào quét ngõ xong ông ấy cũng tắm nước nóng. Theo nguyên tắc thì không nên tắm, nhưng ông ấy thích thế.

Tôi không cưỡng lại hai mí mắt cứ đè nặng xuống, chẳng kịp hỏi lại Bách theo nguyên tắc ở nhà này họ chủ trương không tắm hay sao. Tôi ngủ gục trên ghế một lúc lâu. Những tiếng nói lao xao ở chung quanh làm tôi chột thức giấc.

Trời vẫn còn tối đen ở bên ngoài. Ngồi trên ba chiếc ghế bắc quây quanh chiếc ghế dài của tôi nằm, Khả, Bách và Thụy đang bàn soạn về tôi hằng lăm Tôi đoán như vậy vì tôi thấy họ chột im bất khi tôi dụi mắt ngồi lên. Tôi không khỏi hết sức kinh ngạc một lúc bỗng thấy ngồi ở trước mặt tôi ba người bạn cũ. Thụy cũng là một trong số năm sáu người bạn học và sau đó cùng trở nên một nhóm bạn đồng hành trong một thời gian dài. Trong số có mấy người đã chết, chết ngay trước mắt chúng tôi. Hôm nay bỗng nhiên không hẹn mà tụ họp tại đây đông đủ những người còn sống, làm sao tôi không khỏi kinh ngạc và mừng rỡ. Mặc dầu cái vẻ bí mật của căn nhà và trong mắt ba người ngồi trước mặt, tôi không giấu nổi những xúc động thường tình. Nhưng tôi chưa kịp tỏ lộ một cử chỉ vồn vã thì Khả lại nhắc câu nói khi nãy :

– Đợi cậu mãi, hôm nay mới tóm được.

Và hai người kia lại nhìn nhau, mỉm cười. Thụy vẫn giữ cái cười mỉm, khẽ nhích hai bên mép, rất là khinh bạc. Tôi bỗng có cái mặc cảm của người ở ngoài cuộc đứng trước một sự đồng lõa có tổ chức, và cần thủ thế. Tôi nắn túi kiểm bao thuốc, rút một điếu đưa lên môi, rồi sửa soạn một bộ điệu chán chường, liệng bao thuốc màu đỏ trên mặt bàn thấp ở giữa phòng. Cùng với tiếng cây diêm tôi quẹt để châm thuốc có tiếng một người cười gằn và nói :

– Thuốc lá Mỹ nữa !

Tôi kéo hai hơi thuốc dài, yên lặng ngồi ngó ba người đối diện. Thở hết khói của hơi thuốc thứ hai, tôi bắt đầu muốn nổi giận. Tôi đưa mắt ngó quanh kiểm

đôi giày của tôi. Đôi giày no nê sức sống của Bách nằm ngay ngắn, bóng lộn, ở góc phòng, gần bên cửa ra vào. Tôi thấy chỉ có một thái độ duy nhất trước sự lạnh lùng kỳ quặc của mấy người bạn cũ kia. Tôi đứng lên, vươn vai, chẳng nói chẳng rằng, đi tới góc phòng cúi xuống xách đôi giày lên và đi ra cửa.

Chợt có tiếng người đàn bà chạy theo tôi :

– Bỏ đi hay sao? Các anh ấy không ngày nào không nhắc đến anh.

Giọng nói khẩn thiết của cô ta, một thiếu nữ rất đẹp vẻ Liêu Trai, khiến cho tôi đành để cho núu áo lại. Tôi bị lôi trở lại giữa phòng, tay vẫn xách đôi giày rất bóng. Cô gái đỡ lấy đôi giày trên tay tôi, đem cất về chỗ cũ Bảy giờ ba người kia mới cười phá lên. Tôi ngơ ngác mất mấy

giây đồng hồ rồi cũng cười to. Thế là tan cái không khí lạnh lẽo, nặng nề. Thụy nói :

– Tụi tao mong mày lắm, nhưng vẫn cố để dành, không đi tìm, chờ một dịp tình cờ...

Thiếu nữ khi này bèn chen vô :

– Mấy anh bàn mãi làm sao tổ chức một cuộc tái ngộ mê hoặc như là trong Liêu Trai ấy.

Tôi quay lại, chăm chú ngó cô gái và đáp :

– Tổ chức hơi kém, tôi chỉ thấy bực mình thôi. Nhưng riêng một mình cô đã đủ Liêu Trai lắm rồi.

Không nghe tiếng nói tôi cũng đã nhận ra cái vẻ đặc biệt miền Nam ở

thiếu nữ : mình thon dài như một thân cây đứng bên hồ, khuôn mặt cũng dài với những đường nét gợi lên một bức tranh xưa. Tôi chú ý đến thiếu nữ ngoài vẻ đẹp đặc sắc còn vì một lý do nữa: sự có mặt khác thường của cô ta trong nhà này. Nhưng Bách đã đi trước mỗi thắc mắc của tôi :

– Cô Liễu là bạn của cả ba chúng tôi và sẽ là bạn của cậu nữa. Cũng làm thơ và viết văn như cậu.

Liễu vẫn giữ cái lối nói leo :

– Tôi có dịp đọc văn của anh luôn.

Tôi đáp :

– Hân hạnh. Nhưng, theo tôi, bạn cùng nghề nhiều đổ kỵ lắm đấy.

Câu đáp làm cho tôi chưng hửng,

nhưng càng thấy Liễu đẹp:

– Riêng tôi thì không, vì nhất định thơ tôi hay hơn anh nhiều.

Tôi tin chắc Liễu còn nhiều dịp làm cho tôi ngạc nhiên. Bách hỏi tôi :

– Giờ này chắc cậu mỗi lưng lăm, tụi mình rút lên lầu ngả lưng mà nói chuyện ?

Lầu là một tầng gác lửng choán gần nửa căn nhà rộng. Bách giới thiệu :

– Khu vực riêng của Liễu.

Vẫn một vẻ sạch sẽ, thơm mát như ở phòng khách, nhưng ấm cúng hơn. Một tấm chiếu lớn trải rộng gần kín căn gác. Giữa chiếu có bày một bộ bàn đèn, ngọn đèn dầu lạc đã thắp sẵn. Nhiều những chiếc gối cao bọc lụa các màu bỏ rải rác

ở chung quanh. Chúng tôi nằm quay tròn khay đèn, kiểu nằm trông xa như một bông hoa miền nhiệt đới nở về đêm, Liễu gác chiếc dọc tẩu lên ngang bụng và bắt đầu cầm lấy cây tiem.

Ngọn tiem thon dài trên những búp tay Liễu hoạt động khoan thai đều đặn như một thứ cơ khí vô tình nhưng rất tinh vi. Giọt nhựa phênh lên rồi trể xuống, bị ngọn lửa nhọn thu hút, nhưng vừa lúc ngọn lửa rướn lên toan nuốt giọt nhựa thì mũi tiem đã cựa mình quên tròn lấy hạt ngọc. Hai con mắt Liễu nhẩn nha điều khiển cuộc nô giỡn kia, Ánh sáng nửa vời của ngọn đèn độc nhất không đủ để gọi lên những màu sắc. Hai hàng mi dài và đen của Liễu càng đượm thêm nhiều bóng tối.

Bằng ba ngón tay, Liễu rút cây tiem cầm trong nhĩ rồi quay đầu dọc về phía

tôi. Lần đầu tiên tôi nhận một nét cười của Liễu, cười ở đôi môi mà thôi, còn hai con mắt vẫn giữ nguyên vẻ ngu ngơ không nói. Tôi nhớ đã đọc ở nhiều nơi cái sức chiêu dụ của Phù dung tiên tử, phải chăng cũng nét cười và hai con mắt không nói ấy ? Cũng như những lần khác, tôi mất khá nhiều công phu để kéo cho tới hết hơi khói. tới khi giọt nhựa, dưới sức thôi thúc của ngọn lửa nhọn, đã chui hết theo con đường nhỏ của mũi tiêm khai thông khi nãy. Liễu phê bình một câu mà tôi chịu không biết đáp lại ra sao :

– Xem như anh đã xao lãng nhiều sự ước hẹn với anh em cũ, có phải tại anh làm biếng không chịu chùi bụi đường bám trên giày của anh ? Tôi thấy hơi khói còn ham hố quá.

Tôi bối rối đến nỗi Bách thấy cần phải đỡ lời cho tôi :

– Cô Liễu láu táu quá đấy. Đừng vội phê bình như thế. Với lại, có nhắc tới chuyện ước hẹn cũng cần giới thiệu về Liễu. Liễu cũng đã chứng kiến cái chết như bọn mình, người chết ở gần Liễu không những là bạn đồng hành mà còn là người yêu của Liễu nữa. Liễu có quyền tham dự cuộc ước hẹn của bọn mình, tuy gặp nhau sau.

Lời phê bình của Liễu, câu giới thiệu của Bách, hay hơi khói đầu tiên, đã làm thức dậy trong tôi khá nhiều kỷ niệm. Khó mà quên được những ngày lẫn khuất trong những khu rừng ẩm ướt của miền Tây Bắc còn lại có bảy người. Ngoài tình bạn thuở nay, còn bao nhiêu thăm thiết, gần biên giới Trung Hoa, sau cuộc thất bại vì phản bội, Bọn chúng tôi

ràng buộc do những gian khổ cùng trải qua. Đối phương hồi đó chưa đủ phương tiện quân số để bao vây và rượt bắt bằng hết phe địch. Lẩn trốn để thoát qua biên giới là việc tương đối dễ. Nhưng trong khi tìm cách vượt qua những trở lực địa hình bằng vồn vện có hai cẳng chân và hai cánh tay, đồng thời tránh con mắt dò tìm, ngăn chặn của đối phương, chúng tôi còn phải thắng một trở lực ghê gớm hơn nhiều là cái bụng đói. Cái đói quy định tốc độ của cuộc lủi trốn trong rừng sâu. Ba người trong bọn đã nằm lại, không còn sức để đeo theo cuộc lữ hành xuyên sơn. Lần lượt chúng tôi ba lần quây quanh người bạn hấp hối. Vì đói, người sắp chết đã không còn được chút tàn lực để nắm tay một người còn lại. Đúng như một ngọn đèn đã cạn hết dầu và khô cả bắc. Đó lại là những người lạnh lẽ, tháo vát nhất trong bọn, những

người đã chiến đấu hăng hái nhất nhưng không phải chiến đấu với cái bụng đói.

Bốn người còn lại, thêm ba cái tang trên vai, đã thoát được qua biên giới. Cuộc mưu sinh sau đó cũng tầm thường như những cuộc mưu sinh khác. Nhưng lòng căm giận những sự phản bội còn nuôi trong tâm mỗi người một chí cương quyết phải làm một cái gì cho đẹp lòng những người đã chết. Chúng tôi đã hăm hở tìm cách làm một cái gì. Lần lần mặt sau của những bức ảo ảnh ham mê trước kia đã khiến chúng tôi thấy tàn nguội cả lòng căm giận. Sau đây, khi đã trở về nước và tiếp tục cuộc mưu sinh tầm thường, một lần bốn anh em cùng gặp nhau lại chúng tôi đã đổi hẳn lời ước hẹn ban đầu: Thà rằng đừng làm gì cả cho khỏi tủi linh hồn những người chết uống ! Rồi mỗi kẻ lại một phương mưu

sinh. Cho đến đêm nay gặp nhau trên căn gác này.

Tôi ngó theo những ô vuông trên trần nhà, như nói một mình :

– Tôi chưa quên. Tôi không quên. Tôi không có ý niệm sự ước hẹn một cách tuyệt đối như anh em, thế thôi.

Bách ngồi nhồm dậy

– Đừng so sánh, anh em không ai có ý định phê bình cậu. Cậu có toàn quyền để ham mê cơ mà.

– Bảo rằng ham mê, không đúng. Tôi chỉ muốn sống cho trọn, hay là chết. Tôi không có quyền chết.

– Đúng thế. Thấy phải sống tức là chịu những sự ràng buộc. Đúng ngoài nhìn vào, người khác có thể bảo rằng ham mê.

– Biết làm sao được? Ít nhất tôi cũng thấy có trách nhiệm đối với những người đã chết.

– Cần nhất ý thức trách nhiệm đừng đưa tới chỗ gây thêm những cái chết khác cũng vô lý như những cái chết trước mắt bọn mình. Ngày nay người ta chết còn thê thảm hơn nhiều vì không biết tại sao mà sẽ chết nữa ! Cậu ham hố thích nghĩa sự sống, tô điểm sự sống. Nhưng cậu bó tay, không thể giải thích được những cái chết mà người ta cho là có ý nghĩa nhất. Cậu có trách nhiệm chỉ đối với những người sống mà thôi. Đừng để cho họ tin rằng có những cái chết có ý nghĩa.

Một lần nữa tôi cảm thấy bối rối. Tôi đã hẹn mà không làm gì cả, nhưng tôi cứ đuổi theo mãi những hình bóng cũ. Giỏi lắm thì những cái chết mà tôi xót xa chỉ có nghĩa với năm ba người. Những

người đang sống đều thảo nhiên, sẵn sàng đợi những kinh nghiệm mới. Trách nhiệm của tôi đối với những người đã chết không phải là lo nhen nhóm ngọn lửa tàn, chỉ sưởi ấm được năm ba tấm lòng bạn. Đừng làm gì cả tức là im lặng, mặc những người chết trong sự cô độc thiên thu. Một người bạn tôi đã chọn sự im lặng tuyệt đối. Tôi sẽ không tìm hiểu thái độ tuyệt đối im lặng của mấy anh em tới một mức tương đối nào. Mỗi đêm Khả có thể quét sạch một khúc ngõ, Bách có thể rửa lòng thương hết thấy những đôi giày mà anh gặp, sàn của Thụy lúc nào cũng sẽ không vấy bụi, cũng như ngọn đèn lặng lẽ của Liễu không bao giờ bị một thoáng gió lay. Tôi công nhận rằng ba người bạn đồng hành cũ, và tôi vui lòng kể thêm từ nay một người bạn mới là Liễu, tôi công nhận rằng họ đã

về gần những người đã chết hơn tôi. Tôi sẽ tuyệt đối im lặng trước dĩ vãng trong đó có thêm bốn người hôm nay. Riêng tôi, tôi không có quyền chết, bằng cách này hay bằng cách khác. Tôi lấy một sự ham mê để khỏi thắc mắc. Tôi nói với bốn người :

– Giày của tôi lại sắp vương bụi, tôi không dám hứa có sẵn sóc được nó như Bách không.

Bốn người vẫn nằm quây quanh ngọn đèn ; trừ Bách, ba người kia không hề quay lại ngó tôi nói, họ không nghe thấy tôi nữa. Tôi lặng lẽ đứng lên. Bông hoa miền nhiệt đới nở về đêm thiếu mất một cánh. Tôi xuống thang, kiểm đôi giày bóng và đi ra. Ra gần tới cửa, nghe tiếng Bách gọi với :

– Ra ngoài, cứ kéo mạnh cửa, tự nhiên sẽ khóa lại, bên ngoài không mở được.

Bên ngoài, thành phố đã trở dậy. Tôi chạm trán với một ông cảnh binh đứng ở đầu hẻm.

MẶC ĐỒ

Ho lao muôn năm

BÌNH NGUYỄN LỘC

Vừa ra khỏi hiệu thuốc tây, Thảo đã bắt đầu bắn khoăn ; “Có nhiều thằng bạn nó sợ vi trùng lao như sợ cọp, chàng nghĩ, và sẽ không dám đi ăn uống với mình nữa ! Được, rồi chúng nó sẽ biết tay mình, mình sẽ bắt chúng nó khiếp đảm một bữa chơi bỏ ghét.”

Chàng rất sung sướng mà sắp đặt một trò chơi ác hiểm: chàng mời chúng nó đến nhà ăn nhậu, và gần cuối bữa ăn, sẽ giả dò than thân trách phận, mang

thuốc ra để làm bằng chứng rồi nói tạch hoạch cho chúng nó biết rằng chàng ho lao nặng lắm. Thật ra, chàng chỉ mới bị nám phổi thôi, nhưng nói là đã ho ra huyết cả lít, chúng mới hoảng.

Trả xong mỗi thù tưởng tượng đó, chàng lại băn khoăn về phản ứng của vợ chàng : “Nó sẽ dừng dừng chẳng ? Như thế chắc mình tui thân lắm! Nó sẽ la hoang lên vì sợ tổn tiền ? Thì mình sẽ tức lắm ! Nó sẽ lo mình chết chẳng ? Thì mình càng tức hơn vì như vậy là nó làm cho mình mất bình tĩnh, sự bình tĩnh rất cần cho lành bệnh.”

Bỗng chàng bật cười. Thì ra vợ chàng nghĩ làm sao, chàng cũng chẳng vừa lòng cả. Có bất công hay không chứ ?

Thảo nghe thích thú trong lòng lắm : Chàng có đọc nhiều sách nói về tâm

trạng kẻ ho lao: thay tâm đổi tánh kỳ dị, hay hờn mát, hay nghi kỵ, hay ghen ghét và khó tánh là bực nhứt trên đời. Chàng cảm thấy chàng có đủ những tật xấu ấy và nghe thích thú vì ý thức được về chính chàng.

✱

Về tới nhà, Thảo rón rén như đứa trẻ vừa phạm lỗi, sợ mẹ la rầy.

Vợ chàng đang lui cui làm cơm dưới nhà bếp, nghe chàng về hỏi với lên.

– Bữa nay anh không đi lại sở à ?

– Thì hồi sớm, anh nói anh đi bác sĩ, em quên rồi hay sao?

– Em nhớ, nhưng em cứ tưởng là đi bác sĩ xong, anh vẫn lại sở chứ.

Thảo nổi giận, nhưng dịu lại ngay. Phải, chàng chỉ nói là mệt xoàng, thì nàng biết đâu mà lo với lắng.

Chàng đặt gói thuốc lên bàn, toan đi cời giầy thì Liên đã rửa tay và lên đến nơi.

– Dữ ác hôn ! Bệnh gì mà nhiều thuốc dữ vậy ?

Liên vừa cười vừa mở gói thuốc để xem. Thảo sung sướng nhìn vợ, thấy người bạn đời của chàng đẹp quá và nhất là dễ thương quá. Ăn ở với nhau đã bốn năm rồi mà Liên không có con, nên còn trẻ được như cô gái ngây thơ mấy năm trước.

Chàng khổ sở quá mà đoán thấy sự sâu muộn nơi Liên, khi nàng biết căn bệnh của chồng, sự sâu muộn có thể làm

cho nàng già đi, hoặc mất đi những nét vui tươi đã giúp đời chàng say sưa từ mấy năm nay.

Chàng hồi hộp nhìn vợ mở gói, và khi những lọ Streptomycin lăn ra bàn, chàng nín thở để đo phản ứng trên gương mặt của Liên.

Liên ngạc nhiên giây lát, rồi tần ngần trước những chiếc lọ to quá đối với đám bột trắng trong ấy. Biết rằng vợ đã hiểu, nhưng cũng chưa rõ lắm vì ý nghĩ của nàng ra sao, chàng hỏi :

– Em buồn lắm không ?

Liên ngược lên nhìn chồng đoạn bước lại ngả đầu vào ngực bạn mà thở thê :

– Em buồn hay vui về bệnh của anh, nào có ích gì. Nhưng em buồn, em buồn

vì anh đã không nghe em, làm đủ cách để mang bệnh này.

Sôi gan lên, Thảo sùng sộ hỏi gần :

– Anh làm gì mà em gọi là đủ cách ?

– Thì anh đã thức đêm, đi lạnh ngoài trời, Chúa nhặt lại không nghỉ.

Thảo nhớ lại mọi việc trước đó thì là Liên nói đúng. Chàng hối hận lắm, không vì đã làm bậy mà vì đã gay gắt với vợ một cách bất công. Chàng nói, giọng hàm ý van xin tha thứ :

– Thì đã lỡ rồi ...

– Chớ em có nói sao đâu. Đã lỡ rồi thì...

– Em chỉ buồn có bấy nhiêu đó thôi à ? Thật như vậy à ?

Liên lại thở dài :

– Kể ra thì ho lao còn đỡ khổ hơn bệnh khác nhiều lắm. Nếu anh bại絮 chẳng hạn thì em thật không biết nghĩ sao.

– Vậy à ? Bệnh này hay lây thì ghê gớm hơn chứ ?

Không phải em buồn, sợ vì tánh cách truyền nhiễm của bệnh. Chuyện khác kia.

– Bệnh khác có gì làm cho em buồn?

– Anh có nhớ phim “Không phải lỗi chàng” mà mình đã xem cách đây năm năm hay không? lúc ta mới gặp nhau và anh đang rao rết chinh phục em ấy. Ấy, chính phim đó đã khiến em do dự đến sáu tháng trời mới chịu trao thân cho anh.

Thảo cười ngất :

– Bà ơi, phim chiếu bóng, người ta xem bữa trước rồi bữa sau quên đi chớ. Tội gì phải nhớ mãi đến năm mười năm như bà. Nhưng đâu, câu chuyện làm sao, bà nhắc lại thử xem.

– Khoan cá cháy hết !

Liên nói rồi vội vã chạy xuống nhà bếp. Thảo lắng tai và nghe một thứ tiếng xèo xèo đặc biệt, gắt chớ không giòn, của mỡ chiên đang cạn trên một ngọn lửa quá già. Đồng thời, mùi cá cháy hăng hăng bay lên.

Chàng mỉm cười lẩm bẩm : “Chuyện phim năm năm thì nhớ, còn việc chiên cá còn nóng hổi lại quên.”

Khi Thảo cởi giày xong thì Liên cũng vừa trở lên. Nàng trách :

– Anh hời hợt lắm. Chuyện như thế mà quên được.

– Nếu cần phải nhớ tất cả tích tuồng, chuyện phim đã xem thì anh phải sắm một cái đầu to bằng cái lu mới đủ chứa.

– Em chắc lớn đầu lắm ạ ?

Hai vợ chồng cùng cười xòa, rồi Liên kể : “Chuyện bà ấy bị bại xui suốt mười năm. Ông chồng, ban đầu còn sốt sắng săn sóc vợ chùng mãi rồi cực thân quá và tuyệt vọng, ông ta muốn bỏ rơi người bạn đời không lành kia.

Nhưng khổ là, bỏ rơi vợ lại sợ miệng đời cho là bất nghĩa là không chung tình. Mà để cái cực nợ ấy mãi trong nhà, chỉ cực với nó. Ông ta băn khoăn trong ít lâu rồi quyết định ám sát người đàn bà không may đó. Ông lập mưu giết vợ,

khéo léo đến đổi vị lương y của gia đình cũng phải ngỡ rằng bà ta chết thường vì hao mòn sức khỏe và cho giấy chứng chỉ theo hướng đó.”

– Ghê quá! Nhưng anh thì chắc bụng không bao giờ giết vợ cả, nên anh không thèm nhớ câu chuyện dị kỳ ấy là phải.

Anh thì cứ tin chắc liên những gì mà chính anh cũng không rõ rồi sau nó sẽ ra sao. Thử em tê bại ba năm thì biết. Em tủi cho số phận đờn bà chúng em, nên em nhớ mãi phim rừng rợn đó.

Nhớ thì mặc sức mà nhớ, nhưng chuyện đó lúc ở chỗ nào với bệnh ho lao của anh ? Bệnh anh đỡ khổ hơn ? Nghĩa là nếu anh bại xụi thì em lại giết anh ?

– Quý ! Em yêu anh mãi mãi. Vả lại cắt cổ gà mà em còn không dám, ngày

Chúa nhứt nhờ anh cắt giùm, ngày thường, chạy mượn người khắp xóm thì em có phải là tay có gan giết chồng đâu.

Câu chuyện ấy muốn chứng tỏ rằng thành kiến rất tai hại, và ông ấy vì sợ miệng đời xét đoán ông ta theo thành kiến, nên đến phải phạm tội sát nơn. Nếu bỏ rơi vợ mà không bị ai nói ra nói vào, thì đâu có đến đổi xảy ra những chuyện tàn ác như vậy.

Nhưng riêng em, xem phim xong, một sự thật đau đớn bỗng bùng sáng lên nơi trí em, là trong một xã hội quá tiến bộ về vật chất, con người bận sống quay cuồng, không ai đủ thì giờ mà đợi ai lâu được cả. Xã hội tổ chức chặt chẽ quá rồi như một đàn kiến vậy. Có nhiều con kiến què phải nằm dọc đường, những con khác cứ tiếp tục đi tới, dầu có thương bạn cũng phải nhắm mắt làm ngơ. Không,

kiến không có thì giờ để chần chờ ở lại với bạn. Vả lại làn sóng kiến ngoài sau cứ đẩy tới hoài, muốn cưỡng lại cũng không được. Vậy thì tốt hơn là người vợ hay người chồng đừng có mắc những chứng bệnh dây dưa lâu ngày quá, khó lòng cho bạn mình hy sinh cả đời y cho mình, là vì sự kiên nhẫn và lòng thương của con người, dầu lớn lao đến đâu cũng có hạn.

Xã hội nhơn đạo biết bao nhiêu, mà cũng chẳng chờ y. Người ta cất dưỡng trí đường, cất nhà thương hủi, rồi người ta để y ở riêng đó, đoạn thờ ơ đi qua, bỏ quên y ngoài lề cuộc sống.

Thảo trở mắt nhìn vợ, kinh ngạc hết sức. Đó là những sự thật không mới lạ gì, thỉnh thoảng chàng cũng có nghĩ qua, nhưng giờ đây Liên nhắc lại trong một trường hợp mà chàng là kẻ có thể

bị đoàn thể bỏ rơi, thì bỗng chàng nghe chua xót quá và chát tai như một khám phá bất ngờ vừa đánh mạnh vào thần trí chàng.

Chàng tủi thân đau ốm quá, suýt rưng rưng nước mắt. Phải mạnh khỏe, hay chết đi, hoặc bịnh gì cho dữ dội rồi lành, chớ đừng có rề rề từ năm này đến năm khác, xã hội không thương lâu đã đành, mà cho đến người thân yêu cũng chẳng đủ kiên tâm chờ đợi.

Có lẽ trong cái đoàn thể hữu lý ấy, chỉ có một kẻ vô lý thôi là bà mẹ, bà mẹ tiếp tục đút cơm cho một đứa con sanh ra thiếu mất xương sống, nằm suốt đời và suốt đời được cái bà vô lý ấy mớm cơm mãi cho đến lúc bà bạc đầu, mãi cho đến lúc bà hấp hối, liếc nhìn đứa con tội nghiệp không biết rồi đây ai sẽ cho nó ăn uống thay bà; bà chết không nhắm mắt

vì cứ nuôi con kiến què bị đoàn thể bỏ quên.

Thảo nhìn lại vợ. Người thiếu phụ đẹp ngày thơ này cứ còn đẹp và ngày thơ nơi gương mặt như ngày nào. Nhưng không hiểu sao chàng có cảm giác như thoáng thấy lơ mờ những sợi mây đen vắt ngang qua vầng trán trắng trong của vợ. Chàng quặn đau mà nghe lòng tin của chàng nơi tấm tình không bọt của Liên bỗng bị lung lay. Thì ra Liên đã ý thức rõ rệt về cuộc đời, đã cảm nghĩ những ý nghĩ kỳ dị mà nàng vừa nói ra. Ý nghĩ ấy, cảm nghĩ ấy làm cho tình yêu chồng của nàng bớt hồn nhiên đi.

Thình lình, Thảo nhớ đến người lãnh tụ cộng sản và một đảng viên trí thức trong vở kịch “Những bàn tay bẩn” của J.P. Sartre. Người lãnh tụ ấy cho rằng một đảng viên cộng sản mà suy tưởng

nhiều quá là nguy hiểm.

Người vợ cũng thế. Nàng không nên suy tưởng nhiều. Nàng phải nhắm mắt mà yêu, không đắn đo, không suy nghĩ đến những chuyện không may và không hay có thể xảy đến cho chồng. Nàng phải nhìn chàng và tự bảo thầm : “Em sẽ đi với anh trọn đường trần.”

Tay mân mê những lọ Streptomycin to lớn quá đối với đám hạt bụi trắng bên trong, Liên lại tiếp :

– Em thì em không không khi nào bỏ rơi anh. Nhưng nếu anh mắc phải một chứng bệnh kinh niên, rề rề từ năm này qua năm khác, thì, xin thú thật rằng khó mà em tránh khỏi nghĩ quấy ! Đành rằng nghĩ mà không làm, thì không hại gì, nhưng dù sao, tình của em như thế cũng bớt đẹp đi. Thì có buồn không hở

anh ? Vậy anh đau phổi, em thấy tương đối may mắn lắm đó.

Thảo không còn biết nên cười hay nên khóc. Chàng nói đùa một cách vô duyên để quên cái khó chịu nếu khí hậu suy tưởng cứ kéo dài :

– Vậy ta nên hoan nghinh bệnh ho lao phải không em ?

Rồi chàng hô to lên : “Ho lao muôn năm !” Không hiểu sao, sau lời hoan hô ấy, chàng cười lên được, cười ngất đến chảy cả nước mắt.

Phải chăng đó là những giọt lệ thương cho sự mỏng manh của tình cảm loài người ? Yêu nhau suốt đời ư ? Hy sinh vì nghĩa cả ư ? Lòng tin kiên cố nơi một lý tưởng ư ? A ha cái gì cũng có giới hạn cả. Núi mà còn mòn, sông mà còn cạn kia mà ! Và hòn đá vọng phu chỉ là

ảo mộng của những anh chồng ích kỷ thôi.

Liên hơi sợ mà nghe chuỗi cười ghê rợn của chồng. Nàng càng sợ hãi thêm khi ngẩng lên, nhìn thấy đôi con mắt Thảo cứ càng phút càng đỏ au, và vẻ mặt hiền hậu của chàng bỗng mang những nét hung ác lạ kỳ. Bấy giờ trông chàng như một con thú dữ sắp sửa vồ một con mồi.

Thảo thoáng thấy hình ảnh lão khoét của hòn đá vọng phu rồi tưởng tượng đến sự không trung kiên của người đồn bà, của Liên, và bỗng nổi cơn ghen, làm như là chàng đã chết và nắm mồ chưa xanh cỏ thì Liên đã bắt đầu yêu người khác rồi.

Chàng giận dữ, nhìn bạn bằng đôi mắt căm hờn, rồi không giữ được, chàng

thẳng đến chụp lấy nàng xòe tay ra ra toan bóp cổ vợ để trả thù sự phản bội vong hồn chàng...

– Anh, anh làm gì chứ ?

Tiếng kêu khủng khiếp của Liên đưa Thảo trở về thực tại. Trong một tình cảm hỗn độn, chàng bỗng như hóa điên, hôn vợ một cách cuồng bạo như một kẻ toan hiếp dâm.

Liên nức nở lên khóc và nói trong nước mắt :

– Anh thay tâm đổi tánh kỳ lạ lắm. Thấy rõ là vi trùng đã tác hại nhiều trong cơ thể anh đến đổi ảnh hưởng đến tâm trí anh. Anh nên sớm mà lo thang thuốc không thì nguy mất.

BÌNH NGUYỄN LỘC

Lối đi

SONG LINH

Xuống hết đoạn đường vòng cung hun hút, Cương sang số cho xe lên dốc. Chiếc jeep trườn mình nhẹ như bay. Những bờ gai, khóm chuối dại, và thân tre hai bên đường, lùi về đằng sau liên liến, hơn một kẻ đói khát tham ăn mà nuốt chửng. Cương chăm chú dõi đường qua tấm kính chắn ngang mặt. Thỉnh thoảng một trận mưa bóng mây đổ hấp tấp, khiến chiếc que gạt nước lại được thể đánh nhịp cuống quýt.

Tuy nhiên xe vẫn chạy phẳng phẳng. Bây giờ, con đường có vẻ thu hẹp lại, và vồng sâu giữa hai vách đất dựng đứng, tỏa nhiều tàng cây rậm. Bầu trời chợt âm u, làm mặt nhựa cau lại xám xịt. Hai năm về trước, Cường đã quen thuộc nó, và nhớ từng khúc quanh, chỗ rẽ, cầu hẹp. Nhưng lâu ngày không đi lại. Anh quên cả rồi – Có ai nhớ được toàn vẹn những cảnh ngoài đời bao giờ ? Cường thoáng buồn khi nghĩ tới những sự thay đổi tự nhiên ấy. Anh liên tưởng đến đời mình. Ngay đời Cường – anh còn không sao ôm ấp, gìn giữ được đầy đủ thì trách gì sự thay đổi của thiên nhiên. Cường biết rằng cái hao hụt, sút mẻ của mình, đã ràng buộc, bầu vịu mật thiết với những người đặt lại đời anh, rồi lần lượt bỏ đi hoặc vắng biến. Cường nghĩ, chính lòng mình, anh cũng không thể nào kiểm điểm, thấu đáo được những hăm đáy bí

mật còn ngủ kỹ bên trong. Thì sự nhiệm màu, phức tạp của thiên nhiên, làm sao anh hiểu nổi. Cái đổi thay nhỏ bé trong anh, lệ thuộc ở cái đổi thay toàn diện vũ trụ. Chỉ một hơi thở, một chớp mắt của con người, vũ trụ đã bí mật chuyển biến phi phạm. Hôm nay lối đi còn đây. Ngày mai cây đại dây leo đã xòa ra chuyển hướng. Hôm nay trụ núi vươn cao, qua một cơn chuyển biến, ngày mai nó đã giở mình ngã xuống đại dương, hay lùi về đường hướng khác. Nó mọc mầm, nó soi mòn nào ai biết được. Nhưng tự nó chúng nhận sự đổi thay của nó. Cương là người – con người bé bỏng – thì cúi đầu nhận lĩnh phần đổi thay nhỏ mọn của mình. Dưới Cương, còn những loài sinh vật tựa mồn nó sống cái sống bận tiện riêng tư – và luôn lụy gánh đỡ kiếp phù du của nó. Mỗi sự sống, mỗi sự chết, đều có một ý nghĩa và giá trị tuyệt đối,

trong phạm vi riêng biệt từng lúa, từng loài. Sự riêng biệt này đứng giữa ranh giới chia cắt của tạo hóa. Nhưng mỗi tương quan vô tình dù nhiều ít, nặng nhẹ, vẫn không mất vắng hoàn toàn. Nó là sự sống. Nó là mức cảm thông vô thức, Vươn dậy, đổ xuống không ngừng. Nó màu nhiệm, linh động. Nó bản năng phi lý, không thể chặn giữ, đào bới được. Vì vậy Cương buồn phiền, Cái buồn phiền ấy khơi chảy từ một tâm tư khắc khổ, bén nhậy của anh. Nhiều khi Cương tự trách mình đã sắc nét, gò kéo những suy tưởng vô cớ, không đâu – để lùi vào cái lưới ngọt ngạt, bứt rứt. Nhưng nếu anh buông tha chúng, thì cái trống vắng cứ dàn rộng mãi ở hồn anh. Anh biến thành sa mạc, anh trũng thành biển sâu. Anh lơ lửng – cái lơ lửng của kẻ không sống mà không chết. Nó rỗng tuếch, nó chân không. Thành ra Cương sợ hãi, nên cứ

bám miết cấu nứu chặt nhữn cỏi thoán gặ ở tiếm thức mình. Mặc dù cỏi thoán gặ đó chưa có thực, hay đã mất đi từ lâu lắm. Cương muốn cỏi ý nghĩa của cuộc sống đời mình, phải tràn đầy, phải dài lớn, rồi động. Và anh lần mò, kéo gỡ từng mẩu tâm tứ khúc mắc, từng mẩu thời gian vấp động, phiền muộn, để nuôi cỏi hứng khởi vô nghĩa, mà cần thiết trong sinh thú nhật trực luân phiên của mình. Sự có mặt liên tiếp nhữn hình ảnh gợi dựng trong suy nghiền, sẽ làm Cương tin yêu, chấp nhận nhữn nếp sống liên đới bên ngoài.

Hôm nay, anh trở lại đường này. Nhữn người bạn cũ không còn quây quần bàn định, và khuyến khích cuộc đi thơ đẹp của anh. Họ đã tản mác, và bận rộn sinh kế, tư lợi riêng. Thăng Quân thi mà xuống tận Cà Mau dạy học kiếm ăn.

Thằng Long trượt liên mấy năm Quân Y, bây giờ đeo cái lon Chuẩn úy cả ngày quanh quẩn trong phòng thuốc của một tiểu đoàn ở vùng khỉ ho cò gáy trên Cao nguyên. Thằng Thiệu may mắn hơn, được thừa hưởng cái đồn điền chè chập chùng ở Bảo Lộc –sau khi ông bố mất. Riêng Cương thì thua lỗ nặng nề. Anh rẽ ngang vào lính vì sự học dở dang. Rồi nhập trường võ bị - khi ấy còn lệ thuộc thực dân phong kiến. Cương không bắt chước được tính luôn cúi nịnh bợ, lại thường phản đối thẳng tay – nên trượt khi thi ra vì thù hiểm cá nhân. Sáu năm dài suốt mướt, bây giờ anh mới được thăng một cấp. Hiện tại anh bằng lòng số phận mình – và tạm hãnh diện đã đầy đủ bốn phận với các anh em anh. Trong cái đầy đủ này, về mặt tinh thần, Cương đã hy sinh nặng nề hơn. Hy sinh vì yêu thương không phải là thiệt thòi,

bố thí – mà vì nó anh đã vui tin, sung sướng thêm. Tình cảm của anh là tình cảm người chị hiền, đảm đang, và chất chiu lo thương cho những đứa em nhiều thiếu vắng. Nỗi thiếu vắng thấu xiết là sự mất tình thương cha mẹ sớm. Nó quý giá hơn bất cứ một đài tháp tinh thần nào. Nó cao cả vượt bậc. Nó thiêng liêng tuyệt đối. Nó huyền nhiệm và ngời sáng thứ tinh cầu độc nhất, thứ hải đăng dẫn đường – Tinh cầu ấy, hải đăng ấy mất đi, tắt đi – những đứa con rơi xuống vực sâu, trôi vào bể tối. Anh em Cương là những đứa con đã mất những thứ cao thiêng ấy. Vì vậy Cương ý thức nhiệm vụ mình. Anh tự coi mình là ngọn đèn, ngọn đuốc chiếu lên. Tuy không chói sáng như tinh cầu, hải đăng, nhưng nó cũng là ánh lửa đem lại cho các em anh niềm yêu tin ấm cúng. Cương bỗng nghĩ tới Thu, với mỗi tình đứt đoạn của mình. Cho tới giờ

anh cũng không hiểu vì đâu mà anh dứt khoát, buông thả Thu. Nhưng thâm tâm anh, anh vẫn mang máng nhớ rằng anh bỏ Thu vì anh không muốn tình thương dành cho các em mình bị chia sẻ. Và với sức gánh vác của anh, anh chỉ có thể bôn xén, đùm bọc cho cuộc sống vồn vện, qua ngày của các em anh. Có lẽ vì thế nên Cương sợ Thu khổ, mà không đành lòng. Thu là người con gái đẹp, ngoan – nên anh nghĩ, nàng phải là giọt mưa, sa vào nơi đài các. Không thể sống trong cuộc sống cúi thẳm, chịu đựng mãi miết của anh. Kết quả ấy, Cương đã đạt nhưng anh không vui gì. Thu xa anh thật sự. Và anh đứng lại đơn độc để suy ngẫm, để tiếc nuối bằng những lá thư cuối cùng nặng lời trách móc của nàng. Cương phụ bạc ? Anh thường vẫn nhìn xuống hai đầu bàn chân mình, và thầm công nhận. Mặc dù anh vẫn yêu nhớ nàng. Các em

anh giờ đây đều đã tạm trưởng thành. Anh đỡ đi được ít nhiều lo lắng. Hôm nay vì dịp may công vụ lên đây, anh có ý rẽ vào thăm Thiện, và cũng để nhìn ngắm lại quận lỵ cũ xem có gì đổi thay? Cương nhờ lần đầu tiên anh dừng xe ở đây, với bộ đồ trần bầm đỏ bụi đường. Anh ghé vào hàng tạp hóa của Thu năm lẻ loi bên mép chợ, hỏi mua bao thuốc lá. Nàng trả lời vừa hết, và mời anh mua dùm gói chè. Cương biết vị giác mình chấp nhận chè tàu cũng ngang như nước vối và nước chè nhà binh. Nhưng anh cũng mua – vì cặp mắt sáng với hàng lông mi dài cong của Thu như mời gọi. Rồi tự nhiên Cương trở nên lúng túng trước nàng, và như thấy hai bàn tay mình ngờ nghệch thừa thãi. Tuy vậy Cương cũng ghi nhận được rõ ràng vẻ đẹp thùy mị của Thu. Và anh buột miệng khen nàng :

- Hàng mi, với hai bàn tay cô đẹp lắm.

Thu nhìn kỹ anh, rồi cúi đầu đỏ hồng gò má. Mãi sau này hỏi lại, anh mới biết Thu chợt yêu anh từ bấy giờ.

Xe xuống hết con đường vòng trung, Cương nhấn ga cho nhanh thêm. Ánh nắng sáng lên, trải rộng phía trước mặt, và lấp loáng trên lá cây ven đường. Địa phận quận lỵ đang bắt đầu bằng những đồi chè cách quãng. Những căn nhà gỗ mới dựng, xăm một màu nâu gạch, trước còn thưa thớt, sau nổi thành hàng chi chít lẫn đến ven rừng. Xưa kia rừng hoang còn choán nhiều cây cỏ, gai góc lên phía đường. Ngày nay sức người đè át cả. Những bàn tay cứng mạnh, những tâm hồn cần mẫn, nhẫn nại của toán người định cư, đã biến từng khoảng rừng rộng cỏ cây, chai đá, thành những

mảnh đất ngọt ; lưỡi cuốc, lưỡi cày, để trồng xuống đó những luống chè, luống bắp xanh hơn màu xanh của rừng khi trước. Cương nhìn sức sống vươn lên từ những búp non, của người dân mài miết. Anh nghĩ rằng họ đang nói lên cái no đầy, trù mật của một tương lai gần, vững. Theo với đà chuyển mình cải tiến của đất nước, nhân sinh. Cương cho xe chạy chậm hẳn. Ranh giới đồn điền của Thiệu thẳng đều bằng những cột gỗ cắm cao, sơn trắng lù lù dần. Bên tay phải, phía chéch mặt, con đường đỏ uốn khúc, phơi nắng giữa những nương chè xanh bóng dẫn đến xưởng sấy chè của Thiệu. Cương vui nhẹ nghĩ đến lúc gặp Thiệu. Sự bất ngờ này hẳn Thiệu phải ngạc nhiên và mừng rỡ lắm.

✱

Ngả lưng xuống thành ghế mây, Cương vừa hút thuốc vừa nhìn Thiệu loay hoay pha thêm ấm chè khác. Trời ngủ gục vào khuya. Cái gió cao nguyên lạnh ngọt mà không hề buốt tím ngón tay, hay khô khan hanh nẻ, dâng lên từ những rừng cây ngan ngát khiến Cương dễ chịu. Mặt trăng lên tới đỉnh đầu, sáng vàng vạc, ủa héo lá cây. Cương ngửa cổ nhìn ra những thung lũng, lưng đồi. Qua vai Thiệu, sương trắng loăng như tấm màng phim mỏng, giăng lưới mắt anh. Cương ném mẩu thuốc thừa vào cái gạt tàn. Anh châm điếu mới, và nói :

– Thế mà thẩm thoát đã hơn hai năm rồi đấy. Trước ngày cậu về hưởng cái đồn điền này. Mình bỏ lại đây một người yêu.

Thiệu đan ngược hai bàn tay, uể oải:

– Cậu đa tình lắm. Yêu ai rồi cũng dở dang.

Cương khẽ nhếch miệng gật đầu.

– Có thể mình đa tình thật. Nhưng tại các cô không chịu nổi mình, nên bỏ rơi đấy thôi.

– Chú không phải cậu nhập nhằng, dăm dớ.

– Đúng vậy.

– Hồi ở Saigon nghe thằng Long nói, cậu yêu một em trên này. Tại sao lại thôi ?

Cương khẽ cười :

– Tại nghèo.

Thiệu lắc đầu:

– Mặc cảm.

– Không phải, nhưng mình biết chưa thể xây dựng được. Vì bọn em mình cần mình hơn. Mà đàn bà, con gái họ có chờ đợi chẳng nữa, thì ít nhất họ phải nắm vững cái lập trường dứt khoát của mình.

– Thế cậu lừng chừng ?

– Có lẽ không ! Vì mình nghĩ, đối với một người yêu chân thành. Ta có thể đặt với họ hai phương trình cân bằng. Một xây dựng thật sự. Hai là thôi hẳn, để họ có đủ thì giờ lo tính chồng con. Hoàn cảnh mình như cậu đã biết. Vì vậy mình giải đáp phương trình thứ hai – Không vui đẹp gì ! Nhưng dù sao ở họ vẫn cần thiết nghĩa tuổi xuân

Thiệu hỏi :

– Thế bây giờ nàng ở đâu ? Lấy chồng chưa?

Cương nhắm mắt buồn ngủ.

– Từ ngày đó mình không hề gặp nàng, có lẽ đã lập gia đình rồi.

– Được vậy thì mừng.

Cương đáp :

– Mình mong nàng lấy chồng và sung sướng. Vì nàng đẹp.

Và anh vươn vai đứng dậy.

– Khuya rồi đấy. Chúng ta vào ngủ thôi. Cả ngày đi đường mình thấm mệt rồi. Nói mãi đề tài muôn thuở thì khó dứt khoát lắm.

Thiệt theo Cương vào nhà, dặn bạn :

– Mai nếu dậy muộn, mình không còn ở nhà, thì cứ việc rửa mặt, ăn điểm

tâm. Rồi có hứng ra ngoài đồn điền tìm mình. Mình ở đó kiểm điểm sổ sách, và xem phu họ làm việc.

Cương thay quần áo lên giường nằm. Giường Thiệu kê gần đấy. Khi tắt đèn rồi, mà hai người vẫn tiếng qua lời lại, mãi nửa giờ sau mới ngủ yên.

Cương tỉnh giấc thì đồng hồ đã chỉ 10 giờ. Ánh nắng vàng chói leo trên giàn hoa tím trước cửa. Buổi sáng ở đây yên tĩnh sờ mó được. Cương nhồm dậy sang phòng rửa mặt. Đêm qua anh ngủ thật no, nên bây giờ thấy người khoan khoái nhẹ nhõm. Cương vực nước lên mặt. Nước lạnh chuyển vào da thịt anh. Anh bỗng nhớ lại trước kia có lần Thu dẫn anh vào rừng hái phong lan. Lúc về, hai người ngồi nghỉ một bờ suối nhỏ. Thu vớt nước rửa đôi cổ chân thon trắng, và anh thì bên rửa mặt. Nước suối trong

mát, chảy nhẹ, nhìn thấy cả những viên cuội trắng dưới lòng, và in rõ tiếng cười của Thu. Cương vắt khăn lên dây. Anh lấy lược chải lại mái tóc ngắn. Tấm gương sáng phản chiếu mặt anh, khiến Cương thấy những nếp nhăn hằn trên khuôn trán sạm nắng và đôi má hóp, với cái cằm râu mọc tua tủa, đen cứng của mình. Cương nhận biết mới có mấy năm lo nghĩ, mà anh già đi nhiều quá. Nhưng anh không buồn gì – vì từ lâu anh vẫn khinh thường, cũng như sẵn sàng đón nhận sự tàn phá của thời gian. Thời gian vô chung, vô thủy thì ai tránh khỏi. Khốn chi Cương là người ít lưu tâm đến thể xác mình. Cương quay ra phía cửa sổ. Anh tỳ tay lên cằm, phóng mắt nhìn xa Trước mặt anh, từ những sườn đồi soải dốc, từng tốp người khom lưng xuống những nương chè xanh ngắt. Nắng dát vàng như lửa cháy. Họ

cặm cùi hái lá nhét đầy gùi, nhọc nhằn vất vả, chẳng kém gì người cày sâu, cuốc bẫm dưới đồng chua nước mặn của quê hương anh. Cương tự nhiên xót thương, những người nông dân còn nằm lại bên kia. Dưới cái nắng tháng năm, bỏng da bỏng thịt, họ quần quật làm đồng. Tới khi mùa xong, gạo có, mà chẳng bao giờ nổi cơm hết độn sắn độn khoai Cương chột giật mình, bỏ dở ý nghĩ. Một người đàn bà đứng nép bên mép cửa mời anh ra ăn sáng. Cương ngồi vào bàn ăn, và hỏi chuyện vu vơ người đó. Nhưng bà ta lại vui miệng, thành ra bắt nghe tâm sự của mình. Anh được biết : Bà ta bỏ chồng đi làm, vì hắn có tật rượu chè ngiên ngập, lại hay hành hạ, đánh đập vợ con. Người vợ không chịu được đem hai đứa con trốn lên đây. Thằng lớn nhập vào đoàn phu hái chè. Thằng nhỏ ở nhà giúp mẹ, làm những việc vặt vãnh cho Thiệu.

Người chồng đã mấy lần tìm lên xin lỗi và gọi về. Nhưng bà ta khẳng khái từ chối. Cương uống cạn ly sữa, rồi xuống nhà đánh xe ra đồn điền tìm Thiệu. Khi tới nơi, anh thấy Thiệu đứng lẫn giữa đám người đang xúm đông, nhốn nháo. Cương để xe nằm sát lề đường. Anh rẽ vội vào lối mòn đất đỏ.

Những cây chè lùn tịt, cằn cỗi mà mơn mớn búp xanh, phơi mình dưới nắng lửa. Cương gặp Thiệu đi ra, với những giọt mồ hôi bò trên má,

Anh hỏi trước :

– Cái gì ồn ào thế cậu ?

Thiệu giở mũ, lấy khăn lau mặt.

– Một người phu ngã nặng

Cương nheo mắt.

– Nắng này đã lấy gì làm gắt.

Thiệu quay gọi về chỗ bọn người hái chè – phần nhiều là đàn bà – anh dặn họ công người ngã nắng ra đường, rồi bảo Cương giọng có vẻ ái ngại :

– Nghe đâu người ấy mới ốm dậy, mà đi làm sớm quá.

Cương hỏi :

– Sao cậu nhận người ta.

Thiệu giơ tay như phân trần.

– Không phải mình. Chắc người thư ký cho họ vào làm.

Và Thiệu nói :

– Cậu đánh xe chở người ấy về hộ mình. Để họ nằm nghỉ ở phòng nhà dưới, rồi bảo anh thư ký tiêm cho họ vài phát Cầm-phô.

Cương ngược mắt định hỏi. Nhưng Thiệu đã cười vỗ vai anh.

– Cậu đừng ngại. Hắn kiêm cả nghề y tá nữa đấy.

Cương cười.

– Cậu không về cả thể ?

– Mình về sau.

Cương vui vẻ quay ra đường, vừa lúc ấy thì người đàn bà ngã nặng cũng được ra để nằm ở đệm sau xe. Cương cầm vội tay lái. Anh vừa gạt số cho xe chạy, vừa hỏi vọng lại phía sau :

– Sao mới ốm mà không ở nhà nghỉ cho khỏe hẳn, rồi hãy đi làm có được không ? Tham gì mấy chục bạc một ngày !

Đằng sau xe người đàn bà ngã nằng
vừa bùng mắt.

✱

Thu úp mặt vào lòng Cường khóc
tầm tã. Mái tóc nàng lâu ngày không uốn
lại, ruỗi dài và bung lên như một đám chỉ
rối. Cường chợt nhớ lại ngày xưa. Hồi hai
người đang yêu nhau. Có lần Thu xuống
thăm anh. Nàng ngỏ ý với anh muốn cắt
mái tóc dài, để uốn cao cho nét mặt mặn
mà duyên dáng hơn. Cường sung sướng
bằng lòng, và thưởng trộm vào má nàng
một cái hôn. Thu giẫy lên, rồi lườm yêu
anh, con mắt lá dăm.

– Anh hóm lắm.

Cường cười.

– Tại anh yêu em.

Thu làm ra bộ phụng phịu, nhưng khóe mắt vẫn cười.

– Yêu ! Yêu mà còn ăn trộm. Lọ lắm nhé.

Rồi nàng bắt Cường dẫn đi phố chọn kiểu. Khi Cường dắt nàng bước vào cửa hiệu uốn tóc. Nàng vội vàng kéo giắt anh lại. Anh nhìn mặt nàng thoáng thấy vẻ sợ sệt, buồn rầu. Rồi Thu nói giọng như van lơn cầu khẩn :

– Anh ạ, hay em không uốn nữa. Cắt đi em thấy tiêng tiếc thế nào !

Cường lại chiều theo ý nàng. Cứ thế mấy lần đi nữa, Thu mới chịu giã từ mái tóc dài. Lần sau cùng khi uốn song về nhà. Nàng soi gương cười, mà nước mắt

cứ nhẩy dòng. Cương ái ngại cầm tay nàng.

– Em buồn lắm ư?

Thu lắc đầu, vuốt ve chỗ tóc thừa và tiếng nói run run :

– Em sẽ không bao giờ quên được hôm nay. Chỉ còn anh, em tin, nhưng vẫn sợ.

Cương khẽ cắn môi, quay đi. – Ba năm về trước Thu là người con gái đẹp – Bây giờ chỉ như một cành cây mục. Và Cương hối hận đã buông thả Thu, đã chống chọi những đau đớn, và phá hủy linh hồn nàng. Anh nâng Thu dậy. Mặt nàng gầy xanh và héo hắt. Cương an ủi nàng :

– Thôi Thu ạ. Anh có ngờ đâu em thế này.

Thu đẩy mạnh Cường ra, giọng chán nản :

– Tôi van ông. Ông đừng giết tôi nữa. Tôi chết quá nửa đời rồi chỉ vì ông.

Dứt lời nàng lại bùng mặt khóc. Cường ngồi im chẳng biết nói gì; Hồn anh như bị ép mong qua một thứ máy cán. Thu ngược lên, mắt sắc nhọn. Nàng đuổi Cường thật sự :

– Ông đi ra đi. Tôi không muốn ai thương hại tôi đâu. Tôi nghèo, tôi phải đi làm mướn, không có gì xấu cả. Mẹ tôi già, chỉ trông cậy vào tôi. Hai mẹ con tôi khổ, nhưng đùm bọc, thương yêu nhau mà sống thế là sung sướng rồi. Tôi không cần đến ông phải an ủi thương hại tôi.

Cường ôm trán, thảm hại.

– Anh hiểu rồi. Anh xin lỗi Thu nhiều.

Thu nhếch miệng, đáp :

– Ông đừng xin lỗi nữa – ông chẳng có lỗi gì. Tôi mời ông ra khỏi phòng này. Hay ông cậy nhà của bạn ông, tôi sẽ xin về nhà tôi ngay. Nếu tôi biết đây là bạn ông, tôi đã không đến làm. Dù sao thì chiều nay tôi cũng xin thôi việc rồi.

Cương bất đắc dĩ phải đi ra. Anh ngáp ngừng khép cánh cửa, trong lúc Thu gục xuống nức nở.

*

Nhìn đăm đăm như soi thấu hồn Cương, Thiệu nghiêng mắt hất hàm hỏi :

– Cậu định chấp nối lại lại ư ?

Cương cúi đầu, khẽ gật.

– Mình nhất định

Thiệu cười gằn.

– Khó lắm cậu ạ.

Cương mở to mắt, vẻ ngạc nhiên tối ám. Thiệu tiếp lời ngay:

– Cạn giết linh hồn người ta rồi. Vì thế nên Thu đã tàn tạ úa héo. Bây giờ có tưới bón lại, cái cây khô ấy cũng không làm sao sống được. Trường hợp Thu là thứ cây khô ấy.

Cương từ nãy vẫn đưa tay sờ cảm. Những sợi râu đen cứng như mọc dài thêm. Anh dẫn đo trong nghĩ ngợi, và nói :

– Đối với mình thì việc hàn gắn lại, không phải là khó. Chỉ đáng lo cái tự ái

ngu xuẩn của con người. Nhưng mình sẽ san bằng được tự ái của Thu.

Thiệu cướp lời :

– Cậu nhầm, con người chỉ hơn con vật ở cái tự ái ngu xuẩn cậu nói. Không có nó, những nếp sống cao thượng, đáng kính ở đời này đã vắng mặt. Nó là gì ? Nếu không là danh dự, nhân phẩm khai triển ra.

Cương vùng tay đứng dậy.

– Con người thành kiến, câu nệ. Con người hẹp hòi, ích kỷ. Luận điệu của cậu hay, đẹp nhưng nông cạn, thủ cựu. Tại sao chúng ta cứ phải theo cái lễ thói khuôn sáo cũ. Trong khi cuộc sống mong muốn giải thoát và hòa mình. Cậu ôm khư khư cái mớ danh dự rách nát, nhầy nhụa, như đười ươi giữ ống có lợi gì ?

Hay vì nó mà bao nhiêu con người, bao nhiêu cuộc đời, lý ra đoàn tụ hạnh phúc, đã bị đổ nát vùi dập trong đau khổ, trong bất mãn, sầu phiền. Tôi muốn xé phá cái lưới hào nhoáng mà nguy hiểm ấy, để rộng mở đón mời những con người có tình thương, có linh hồn về ôm ấp đời sống của nhau. Giết chóc, hủy hoại mãi nhau ích lợi gì ?

Thiệt cũng thọc tay vào túi đứng lên.

– Nhưng con người là cái gì linh động, phức tạp. Không dễ dàng như cậu nói. Nhất là phần linh hồn nó lớn rộng, thiêng liêng. Nó là đỉnh núi đỉnh trời không ai xâm phạm được. Nó cần được bảo vệ để giữ cái phần đẹp tốt duy nhất của con người. Mình thì nghĩ rằng : Sự đổ vỡ của một linh hồn trong sạch, không thể chấp nối, tạo dựng lại toàn

ven lần thứ hai.

Cương gạt đầu.

– Đành rằng thế. Nhưng lúc này thân phận con người không thể ngụp lặn trong cô độc, hiểm thù, và chán chường đến mức buồn nôn nữa. Như thế là tự sát. Tự mình đào hố chôn mình. Người ta không là siêu nhân nên không đào tìm những việc làm tuyệt đối. Hiện tại nó đòi cần một sự thương yêu, ràng buộc mật thiết trong cảm thông ấm cúng. Mình chắc rằng, tiến đến cảm thông chẳng khó. Khởi đầu chỉ cần sự khoan hồng tha thứ của nhau.

Nói đến đây Cương ngừng lời, nhìn Thiệu. Anh ta không nói gì, mà chỉ đốt thuốc hút rồi thở dài. Cương làm dịu lắng bầu không khí ngọt ngào căng thẳng. Anh nói :

– Tuy nhiên, những sở hữu riêng tư vẫn tuyệt đối thuộc quyền cá nhân. Mình cần đến nhà Thu thăm nàng.

Dứt lời Cương bước nhanh xuống cầu thang lái xe đi.

Trên con đường nắng lửa, chói gắt. Cương nhìn thấy những người hái chè, lưng đeo gùi, cúi khom đổ bóng xuống mặt đất. Anh bỗng thấy thương Thu xiết lòng. Xe chạy đều, ý nghĩ Cương cũng xuôi chảy một chiều. Anh nhớ hôm qua Thu đã kể với anh rằng : Mẹ Thu muốn nàng lấy chồng. Thu sẽ bằng lòng cho mẹ nàng vui, người chồng tương lai của Thu không được như anh. Có lẽ là một dân vệ, nhưng anh ta có tình yêu Thu sẽ chịu yên phận mình. Và chỉ ước mong sau này có một mẫu chè để nuôi sống chồng con. Lúc ấy nàng sẽ không phải đi làm thuê, làm mướn cực nhọc nữa.

Cương vòng xe vào khu nhà gỗ trại định cư. Anh xót xa nhủ thầm: không biết đến bao giờ Thu mới bòn góp, dành dụm để mua nổi một mẫu chè. Hay rồi cả đời vẫn chỉ khom lưng, gầy bóng trên những nương chè xám xanh – như khuôn mặt tàn héo của nàng. Cái nắng cao nguyên này sẽ dịu đi. Và gió mát sẽ thổi đều. Cương chỉ cầu sao nổi buồn le lói ở hồn Thu sẽ chìm tắt hẳn – để bắc cầu tiếp nhận lại tình thương ấm nóng của anh.

*

Buổi chiều kéo về. Hoàng hôn hắt nghiêng cái bóng đỏ mặt trời, rơi vào hẻm núi xa. Những ngọn cây cao của khu rừng trước mặt, bây giờ như chụm đầu thăm thì, và cắt hình nhấp nhô trên

bụng trời. Từng đàn chim ngược xuôi bay về rừng. Cương và vợ anh từ nãy vẫn ngồi sát nhau, yên lặng. Họ đang nghĩ về tương lai, và tình yêu khi cổ thụ. Lâu lắm rồi – từ dạo mới lấy nhau – họ đã thấy những buổi chiều đứng lại, và đẹp sáng trong hồn mình. Những buổi chiều nằm dài trên những mẫu chè xanh ngát hương, như quyến luyến, ôm ấp, và hòa mình trong cuộc sống đầm thắm của vợ chồng, Anh quay nhìn vợ đắm đuối. Nàng cũng ngược nhìn chồng. Không bảo nhau cả hai cùng cười. Ánh mắt tia nhìn giao nhau và nói lên trọn vẹn cả cuộc sống ngày mai. Vợ Cương quay đi khẽ ợ. Nàng vừa lợm giọng, và chột nghĩ đến những quả khế chua, mặn đắng. Nàng muốn nói với chồng. Nhưng lại ngại ngẩn, vì sợ quá sớm. Nắng tắt dần dưới rừng cây, và tiếng đêm đang réo rắt của mình. Cương bỗng thấy vợ mình

đẹp như ngày nàng mới biết yêu. Anh
âu yếm gọi :

– Em à.

Nàng nhượng cổ đợi chờ. Anh mỉm
miệng cười nhẹ.

– Em đẹp lắm. Đẹp hơn cả ngày xưa.

Vợ anh cũng cười, chưa tin.

– Em đẹp lại ư ?

Cương gật đầu. Vợ anh nói :

– Em thật nhờ anh. Tưởng đâu em
đã già héo rồi mới phải.

Nàng bỗng nhớ khi trước có lần
nàng ốm thập tử nhất sinh. Được Cương
từ Saigon lên an ủi – Chỉ gần tuần sau
nàng lại mạnh như thường. Nếu không
có Cương đem tình yêu mãnh liệt kéo

lại, thì nàng đã chết rồi, còn đâu đến hôm nay. Nàng thiết tha nắm chặt tay chồng giọng nhỏ ấm.

– Ngày xưa – em hồi sinh – chỉ vì tình yêu của anh. Lần này thêm cả cái chết linh hồn cũng lại được anh cứu thoát. Đời em có lẽ sinh ra chỉ để thuộc về anh vĩnh viễn.

Cương cười, hôn nhẹ trán nàng.

– Anh cũng nhờ em rất nhiều. Nếu em ngày ấy cố chấp mãi thì chúng ta chắc đáng khổ cả hai.

Bỗng Cương ngửa mặt sực nhớ chuyện người đàn bà giúp việc cho Thiệu năm ngoái. Anh kể cho vợ nghe. Hôm anh xuống Saigon gặp bà ta. Bà ta nhận ra anh, rồi cố nài nỉ mời anh về chơi nhà: Anh từ chối về vì bận việc, Bà ta cứ hết lời cảm ơn anh, vì khi xưa anh đã khuyên

nhủ về xây dựng yêu thương lại chồng. Bây giờ người chồng đã bỏ được nhiều tật xấu. Và xin được việc làm bán vé xe bus Saigon – Gia Định. Thằng con lớn chung tiền mở hiệu sửa xe đạp với mấy đứa bạn. Ngày kiếm được ngót năm chục đồng. Còn thằng nhỏ thì đi học đàng hoàng. Năm nay nó đã lên lớp ba. Người vợ ở nhà trông nom cơm nước, chợ búa và khâu vá giặt rũ quần áo cho con, cho chồng. Gia đình bà ta bây giờ đầm ấm dễ thở rồi. Vợ Cương nghe xong, vui như chuyện đời mình. Nàng nói :

– Họ cũng như chúng ta anh nhỉ. Thật đáng mừng.

Rồi nàng đứng lên bảo chồng :

– Em vào nhà bật đèn anh nhé. Tối nay thưa tiếng chim kêu. Trời có vẻ trở lạnh rồi đây.

Cương cúi xách hai cái ghế để lên đầu hè. Vợ anh gọi vọng ra.

– À anh này. Anh Thiệu lúc sáng đến tìm anh. Anh ấy dặn sáng mai anh sang ngay anh ấy có việc cần.

Cương cười, rồi chép miệng :

– Lại chuyện về Khánh chứ gì ? Bàn mãi chán ngấy. Anh đã nhiều lần khuyên hấn nên lấy Khánh. Vì Khánh vẫn còn yêu hấn như dạo nào, Khánh hiền mà đẹp, thế mà hấn cũng bỏ lơ nàng. Không hiểu hấn nghĩ gì ? Hay lại bắt chước hoàn cảnh anh. Thật chẳng khi nào người ta vui nhận số phận mình.

Vợ Cương bắt lời :

– Có lẽ lần này anh ấy lấy Khánh thật. Vì hồi sáng anh ấy cứ hỏi mãi em về chuyện cưới xin.

Cương cầm mấy cây phong lan ra sân phơi sương, rồi đứng nhìn vu vơ lên trời. Trên cao một đóm sao nhấp nháy. Anh đoán thầm. Đó cũng là mặt trời đang chiếu sáng cho một địa cầu mới dựng ?

SONG LINH

Nhìn bảy chân trời

Sĩ Mộc – Lý Tứ

KHÔNG NÊN ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ ĐOÀN KẾT

Bình tĩnh mà xét, luận điệu sơ xuất của một diễn giả, dù phát biểu ở một diễn đàn nào, không đáng để gây nên một dư luận, nhất là dư luận đó lại đụng chạm tới một vấn đề mà không một ai trong chúng ta không đồng ý là vấn đề đoàn kết dân tộc. Thật vậy, đại đa số những quan sát viên đều nhìn thấy trong hiện tượng có một dư luận chung quanh ý kiến “văn nghệ miền Nam không có quá

khứ” một nguy cơ không nhỏ nếu cứ để nguyên cái đà bé-xé-ra-to.

Trước hết, ta cần đặt câu hỏi : Diễn giả nhân danh một lực lượng nào, một trào lưu văn học nào, để lên án văn nghệ “miền Nam” hay chỉ phản chiếu trọn vẹn cá nhân bé nhỏ của ông ta so với đông đảo những người làm văn nghệ và những người Việt Nam nói chung ? Nhìn vào cá nhân diễn giả và diễn đàn nơi ông ta đã nói, ai nấy đều công nhận rằng những ý kiến đưa ra chỉ tiêu biểu cho một người hay một nhóm nhỏ năm ba người bạn cùng cảnh. Không ai có thể cấm những cá nhân có những ý kiến, ngông xằng hay chính đáng. Đối với một diễn giả nếu những ý kiến đưa ra mà sai lệch, các thánh giả có quyền chất vấn tại trận và câu chuyện có thể chấm dứt khi bước ra khỏi diễn đàn. Còn báo chí, trong phạm

vi thông tin và nghị luận, có quyền tường thuật và phê phán trong phạm vi thông tin những hoạt động văn hóa. Đem đặt thành vấn đề, nhất là ở trên mặt báo và không quy định rõ phạm vi một ý kiến về văn học, tức là phạm một lỗi ghê gớm có thể gây nên những hậu quả chính trị tai hại chung.

Tại sao một ý kiến cá nhân về văn học lại có thể trở thành một vấn đề dân tộc trọng đại được ? Phải chăng cũng lại là những sơ xuất cá nhân ? Có những cá nhân vô tình làm lớn chuyện hay thật tình vẫn tiềm tàng một mầm mống chia rẽ ? Hay không còn tàn tích của chia rẽ nhưng có những cá nhân, vì nguyên nhân này hay lý do khác, đã mượn cơ hội để đặt lại một vấn đề quan thiết tới sự bền vững của dân tộc ? Giải đáp được những câu hỏi đó sẽ vượt quá mục thước

của một bài bình luận. Sau khi đã bày ra tầm quan hệ của câu chuyện và tha thiết mong mỗi các bạn, có làm văn nghệ hay không, hãy đứng lại trong vòng một cuộc tranh luận văn học, chúng tôi góp một vài ý kiến nhân câu chuyện đã được đề ra.

Ở trên chúng tôi đã để hai chữ “miền Nam” giữa hai ngoặc kép vì chúng tôi không đồng ý với sự chia miền. Rất có thể một nhà biên khảo nào đó, nhân luận về một nền văn học, có quyền bày ra một sự phân chia cho tiện lập luận. Tuy nhiên, sự phân chia cũng phải dựa vào những lý do chính đáng. Nhân một nhận xét đại quan về văn học trong phạm vi một bài diễn giảng, dùng đến việc chia miền và bị buộc tội chia rẽ xét ra cũng không oan. Hơn nữa, trong tình trạng nghèo nàn tác phẩm của chúng ta hiện

nay, những người ít ỏi phụng sự văn học thật tình đã và đang làm một công việc duy nhất là làm giàu cho ngôn ngữ, chưa mấy ai đã nghĩ tới đào sâu và thuyết minh cho những sắc thái địa phương. Hoàn cảnh chính trị cắt xén lãnh thổ càng gây nên một tình trạng hòa trộn sâu xa. Mở bất kỳ một tờ báo nào hay một tạp chí, một cuốn sách, ta cũng nhận thấy một sự thẩm thấu đặc sắc, nó chứng tỏ hùng hồn rằng ngôn ngữ Việt Nam chỉ có một. Một độc giả tinh ranh và chủ tâm tìm tòi sẽ có thể nhận ra một tác giả sinh trưởng ở miền Bắc hay ở miền Nam và sẽ thấy yêu tiếng nói của chúng ta hơn bao nhiêu lần vì nhận thấy sự tế nhị trong sự hòa trộn vì thói quen. Có thể có những đầu óc địa phương vì quyền lợi, nhưng không ai có đủ sức để cưỡng lại với ngôn ngữ nó phát xuất từ dòng truyền thống đã bao đời. Muốn chia rẽ người ta có

thể trốn ở sau một ngoại ngữ, nhưng đã cùng chung tiếng nói và sử dụng tiếng nói chung đó, hiểu được nhau qua tiếng nói đó, thì đừng bày chuyện chia rẽ làm chi cho mệt.

Và chúng ta không mong gì hơn trong một thời gian gần đây sẽ trông thấy những người Việt Nam ở khắp nơi họp nhau lại để hoàn thành một cuốn từ điển dùng làm tiêu chuẩn cho ngôn ngữ. Kết tinh được ngôn ngữ của chúng ta trong một cuốn từ điển tiêu chuẩn đầy đủ, do sự góp sức của đồng bào dù sinh trưởng ở Nam, ở Trung hay ở Bắc, chúng ta sẽ không bao giờ còn bị cái mặc cảm chia rẽ nữa. Địa phương có thể tạo nên cho mỗi người một vài thói quen nhưng hết thảy mọi người bắt buộc phải gặp nhau trong tiếng nói. Những tổ chức văn hóa dường như khá nhiều phương tiện,

những cá nhân huynh hoang với những tham vọng đội-đá-vá-trời, những người Việt chân thành với tiếng Việt : chúng ta còn đợi gì không hề nhau xây một lâu đài thống nhất : một cuốn từ điển Việt Nam tiêu chuẩn. Đó là căn bản yêu thương mà chúng ta sẽ để lại cho con cháu mãi mãi về sau vậy.

SĨ MỘC

TRIỂN LÃM HỘI HỌA TRẦN QUANG HIẾU

Khi mới đặt chân vào phòng Triển Lãm, cảm tưởng đầu tiên đến người thưởng ngoạn là thấy mình bị vây chặt bởi màu sắc, những vệt màu sắc bùng bùng bốc hơi trong lòng khuôn gỗ, toát

khỏi mặt kính bay tràn ngập căn phòng. Màu sắc của tuổi trẻ, của một tâm hồn say mê nghệ thuật. Người họa sĩ trẻ tuổi ấy đã say mê thật - hãy tin như thế - khi cầm bút vẽ trong tay, trước khuôn giấy trắng, trước những thỏi màu ngon như mật, đã tạo nên một không khí, không khí của người làm nghệ thuật chưa đầy 30 tuổi. Tương đối, qua những phòng Triển Lãm đã trưng bày từ đầu năm 1960, Phòng Triển Lãm của Trần Quang Hiếu đã mang lại sắc thái tiến bộ, tuy rằng sự tiến bộ này còn nằm trong lãnh vực tập luyện. Phòng Triển Lãm gồm 66 họa phẩm, chia làm 4 đề tài :

- 1) Thân tượng
- 2) Đường dài ngựa hay
- 3) Những tà áo Việt Nam

4) Lênh đênh sông nước

Trong bốn đề tài nói trên, họa sĩ đã áp dụng 3 phương pháp diễn tả với 4 kỹ thuật chuyên môn :

- 1) Thủ ấn họa (estampe)
- 2) Thái Thủy Họa (aquarelle)
- 3) Tranh lụa (peinture sur soie)
- 4) Sơn dầu (peinture)

Để có một ý niệm công bình về cái đẹp của Trần Quang Hiếu, chúng ta hãy đi vào từng đề tài của họa sĩ để tìm hiểu nghệ thuật qua bố cục, hình thể, màu sắc rồi sẽ phân tích đến kỹ thuật thực hiện của từng loại tranh.

Ở đề tài “Thần tượng”, với bút pháp khá mạnh bạo, họa sĩ Hiếu đã gây được ít nhiều rung động. Nhưng những rung

động phút đầu ở loại tranh này mất dần khi người ta nhìn kỹ thấy những kẽ hở của nghệ thuật qua bố cục, hình thể, màu sắc. Có lẽ những kẽ hở đó, không phải hoàn toàn do sự bất tài của họa sĩ mà biết đâu chẳng do vội vàng và sự bông bột của tuổi thanh niên? Hình thể khỏa thân chưa vững, bố cục không đặc biệt, tuy màu sắc có xao động, nhưng độ màu (gamme) dùng chưa đúng làm cho hức tranh rối ren qua từng vệt sáng tối của những nét bút chấm phá, hơn nữa, chất da thịt đàn bà chưa đạt đến độ cuồng mê như khi nhìn những “thần tượng” của Modigliani, Matisse, Rouault v.v...

Trong đề tài “Đường dài ngựa hay”, họa sĩ Hiếu đã tỏ ra có phong độ. Khả năng diễn tả ở loại tranh này, đã gây được rất nhiều cảm tình của những người thưởng ngoạn.

Bút pháp cứng rắn, bố cục gọn gàng, màu sắc biến chuyển qua từng trạng thái ở mỗi tấm tranh. Ở đây, mới có cái gì thực của họa sĩ Hiếu. Ông đã diễn tả bằng tất cả say mê, bằng nhiệt thành và bằng những rung động cuồng si nhất của tuổi trẻ qua hình ảnh những vó ngựa chạy rạt rừng sâu, với nét bút mạnh như tiếng sét và đôi khi chìm lắng âm u như tiếng gió lưng đèo. Họa sĩ Hiếu đã gửi hồn mình vào sức sống mãnh liệt của từng phiến màu rung rinh dưới vó ngựa. Có lẽ, đề tài này hợp với tâm hồn của họa sĩ, cho nên gần nửa phòng Triển Lãm được thực hiện bằng loại tranh này.

Với đề tài “Những tà áo Việt Nam” họa sĩ hình như bị lạc lõng giữa sự uyển chuyển, nhẹ nhàng của những tà áo chiều nay, không biết có phải vì ông xa quê hương mấy năm, mắt đã nhìn quen

lối sống “trần truồng” của các thành phố Âu châu chẳng, đến khi trở về bắt gặp lại những bóng hình quen thuộc không khỏi ngỡ ngàng phút giây đầu. Sự ra đi có những cái may và có những cái thiệt. Ở những bức “Đường dài ngựa hay” họa sĩ vẽ thanh thoát bao nhiêu thì ở đây nét bút đã tỏ ra lúng túng, vụng về trong những tà áo Việt Nam. Sự lúng túng nằm rõ rệt trong tác phẩm số 54 với những hình nét gò bó ở thân hình bốn cô gái khảng khiu như 4 thân cây mọc trơ vơ trên nền cỏ hoang dại.

Vào đề tài “Lên đèn sông nước”. họa sĩ Hiếu làm thơ nhiều hơn vẽ. Tất cả tác phẩm thuộc loại này đều tựa tựa nhau. Những dòng sông trắng, những con thuyền, những khóm tre đều diễn tả mờ ảo qua hòa sắc xanh đen đi vào trắng đục và vàng nhòe để nói lên mơ mộng.

Không có gì đặc biệt.

Sau khi tìm hiểu nghệ thuật của họa sĩ Hiếu qua những đề tài, bây giờ chúng ta hãy đi vào phần chuyên môn để phân tích kỹ thuật.

Họa sĩ Hiếu đã áp dụng 4 kỹ thuật khác nhau trong một phòng Triển Lãm. Họa sĩ Hiếu có một căn bản về kỹ thuật, dù rằng kỹ thuật đó đương được tôi luyện cho thêm phần vững chắc. Ở trong 4 loại : Thủ ấn họa, Thái Thủy Họa, Tranh lụa và Sơn dầu, người ta thấy họa sĩ Hiếu tiến xa ở 2 loại : Thủ Ấn họa và Thái Thủy Họa. Ở loại tranh lụa họa sĩ đã cố tìm một kỹ thuật mới bằng cách áp tranh ướt vào tường, để gây cho tranh lụa có cùng một tính chất với tranh sơn dầu, nhưng có lẽ, ông đã nhầm trong lúc đi tìm, vì ở trong lãnh vực Hội họa, mỗi loại tranh có một kỹ thuật riêng, hơn

nữa, sở dĩ kỹ thuật của Hội họa được phân chia từ lâu và sự phân chia từng ngành này còn được, và còn phải tồn tại vì mỗi loại tranh mang một sắc thái riêng biệt. Tranh lụa là tranh lụa, người ta nhìn tranh lụa với kỹ thuật của tranh lụa chứ không thể nhầm được tranh lụa là tranh sơn dầu, hay tranh bột màu được. Mỗi loại tranh chỉ quý và có giá trị khi nó mang được cá tính của từng nghệ sĩ và sắc thái đặc biệt của từng loại. Dù sao sự tìm tòi và cố gắng này cũng đáng khuyến khích vì trên những nẻo đường của nghệ thuật sự tìm tòi và khám phá bao giờ cũng được khích lệ.

Riêng về kỹ thuật loại Thủ ấn hoa, họa sĩ Hiếu đã tìm thấy một phần nào linh hồn của những tấm mộc bản gà, lợn thỏ xưa xưa, tuy kỹ thuật khắc và những hình thể đã được thời đại hóa. Họa sĩ

Hiếu áp dụng kỹ thuật mộc bản thuần túy Việt Nam bằng cách chỉ khắc bản đen tức là bản hình họa (dessin), ông in lên giấy bằng mực in, rồi ông vẽ màu lên trên, chỉ khác là ông không dùng phẩm nguyên chất như tranh gà, lợn mà ông dùng màu đã pha trộn đi vào hòa sắc Tây phương.

Về kỹ thuật của loại Thái Thủy họa, họa sĩ Hiếu có nhiều khả năng. Ông đã biết lợi dụng triệt để những độ màu cần thiết của kỹ thuật này mà vẫn giữ được sự trong trẻo rất cần thiết của loại Thái Thủy họa. Loại sơn dầu ông chỉ vẽ có một bức vì thế khó có thể căn cứ vào đó mà phê bình e có điều khiếm khuyết.

Nói chung, phòng Triển Lãm của họa sĩ Trần Quang Hiếu tương đối có một giá trị về nghệ thuật, nhưng với 4 đề tài nhất định, đã làm cho phòng Triển

Lẽm trở thành buồn nản, người thưởng ngoạn bị vướng mắt luôn luôn ở những sự vật tuy không giống h lẫn nhau, nhưng con ngựa dù đứng, dù chạy, dù nhảy, dù nằm nó vẫn chỉ là con ngựa. Còn một điều đáng tiếc hơn cả là hầu hết các họa phẩm đều mang một tính chất phác họa tô màu (esquisse) nhiều hơn là tác phẩm (œuvre).

LÝ TỬ

KHUÔN MẶT THỜI GIAN

Không khí văn nghệ tháng này sôi nổi. Ý kiến này của Thanh Nam vừa được đưa ra lập tức gặp sức đối kháng đông, mạnh. Hoàng Anh Tuấn nói : Nó không sôi nổi. Nó u uất, tức nghẹn. Nó là không khí của vở kịch Lôi Vũ. Trịnh Viết Thành nhắc tới một vở kịch khác : “Không khí văn nghệ tháng này thoát trông có một sắc thái sôi nổi. Nhưng sự sôi nổi ấy giả tạo. Nó là không khí vở kịch Les Sorcières de Salem. Bọn phù thủy ấy phao truyền sự đe dọa lớn bao vây thành phố : tà ma nhập vào thể

xác con người. Phải trừ khử, phải hỏa thiêu những thân thể lâm bệnh ấy. Và những người không gia nhập a tông với chúng đều bị tố giác là tà ma và bị hỏa thiêu. Hãy chuẩn bị chịu đựng lễ hỏa thiêu ghê gớm nếu không muốn đứng vào hàng ngũ phù thủy.” Thái Thủy nhận định tình hình qua một lăng kính khác : “có một không khí văn nghệ sôi nổi. Đồng ý. Không khí sôi nổi ấy giả tạo. Đồng ý. Giả tạo ở chỗ nào ? Ở chỗ tác phẩm lớn không có. Không có những tác phẩm dài rộng, những tập thơ cốt cách đến với cuộc đời. Do đó, không có những cuộc thảo luận văn nghệ thật sự mà đối tượng là tìm hiểu một tác phẩm, trình bày những điểm dị đồng về quan niệm văn nghệ. Mà chỉ có tờ báo này “đá” tờ báo kia, cá nhân kia. Tờ báo kia, cá nhân kia “hạ” tờ báo khác, cá nhân khác. Phải tách ra khỏi cái không khí sôi

nổi giả tạo ấy. Phải vượt lên trên. Nằm trong nó, sống trong nó, say trong nó là chìm.”

Những ý kiến của bạn bè mà tôi giữ lại trên “khuôn mặt thời gian” này mang hình ảnh những mốc khởi đầu cho một cuộc hành trình văn nghệ đi về đằng trước mặt.

Vào một buổi tối thứ bảy trời mưa, Nguyễn văn Trung đã nói chuyện tại một câu lạc bộ. Tôi không làm việc tường thuật buổi nói chuyện ấy trên mặt bìa này. Cũng không phê bình. Tôi chỉ muốn nói đến một ý nghĩ : cuộc nói chuyện đã ném vào tôi một xúc động lớn. Nguyễn văn Trung thuộc về số người ít ỏi của thế giới này dám nói lên những ý nghĩ chân thành của lương tâm, nói lên điều cần nói, điều phải nói, sự thật. Nói lên dù biết chắc rằng sẽ gặp áp lực, trở ngại, dù

sẽ bị xuyên tạc, phỉ báng, lăng mạ đâm vào lưng bởi một loài bò sát quen luôn tránh sự thật. Ông thuộc về số người ít ỏi của thế giới này dám nói lên những lời nói mang ý nghĩa của một dòng suối trong rửa sạch những nguy trang, mang hình ảnh của tấm gương soi chiếu thời đại, mang giá trị của lương tâm tập thể. Vì thế tôi gọi Nguyễn văn Trung là nhà triết học với tất cả những ý nghĩa trọn vẹn nhất của tiếng này.

NGUYỄN SA

GIÁ : 15\$00

In tại nhà in NAM SƠN
36, Nguyễn An Ninh – Saigon

